

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

VI THỊ HỒNG VÂN

CHỦ ĐỀ ĐÔ THỊ
TRONG VĂN XUÔI ĐỒ BÍCH THÚY

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

VI THỊ HỒNG VÂN

CHỦ ĐỀ ĐỒ THỊ
TRONG VĂN XUÔI ĐỒ BÍCH THÚY

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.01.21

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN DIỆU LINH

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ một công trình nào khác.

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Tác giả luận văn

Vi Thị Hồng Vân

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý thầy cô tham gia giảng dạy lớp Cao học Văn học Việt Nam khoá 9 tại trường Đại học Khoa học đã giúp đỡ, động viên, tạo mọi điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

Xin được tỏ bày lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo: TS. Nguyễn Diệu Linh đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Kính mến gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khích lệ, hỗ trợ tôi trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Tác giả luận văn

Vi Thị Hồng Vân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	2
3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4. Phương pháp nghiên cứu.....	6
5. Đóng góp của luận văn.....	7
6. Cấu trúc luận văn.....	8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	9
1.1. Vấn đề đô thị trong văn học Việt Nam đương đại.....	9
1.1.1. Chủ đề đô thị trong sự tiếp cận mới của văn học Việt Nam đương đại.....	9
1.1.2. Chủ đề Hà Nội trong văn xuôi đương đại.....	13
1.2. Sự xuất hiện của “Phố Thúy” trong dòng chảy văn học đương đại.....	17
1.2.1. Quan niệm về văn chương của Đỗ Bích Thúy.....	17
1.2.2. Sự chuyển hướng ngòi bút của Đỗ Bích Thúy.....	21
Tiểu kết chương 1.....	28
Chương 2: ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ CON NGƯỜI ĐÔ THỊ TRONG VĂN XUÔI ĐỖ BÍCH THÚY	29
2.1. Bức tranh xã hội đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy.....	29
2.1.1. Một Hà Nội nhẹ nhàng mà tinh tế.....	29
2.1.2. Một không gian đô thị chật hẹp.....	38
2.1.3. Sự đan xen giữa cái cũ và cái mới trong lòng đô thị.....	43
2.2. Con người đô thị - nơi ẩn chứa vẻ đẹp của văn hóa Hà Nội.....	51
2.2.1. Những con người đô thị vừa truyền thống vừa năng động.....	51
2.2.2. Những con người đô thị giàu lòng nhân hậu.....	56
Tiểu kết chương 2.....	61

Chương 3: NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CHỦ ĐỀ ĐÔ THỊ TRONG VĂN

XUÔI ĐỒ BÍCH THÚY	62
3.1. Hệ thống hình ảnh đô thị.....	62
3.1.1. Những hình ảnh đời thường nơi đô thị.....	63
3.1.2. Hình ảnh những con người đô thị	67
3.2. Ngôn ngữ đậm chất đô thị.....	75
3.2.1. Ngôn ngữ đậm chất Hà Nội xưa	75
3.2.2. Ngôn ngữ đô thị bình dân.....	79
Tiểu kết chương 3.....	84
KẾT LUẬN.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	87

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trên thế giới, đô thị được hình thành cách đây khoảng 5.000 năm. Dựa vào khảo cổ, đô thị đầu tiên trên thế giới là làng Uruk ở vùng Lưỡng Hà (tức Iraq ngày nay). Ở Việt Nam, đô thị mới xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đặc biệt là từ sau năm 1986, khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới với những chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế thị trường chiếm ưu thế tạo điều kiện cho sự phát triển của đất nước. Lúc này tốc độ đô thị hóa mới thực sự diễn ra một cách nhanh chóng làm thay đổi diện mạo đất nước, đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển nhanh chóng của các đô thị, đất nước ta cũng đang phải đối mặt với những hệ lụy mà quá trình đô thị hóa mang lại như: Con người đang dần bị tha hóa về đạo đức, lối sống bởi đồng tiền; một bộ phận trí thức bị tổn thương về tinh thần, tâm lý; không gian sống chật hẹp, giá cả hàng hóa cao khiến cho cuộc sống của đại đa số người dân chên vênh, thiếu thốn.

1.2. Trong văn học Việt Nam đương đại, đề tài đô thị đang là đề tài nóng bỏng được các nhà văn quan tâm thể hiện. Các nhà văn đã tìm đến mọi ngóc ngách của đời sống, con người đô thị với những mối quan hệ vừa phức tạp nhưng cũng đầy tình cảm. Tất cả đã tạo nên những mảnh sáng, tối đan xen nhau tạo nên bức tranh đô thị đa sắc màu. Để độc giả hiểu hơn về những vấn đề đô thị, các nhà văn đã không ngừng đi sâu, đi sát thực tế, xoáy sâu vào trạng thái tâm lý, nội tâm nhân vật, tạo cho người đọc cái nhìn khái quát nhất về những đổi thay đã và đang hình thành trong xã hội hiện đại.

Quan sát sự vận động của văn xuôi đương đại, có thể thấy các nhà văn đã có sự bén nhạy và linh hoạt trong cách tiếp cận, thể hiện và lý giải nhiều vấn đề của đời sống xã hội và con người đô thị. Sự mở rộng cái nhìn của người viết về một phạm vi, phương diện mới của đời sống xã hội hôm nay đã

cho thấy những thay đổi trong tư duy nghệ thuật của nhà văn trong việc chiếm lĩnh và khái quát hiện thực.

1.3. Đỗ Bích Thúy là một nhà văn trẻ. Chị đã khẳng định tên tuổi của mình trong nền văn học Việt Nam đương đại khi viết về đề tài miền núi. Tuy nhiên, những năm gần đây, chị đã chuyển hướng sáng tác sang đề tài đô thị và đã gặt hái được những thành công bước đầu ở mảng đề tài này như một điểm dừng chân thú vị. Đỗ Bích Thúy đã đưa người đọc tìm về ký ức của một thời đã qua nơi góc phố nhỏ, không gian náo nhiệt của Hà Nội qua những truyện ngắn trong tập *Đàn bà đẹp* và đặc biệt là tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là*. Trong không gian ấy, nhiều thế hệ người cùng sinh sống với biết bao lo toan bộn bề nhưng luôn tràn ngập sự ấm áp của tình người, tình đời.

Chuyển ngòi bút sang đề tài đô thị cũng là một sự chuyển hướng mạnh mẽ của một nhà văn đã quá thành danh với đề tài miền núi. Ở đây, ta thấy được cái nhìn mới của Đỗ Bích Thúy trong việc nhận thức về quan điểm sống cũng như sự biến đổi không ngừng về mặt văn hóa và con người đô thị đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chọn đề tài *Chủ đề đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy*, chúng tôi mong muốn có một cái nhìn tương đối hệ thống về vẻ đẹp của đời sống cũng như con người đô thị Hà Nội những năm 1990. Từ đó, nhận ra những đóng góp của chị trong việc khắc họa đậm nét văn hóa, đời sống con người đô thị trong nhịp sống vô cùng hối hả hôm nay.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Đỗ Bích Thúy sinh ra và lớn lên ở Hà Giang nên từ nhỏ chị đã mang những nét đặc trưng của núi rừng Tây Bắc. Sau này, chị theo nghề làm báo trên chính quê hương mình, được đi và được đắm mình trong đời sống văn hóa của các dân tộc, cộng thêm năng khiếu cảm nhận văn chương nên miền núi là đề tài chủ đạo trên mỗi trang viết của chị. Từ khi mới xuất hiện trên văn đàn, Đỗ Bích Thúy đã nhận được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu và bạn đọc. Tuy nhiên, vì đây là một tác giả trẻ, nên những bài viết về chị và các

tác phẩm của chị còn nằm rải rác trên các trang mạng. Những năm gần đây, tác phẩm của Đỗ Bích Thúy cũng là một đối tượng hấp dẫn của các công trình luận văn thạc sĩ. Có thể nói, tuy bài viết còn chưa nhiều, nhưng cũng là cơ sở quan trọng cho chúng tôi tìm hiểu nghiên cứu đề tài này.

Khi tác phẩm viết về Hà Nội đầu tiên của Đỗ Bích Thúy ra đời, Dương Thùy Chi ghi nhận sự chuyển hướng này là hành trình đi tìm thực đơn mới cho bữa tiệc văn chương: *“chị muốn mang đến cho độc giả mà chị đang viết về nơi đã gắn bó với mình suốt 16 năm qua, đã mang đến cho chị mọi vui buồn, chứng kiến chị đổi thay. Hà Nội đang dần gắn bó với tâm hồn u buồn chậm chạp của chị như những thanh vọng sau bờ rào đá ngày nào”* [22]. Trong bài ***Trong bếp tro tàn còn hòn than đỏ***, Ngô Văn Giá đã cho rằng khi tìm đến mảng đề tài mới này là Đỗ Bích Thúy đang thử sức tìm tòi, trải nghiệm. Tác giả bài viết cũng tỏ ra khâm phục trước sự thay đổi này của chị và tràn đầy hy vọng vào *“một thứ văn dân thân hơn nữa trong tư thế của một người nghệ sĩ - tri thức thực thụ”* [26].

Tình yêu Đỗ Bích Thúy dành cho Hà Nội bắt đầu từ những truyện ngắn đầu tiên viết về chủ đề đô thị trong tập truyện ***Đàn bà đẹp***. Trong bài viết ***Sương khói mịn mờ - Truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy***, Báo Nhân dân (5/2/2013) đã nhận định, ngòi bút của Đỗ Bích Thúy đã tìm thấy vẻ đẹp tiềm ẩn bên trong những góc tối tăm, ẩm mốc và lụp sụp của phố phường Hà Nội: *“...bên trong, thăm sâu cát giấu ở những hẻm ngõ đèn còn nhấp nhোang như sương khói, vẫn lóe sáng, âm i những điều tử tế, ân cần, chan chứa cái tình”* [23, 31].

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ là người rất quan tâm đến các sáng tác của Đỗ Bích Thúy khi có rất nhiều bài viết về tác giả trẻ này. Trong đó có bài viết ***Ngẫu hứng với Đỗ Bích Thúy qua Facebook***, nhà văn nhận định, Đỗ Bích Thúy có cách xây dựng truyện rất độc đáo và tinh tế: *“Truyện ngắn không có chuyện, sẽ tẻ nhạt nếu thiếu đi sự quan sát dựng cho ra những chi tiết có*

không khi hết sức tinh tế trong đời sống Hà Nội của một nhà văn vốn giàu tình cảm” [37]. Qua cái nhìn đôn hậu, Đỗ Bích Thúy đã bắt đầu bước chân vào từng góc ngách Hà Thành để cảm nhận được vẻ đẹp bình dị nơi đô thị những năm sau đổi mới, nhưng “vẫn giữ cốt lõi thăm thẳm hồn văn Thúy, vẫn nhận ra một cốt cách chậm chậm u buồn, như những âm thanh vọng lên sau bờ rào đá ngày nào, nay là hơi thở của Hà Nội ngàn xưa, yêu người và thương người để viết” [37]. Ông cũng khẳng định nhà văn nữ có sự quan sát rất tỉ mỉ “từ ngôn ngữ đến sắc thái đã lột tả chính xác một người đàn bà Hà Nội rất Hà Nội xa xăm” [37].

Khi Đỗ Bích Thúy ra mắt cuốn tiểu thuyết này, nhà văn Nguyễn Văn Thọ cũng đã một lần nữa khẳng định cái tài của chị trong việc khắc họa những chi tiết đắt giá: “Đỗ Bích Thúy rất mạnh về chi tiết, kết cấu khi dựng những trang văn xuôi dù ở bất cứ thể loại nào, từ tạp văn tới truyện ngắn, ưu điểm đó thêm một lần bộc lộ rất rõ trong **Cửa hiệu giặt là**. Những trang sách được viết từ sự quan sát tinh tế, giàu trực cảm đã làm nên bức tranh hấp dẫn bạn đọc có khi là những điều lặt vặt, có khi là tiếng cười giễu cợt...tạo nên một tiểu thuyết khá sinh động về đời sống đô thị hôm nay” [37].

Cát Đằng trong bài viết **Sự dịu dàng kiên định của Đỗ Bích Thúy** đã chia sẻ văn xuôi viết về mảng đề tài Hà Nội của Đỗ Bích Thúy như “Đưa người đọc trở lại với không gian chật hẹp và nhịp sống vội vã của phố phường. Nơi đó vẫn có những nỗi buồn, những tiếng thở dài lặng lẽ của những người phụ nữ do số phận trở trêu” [24]. Trong một xã hội nhiều biến động của những năm 1990, con người có lúc dường như chao đảo bởi những xô bồ tầm thường, nhưng may thay “đạo nghĩa truyền thống đã níu họ lại” [24]. Cái tài của Đỗ Bích Thúy là đã xây dựng một hệ thống những nhân vật điển hình của con người đô thị. Nhà văn dành sự ưu ái cho những người phụ nữ giản dị với những ước muốn thật đời thường, muốn “được yêu và có một gia đình êm ấm” [24].

Có thể nói, sự ra mắt của *Cửa hiệu giặt là* đem lại nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu. Nhà phê bình Bùi Việt Thắng trong *Phố Thúy* đã nhận định: dù khi mới đọc, tác phẩm cho người đọc cảm giác rời rạc, bởi nó “*như một thứ ghi chép hàng ngày (nhật ký), đôi chỗ lại như phóng sự điều tra, lúc lại như tản văn*”, nhưng càng đọc thì lại thấy “*những cận cảnh, những mảnh vỡ đời người được ghép lại một cách khá khéo léo, đến mức không còn thấy những vết ghép nối*” [35].

Nguyễn Xuân Khánh là một nhà văn nhiều năm gắn bó với Hà Nội, vừa cảm thấy tiếc nuối khi Đỗ Bích Thúy có sự chuyển hướng ngòi bút sau bao năm viết về đề tài miền núi đã quá thành công, nhưng ông cũng rất bất ngờ và thích thú bởi đó là “*một cuốn tiểu thuyết xinh xắn dựng lên sinh động một góc nhỏ Hà Nội*” [39]. Đỗ Bích Thúy đã “*thích ứng rất nhanh với Hà Nội. Cảm nhận của tôi về cuốn sách là sự yêu đời. Thúy viết, tôi đọc từng chữ một, đọc hết cuốn sách mà không bỏ qua. Thúy rất hóm hỉnh, rất tếu! Tôi già rồi mà đọc có những đoạn bật cười khúc khích...*” [39].

Trong bài viết *Nhà văn Đỗ Bích Thúy - Muốn sạo sục thế giới bằng đôi mắt cô thợ giặt là*, tác giả Mai An cho rằng “*Đỗ Bích Thúy đến với thể loại tiểu thuyết như là để làm mới mình, và từ lúc nào đó đã là một tế bào của Hà Nội*” [20]. Tác giả tỏ ra đồng cảm với Đỗ Bích Thúy khi cho ra đời một cuốn tiểu thuyết với mảng đề tài hoàn toàn mới là “*Vì sự chờ mong của bạn đọc. Và đó là một phần đời sống mà tôi đã và đang trải qua trong suốt mười sáu năm sống ở Hà Nội. Hơi thử...để tôi có thể viết về nó*” [20].

Tác giả Hoàng Đăng Khoa đánh giá những trang viết trong *Cửa hiệu giặt là* “*chan chứa cái tình của người viết, của nhà văn, của tấm lòng bao dung nhân hậu và thảo thơm, là sự rung rung cảm xúc*” [38]. Cách xây dựng cốt truyện, xây dựng bối cảnh cũng như việc sử dụng ngôn ngữ của tiểu thuyết cũng: “*... vừa lạ... vừa quen. Lạ không gian phố xá, giọng văn hoạt kể,*

rất đời. Còn cái quen là vẫn gặp những thân phận đàn bà trong văn Đỗ Bích Thúy, những thân phận đau khổ, buồn phiền, già nua, cẩu bẩn” [38].

Như vậy, sự chuyển hướng ngòi bút của Đỗ Bích Thúy sang đề tài đô thị bước đầu nhận được sự yêu mến của độc giả. Những bài viết, những nhận định về đề tài mới mẻ này đều cho thấy bạn đọc đánh giá cao tài năng và tâm huyết của nhà văn. Tuy vậy, cũng chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống về chủ đề đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy. Việc tiếp nhận những ý kiến đánh giá nêu trên sẽ là những gợi mở quan trọng cho chúng tôi tiếp cận và triển khai đề tài này với mong muốn có thêm một tiếng nói khẳng định nét độc đáo trong ngòi bút của Đỗ Bích Thúy khi viết về Hà Nội.

3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là đi sâu tìm hiểu về chủ đề đô thị trong các sáng tác của Đỗ Bích Thúy, qua đó thấy được cái nhìn của nhà văn về bức tranh đô thị trong xã hội đương thời. Luận văn cũng góp phần làm nổi bật vị trí, tài năng của một “nhà văn nữ xuất sắc hiện nay”. Đồng thời, làm tư liệu cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu một hiện tượng trong nền văn học Việt Nam đương đại.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi tập trung nghiên cứu chủ đề đô thị trong văn xuôi của Đỗ Bích Thúy.

3.3 Phạm vi nghiên cứu

Trong luận văn này, chúng tôi tập trung nghiên cứu, khảo sát một số truyện ngắn trong tập *Đàn bà đẹp* (2013), Nxb Văn học & Liên Việt và tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là* (2014), Nxb Phụ nữ.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau:

4.1. Phương pháp xã hội học

Xem xét sự phát triển của đô thị Việt Nam qua các giai đoạn, từ đó nhận ra đề tài đô thị trong mỗi thời kỳ. Qua đó, thấy được dòng chảy của đề tài này và phát hiện ra những nét riêng của Đỗ Bích Thúy.

4.2. Phương pháp thống kê, so sánh

Trong luận văn này, chúng tôi đã so sánh, đối chiếu với những tác giả khác có tác phẩm viết về đề tài đô thị để làm rõ những đặc sắc và độc đáo trong đề tài đô thị của Đỗ Bích Thúy. Từ đó, thấy được nét tương đồng và điểm khác biệt, mới mẻ trong tác phẩm viết về đô thị của Đỗ Bích Thúy so với các tác giả khác.

4.3. Phương pháp phân tích tổng hợp

Đây là thao tác cơ bản trong nghiên cứu các vấn đề văn học. Phương pháp này giúp người biết đi sâu khám phá những khía cạnh cụ thể của những tác phẩm, từ đó làm rõ hơn chủ đề đô thị trong văn xuôi của Đỗ Bích Thúy.

4.4. Phương pháp hệ thống

Đặt tác phẩm *Cửa hiệu giặt là* và một số truyện ngắn trong tập *Đàn bà đẹp* trong mối quan hệ biện chứng để từ đó nhận diện được chủ đề đô thị trong sáng tác của Đỗ Bích Thúy.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn bước đầu làm sáng tỏ những vấn đề đô thị trong các sáng tác của Đỗ Bích Thúy, qua đó khẳng định đây là một xu hướng nổi bật trong văn học đương đại Việt Nam.

Luận văn mong muốn góp thêm một tiếng nói khẳng định tài năng và vị trí của Đỗ Bích Thúy trong nền văn học Việt Nam đương đại.

Luận văn cũng sẽ là một tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, học tập nghiên cứu về văn học Việt Nam đương đại nói chung và nhà văn Đỗ Bích Thúy nói riêng.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần **Mở đầu**, **Kết luận** và **Tài liệu tham khảo**, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Đời sống xã hội và con người đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy

Chương 3: Nghệ thuật thể hiện chủ đề đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Vấn đề đô thị trong văn học Việt Nam đương đại

1.1.1. Chủ đề đô thị trong sự tiếp cận mới của văn học Việt Nam đương đại

Đất nước tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986). Cũng kể từ đây, văn học Việt Nam thực sự bước vào giai đoạn mà lịch sử gọi là văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Biểu hiện đầu tiên là sự đổi mới trong tư duy của người nghệ sĩ. Từ cảm hứng sử thi chuyển sang cảm hứng nhân văn đời thường đã tạo cho tác phẩm văn học gắn bó hơn với đời sống thường nhật, với số phận con người. Sự thay đổi của tư duy nghệ thuật sẽ kéo theo sự thay đổi lớn trong quan niệm về văn chương. Nhiều vấn đề phức tạp trước đây chưa có điều kiện thể hiện thì nay dần được đề cập tới một cách trung thực và sinh động. Mảng đề tài viết về đời sống cộng đồng những năm tháng đứng trước sự tồn vong của dân tộc được nhìn nhận đa chiều và sâu sắc hơn. Từ đó dẫn đến sự thay đổi về phong cách tạo nên một bức tranh đa sắc màu của văn học Việt Nam đương đại.

Sau 1986, với khẩu hiệu “*cởi trói*” của tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, các nhà văn đã dần tự tin và lấy lại phong độ trong việc khẳng định mình bằng cách thể nghiệm lối viết tự do, sáng tạo, mở ra cách tiếp cận hiện thực mới với “*các sự kiện, biến cố lịch sử đến hiện thực về con người, từ cái nhìn một chiều đến cái nhìn nhiều chiều, biên độ hiện thực đã được mở rộng, khả năng chiếm lĩnh đời sống của văn xuôi tăng lên. Những mặt trái, mặt khuất lấp, cái tiêu cực, cái xấu, cái bất hợp lý được phát hiện*” [9, 248]. Nhiều vấn đề tồn tại trong nhịp sống đời thường của con người được khám phá, góp phần tạo nên những tính cách văn chương độc đáo, nhiều tác phẩm có giá trị về mặt tư tưởng, được công chúng đón nhận.

Tác phẩm đầu tiên được coi là có sự đổi mới toàn diện, “*Phát triển mạnh khuynh hướng nhận thức lại hiện thực với cảm hứng phê phán mạnh mẽ*

trên tinh thần nhân bản” [9, 228] trong văn học Việt Nam đương đại là tiểu thuyết *Thời xa vắng* của Lê Lựu. Tác phẩm bao chứa một dung lượng lớn chặng đường lịch sử 30 năm oai hùng của dân tộc. Lịch sử được khái quát thông qua số phận của anh nông dân Giang Minh Sài: học giỏi, là niềm tự hào, hy vọng của cả gia đình và dòng họ. Nhưng cũng chính điều đó đã đặt lên vai cậu bé Sài một thứ áp lực khủng khiếp. Lúc nào Sài cũng phải nghe theo những điều mà mọi người xung quanh cho là “tốt nhất”. Anh ta không được lựa chọn cuộc sống cho mình kể cả việc lấy vợ. Khác hẳn với vẻ ngoài thô mộc, khô khan là một người đang vùng vẫy với niềm khao khát được yêu, được sống với cảm xúc thực của mình. Nhân vật Sài đã gọi cho người đọc những trăn trở rất đáng suy ngẫm về số phận con người.

Văn học đô thị được hiểu là những tác phẩm viết về đô thị và có tính chất hiện đại, dân chủ. Đối với các nhà văn sinh và và lớn lên hoặc chỉ ít cũng được sống một thời gian dài trong đô thị thì các tác phẩm của họ mới mang ý thức đô thị thực sự. Nhất là với các nhà văn thế hệ 8X, 9X thì đô thị đã trở thành một phần con người họ, chứ không đơn thuần là mảng đề tài mà họ quan tâm. Chúng ta có thể nhắc đến một số tác phẩm của họ như *Những thiếu thời lơ lửng* của Hạnh Nguyên, *Người ngủ thuê* của Nhật Phi, *Bên kia cánh cửa* của Hà Thủy Nguyên... Còn đối với các nhà văn không sống ở đô thị thì rất khó có được cảm quan đô thị. Sau *Thời xa vắng* là hàng loạt các tác phẩm văn chương lấy đề tài về đô thị ra đời: *Lạc chốn thị thành* (Phong Điệp), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải), *Huyền thoại phố phường* (Nguyễn Huy Thiệp), *Hà Nội những ngày trước Tết* (Thái Bá Tân), *Phố nhà binh* (Chu Lai), *Cửa hiệu giặt là* (Đỗ Bích Thúy), *Ba ngôi của người* (Nguyễn Việt Hà), *Cậu Ấm* (Trần Chiến), *Me Tư Hồng* (Nguyễn Ngọc Tiến)...

Trong những tác phẩm này, các nhà văn đã đi sâu vào mảng đề tài thể sự với việc tiếp cận đời sống con người cá nhân thông qua những mối quan hệ xã hội phức tạp. Văn xuôi viết về chủ đề đô thị thường tập trung khắc họa con

người đời thường mang bản chất và vẻ đẹp tự nhiên đời thường. Đó là sự bù đắp những khiếm khuyết về cảm quan nghệ thuật trong văn học ở các giai đoạn trước đó. Đồng thời khẳng định quá trình hình thành và phát triển đô thị một cách mạnh mẽ sau thời kỳ hội nhập đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn học như thế nào? Đô thị trong các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Phan Thị Vàng Anh, Phạm Thị Hoài, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải hiện lên đầy bản khấn trong cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, trong sự tranh chấp giữa nông thôn và thành thị. Các vấn đề mang tính cá nhân như tình yêu, tình dục, cá tính cũng đã phản ánh một cách đầy đủ...Hiện thực trong các tác phẩm viết về đô thị văn học đương đại đều là những mảng hiện thực mới, nó khác xa với “*huyền thoại phố phường*” mà Nguyễn Huy Thiệp đã từng viết.

Bên cạnh thế hệ các nhà văn tiền chiến và trưởng thành trong cách mạng, văn học thời kỳ này xuất hiện lớp nhà văn mới. Họ sinh ra, lớn lên trong hòa bình và được đào tạo một cách bài bản. Hơn nữa họ được đi học, làm việc, tiếp xúc với môi trường đô thị từ sớm. Đó là điều kiện thuận lợi để các nhà văn trải nghiệm về cuộc sống mới, con người mới trong bối cảnh xã hội mới. Chính vì vậy, khác hẳn với giai đoạn trước (văn học thường hướng đến những nhân vật người lính trong chiến tranh, nông dân trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa), giờ đây văn học lại hướng ngòi bút của mình vào đời sống đô thị nhộn nhịp và huyên náo, những con người với tất cả mọi mặt khuất lấp của cá nhân. Chúng ta bắt gặp sự thay đổi này không chỉ ở cả nền văn học mà ngay trong mỗi nhà văn cũng có sự thay đổi đó khi họ di chuyển ngòi bút từ nông thôn, miền núi đến với đời sống nơi đô thị. Khi chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ của lịch sử, đất nước, cảm quan về mặt nghệ thuật cũ lúc này không còn phù hợp, các nhà văn cảm thấy luyến tiếc, day dứt và không phải nhà văn nào cũng dễ dàng từ bỏ tư duy cũ để hòa theo cái mới. Chính vì vậy mà trong giai đoạn đầu sau đổi mới, ta hay bắt gặp kiểu đề tài mang tính xung đột, giằng xé giữa cái cũ và cái mới.

Nhưng trên tất cả, những tác phẩm viết về đề tài đô thị trong văn học đương đại đều có thiên hướng viết về những mảnh ghép cuộc sống, những số phận cá nhân với tâm lí đầy phức tạp... Từ sự thay đổi về đối tượng phản ánh, văn học đã có sự cách tân trong việc sử dụng ngôn ngữ hàng ngày với những khẩu ngữ, biệt ngữ, tiếng lóng... phù hợp với mọi đối tượng tiếp nhận công chúng... Ngôn ngữ trần thuật mang tính đa thanh “*sự xen lẫn của lời thoại nhân vật vào lời kể và đặc biệt là hình thức lời nửa trực tiếp đã góp phần làm mới nghệ thuật kể chuyện*” [18, 76]. Phương thức xây dựng nhân vật cũng có sự khác biệt so với các giai đoạn trước, con người hiện lên ở những vị thế và tính cách đa dạng, được phác họa và khám phá trên nhiều bình diện “*ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời sống tự nhiên, bản năng, khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát*” [9, 236].

Trong các tác phẩm đương đại, không gian đô thị hiện đại được phác họa qua những hình ảnh khác nhau, góc nhìn khác nhau: “*Từ không gian địa lý đến không gian tâm tưởng, từ không gian xã hội đến không gian cụ thể*” (Văn Ngọc). Trên mỗi trang văn, vẻ đẹp dịu dàng của Hà Nội dần dần hiện lên. Khi thì vào những ngày cuối đông, sương giăng giăng phủ khắp các ngõ phố “*Tất cả như lấp ló sau một tấm voan mỏng che khuôn mặt xinh đẹp đã hóa trang kỹ của cô dâu chuẩn bị về nhà chồng*” (**Rượu cúc** - Nguyễn Thị Thu Huệ). Khi thì là một Hà Nội vào những ngày hè, phượng đỏ rực trên các nẻo đường với tiếng ve kêu râm ran, nhức nhối. Đằng sau sự yên bình ấy đang tồn tại những biến động dữ dội của cuộc sống hàng ngày, cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Họ viết về đô thị chính là viết về một mảng đời của họ qua những trải nghiệm của bản thân với những day dứt, băn khoăn về sự thay đổi quá nhanh của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa trong đời sống kinh tế, đạo đức và nhân cách con người.

Văn học đô thị Việt Nam vẫn đang trong quá trình hình thành. Và cũng dễ nhận thấy văn học đô thị hiện nay còn nghèo nàn về đề tài, chủ yếu vẫn là viết về những chiêm nghiệm, suy nghĩ, suy tưởng bản thân của các nhà văn. Ở một số tác giả lớn tuổi, đô thị thường được nhìn với cái nhìn nhuốm màu hoài niệm. Và chỉ khi nào chúng ta hoàn toàn sống ở trong đô thị rồi thì cách nhìn ấy sẽ thay đổi. Khi đọc văn học viết về đô thị, người đọc không chỉ được thấy những mảng màu lấp lánh của đô thị mà còn thấy được những bất an về môi trường sống, sự tha hóa về đạo đức và nhân cách con người. Thế nhưng, những năm gần đây không thể phủ nhận sự hấp dẫn của chủ đề đô thị đối với nền văn học đương đại.

Các nhà văn trẻ hiện nay đã mở rộng phạm vi phản ánh về đô thị ra các tỉnh, thậm chí cả đô thị nước ngoài. Nhưng vẫn là sự đở vỡ với cảm giác xa lạ, luôn muốn khẳng định cái tôi cá nhân: *Blogger, Lạc chốn thị thành* (Phong Điệp), *Con gái Sài Gòn* (Dương Thụy), *Màu rừng nhuộm* (Đỗ tiến Thụy), *Động vật trong thành phố* (Nguyễn Vĩnh Nguyên), *Nhắm mắt nhìn trời* (Nguyễn Xuân Thủy), *Cửa hiệu giặt là* (Đỗ Bích Thúy)...

Có thể nói, chính quá trình đô thị hóa đã tạo nên sự ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn học, lực lượng sáng tác phong phú hơn cùng với những thay đổi về mặt cảm quan nghệ thuật của các nhà văn, các mảng đề tài trở nên phong phú và thiết thực. Ngoài việc khắc họa đậm nét hình ảnh phố thị thơ mộng, trữ tình, huyền ảo, nhộn nhịp, họ còn đi sâu vào phản ánh đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người đang sống và tồn tại trong môi trường với những cảm xúc riêng tư vui buồn lẫn lộn. Điều đó chứng tỏ sự trưởng thành của văn học đô thị. Các nhà văn trẻ hiện nay đang kiến tạo nên một hệ tư tưởng giá trị mới cho văn chương đương đại nói chung và văn học đô thị nói riêng.

1.1.2. Chủ đề Hà Nội trong văn xuôi đương đại

Viết về Hà Nội là một trong những mảng đề tài nhận được sự quan tâm của cả người viết lẫn độc giả. Các tác giả đương đại được tiếp nối tư duy cảm quan hiện thực đời sống phố thị từ sau đổi mới.

Tô Hoài là một nhà văn viết nhiều và thành công về làng quê Hà Nội, với: *Quê nhà; Những ngõ phố, người đường phố; Chuyện cũ Hà Nội*. Những câu chuyện viết về ngoại thành Hà Nội của Tô Hoài thiên về miêu tả những vui buồn rất đời thường của con người, những số phận hẩm hiu, thiếu may mắn. Tô Hoài thường chú ý đến những khát vọng hạnh phúc hết sức bình dị của người dân quê: sống, làm việc và yêu nhau. *Quê nhà* là tác phẩm tiếp tục khai thác đề tài làng quê ngoại thành Hà Nội nhưng là dựng lại không khí lịch sử khi Pháp bắt đầu đặt chân lên đất Hà thành. Nhân dân vùng ven thành quyết không cam chịu mà tìm mọi cách chống trả lại kẻ thù một cách nhanh nhạy và quyết liệt. *Chuyện cũ Hà Nội* cũng là một tập truyện đặc sắc về đề tài Hà Nội của Tô Hoài, “*có thể coi là một thứ Vũ Trung tùy bút thời hiện đại*” (lời của Nguyễn Vinh Phúc). Trong tác phẩm nổi bật lên hai phương diện đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân Hà Nội thời Pháp thuộc. Tô Hoài đã khắc họa một Hà Nội vừa tốt đẹp vừa có những lầm than, cơ cực. Nhưng cái đọng lại sâu sắc nhất trong lòng bạn đọc có lẽ là những nét đẹp văn hóa tinh thần qua những phong tục tập quán, lễ hội, văn học dân gian và sức mạnh tinh thần bền vững. Tác phẩm mang dấu ấn văn hóa tinh thần sâu sắc.

Tiểu thuyết *Cậu Ấm* (10 - 2014) của tác giả Trần Chiến có độ dày gần 500 trang lại đưa người đọc về với không gian và thời gian Hà Nội những năm trước và sau 1954. Cuốn sách cho chúng ta thấy Hà Nội huyên náo, vui tươi và nhộn nhịp sau những ngày giải phóng bằng “*lời viết cổ điển xưa cũ, dùng cách kể của một nhà Nho già dạy dốt thời quá, luôn muốn giữ cho mình vẻ nghiêm ngặt đạo mạo, giữ cái nét gốc của tiếng Việt pha lẫn Hán tự, dù đạo Khổng không còn là lựa chọn cho phương cách sống của người dân sống ở Hà Nội xưa*” (Việt Quỳnh). Cậu ấm Vận rất thông minh, sáng dạ. Nhưng trong xã hội nửa mùa tây ta lẫn lộn ấy, dường như “*có theo nghiệp viết lách thì cũng thành miếng giẻ chùi chân*” nên ông quyết từ bỏ nghiệp học hành, dấn thân vào nghề buôn bán và sớm trở thành một nhà tư sản giàu có, quyền lực. Chiến tranh đến, ông Thân - cha cậu bị thiệt mạng trong một lần đụng độ

với quân Pháp. Cậu Ấm Vận thừa kế số tài sản kếch xù của bố, nhưng cậu không nối nghiệp cha mà có lòng say mê ẩm thực vì anh hiểu rằng “*trong thời buổi xã hội loạn lạc, lịch sử buộc con người không thể đứng ngoài chính trị và sống mãi trong cảnh giàu sang*” [45]. Mảnh đất với những món ăn ngon phản chiếu chiều sâu văn hóa ẩm thực tồn tại hàng trăm năm nay được nâng lên tầm nghệ thuật vô cùng tinh tế. Chính “*cái nghề làm bếp thay vì làm thầy, làm ông chủ... lại là nghề giúp gia đình và bản thân Vận đi qua chiến tranh, biến thiên. Từ chỗ giấu ông bố tư sản để theo nghề nấu ăn đến làm anh nuôi cho kháng chiến, từ một chủ quán bún thang được cả người Pháp ưa thích đến làm đầu bếp cho cửa hàng ăn uống mậu dịch... cuộc đời Vận thực sự là tấm gương phản chiếu lịch sử Hà Nội một thời*” [45].

Hà Nội của Nguyễn Việt Hà trong tiểu thuyết ***Ba ngôi của người*** (2014) lại hiện lên xấu xí và nhón nháo: “*Nhà nghỉ nhiều nhan nhân làm cho Hà Nội trở nên một con đĩ thập thành*”, hay “*Hà Nội bây giờ thì buồn quá, nó không quá nghèo nhưng vô đạo và ít học*”. Lời văn Nguyễn Việt Hà có phần cay đắng và chua ngoa. Viết vậy bởi Nguyễn Việt Hà là người con của phố cổ, khi đã được sống với những gì tốt đẹp của Hà Nội trong quá khứ, nay phải chứng kiến những đổi thay đến chóng mặt của quá trình hiện đại hóa, tác giả không khỏi cảm thấy buồn và xót xa. Hà Nội không còn nét cổ kính phong rêu, con người cũng mất dần sự tinh tế. Thay vào đó, lối sống hiện đại khiến họ chao chát hơn, thô lỗ và cộc cằn hơn, ngày càng bị đồng tiền, địa vị, danh lợi chi phối: “*cái hồn không còn, cái xác chết đi. Hà Nội hiện lên trong **Ba ngôi của người** cục cằn thô lỗ bụi bặm đến xót lòng*” (Việt Quỳnh). Hà Nội trong văn Nguyễn Việt Hà là vậy, nhưng ngoài đời, đây là mảnh đất đã gắn chặt với tâm hồn anh. Và khi đọc tác phẩm này, nếu độc giả cảm thấy buồn, thì chính là đã hiểu Nguyễn Việt Hà, một người gắn bó với phố Nhà Chung nhiều năm, bên những người dân lam lũ buôn bán trên mảnh đất này. Những con người luôn bộc lộ chất gì đó rất riêng, rất Hà Nội.

Me Tư Hồng (9 - 2014) của Nguyễn Ngọc Tiến là cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh Hà Nội những năm cuối thế kỉ XIX đầu XX, giữa lúc Hà Nội mãi miết đan xen giữa cái cũ và mới. Nhân vật trong tác phẩm là bà Trần Thị Lan quê Nam Định. Sau những năm tháng tuổi thơ đầy cơ cực, mồ côi cha mẹ, gán nợ người em trai, bản thân phải sống nhờ, cô quyết định ra Hà Nội rồi làm vợ một sĩ quan Pháp và trở thành một Me tây chính hiệu. Bà lập ra công ty lấy tên Tư Hồng An Nam và nổi tiếng trong giới thầu khoán và vận chuyển. Trong lịch sử, người ta gọi bà bằng những cái tên “*phá thành Hà Nội*”, “*phá biểu tượng mà triều đình phong kiến dựng nên*” [40]. Một người đàn bà mạnh mẽ nhưng chịu nhiều bất hạnh phải chịu nhiều điều tiếng bởi sự khắt khe của dư luận xã hội. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tiến muốn bạn đọc đương thời nhìn nhận tích cực và nhân văn hơn về người phụ nữ này. Cuốn tiểu thuyết không chỉ mô phỏng chân dung của một nhân vật lịch sử có thật mà thông qua đó, bức tranh Hà Nội cuối XIX đầu XX hiện lên rõ nét “*không gian truyện với những tên phố, tên đường, nhà cửa, kiến trúc, ăn ở, sinh hoạt, trang phục...được tác giả miêu tả một cách chính xác. Điều đó chứng tỏ người viết không chỉ công phu trong khâu tìm hiểu dữ liệu, kiến thức cho tác phẩm, mà có một tình yêu lớn với mảnh đất Hà Nội mới dựng lên một giai đoạn lịch sử bằng văn như vậy*” [40].

Là một nhà văn trẻ, sống ở Hà Nội hơn 10 năm, Đỗ Bích Thúy coi đây như là quê hương thứ 2 của mình. Chị đã gắn bó với nơi này bằng thứ tình cảm thiêng liêng nhất. Những trang viết đầu tiên của chị về Hà Nội nằm trong tập *Đàn bà đẹp* và gần đây nhất là *Cửa hiệu giặt là*, cuốn tiểu thuyết đánh dấu bước thiên di về mặt sáng tác của tác giả *Sau những mùa trăng* về mảnh đất Băm sáu phố phường. Tác phẩm là một cuốn phim ghi lại cảnh sống của con người tại một khu phố nhỏ của Hà Nội rất thân quen. Bên góc phố nhỏ với cây long não, cây sấu trong không khí lãng đãng khi chớm đông, trong một cửa hiệu giặt là, nhiều thế hệ người cùng sinh sống. Họ có số phận khác nhau, quan điểm sống khác nhau, nhưng điều làm nên nét đẹp nơi đây chính là tình người,

tình cảm chân thành giữa người với người dành cho nhau, ấm nồng trên mỗi trang sách.

Có thể nói, văn xuôi đương đại viết về đề tài Hà Nội không nhiều, nhưng các tác giả đều dành sự ưu ái cho Thủ đô. Các nhà văn thường tập trung khai phá hình ảnh Hà Nội tồn tại trong lịch sử, phần lớn là những sự kiện trọng đại, những con người nguyên mẫu của một thời có tầm ảnh hưởng đến xã hội. Bên cạnh đó, cuộc sống của những con người thị dân đang bị giằng xé giữa cái mới và cái cũ cũng được phản ánh rõ nét, góp phần tạo nên sự đa dạng ở mảng đề tài phố thị hôm nay. Mảng đề tài về Hà Nội trong dòng văn học đương đại cũng nhận được sự quan tâm của nhiều thế hệ các nhà văn, với số lượng tác phẩm khá lớn và đạt được một số giải thưởng cao quý. Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên “*bày tỏ niềm vui khi gần đây có nhiều tác phẩm viết về Hà Nội, như một trữ lượng đang được khai phóng*”. Hà Nội qua một số tác phẩm đã đề cập ở trên được nhìn từ quá khứ đến hiện tại ở nhiều khía cạnh. Đó là bối cảnh của lịch sử với các nhân vật có thật hay hình ảnh một “*phường phố*” đương đại với “*những cái xấu xí*” đang hình thành, phát triển và chiếm lĩnh. Tất cả dường như là sự đối sánh để con người tìm lại các giá trị nhân văn nhất, để trả lại và gìn giữ nét đẹp văn hiến ngàn năm.

1.2. Sự xuất hiện của “Phố Thúy” trong dòng chảy văn học đương đại

1.2.1. Quan niệm về văn chương của Đỗ Bích Thúy

Nhắc đến Đỗ Bích Thúy là người đọc nhớ đến những nhân vật người phụ nữ dân tộc thiểu số với số phận hẩm hiu dưới dãy núi Mã Pì Lèng, bên dòng sông Nho Quế và những rừng hoa tam giác mạch ngút ngàn. Gắn bó với mảnh đất này đến khi trưởng thành và ngay cả khi sống nơi đô thị hơn 16 năm, Đỗ Bích Thúy vẫn không nguôi nhớ về nơi ấy. Trong một bài phỏng vấn, khi được hỏi: Hà Nội hay các đô thị lớn nói chung “*đồng hóa*” được nhiều người lắm. Lên đây học, làm việc, dần dà người ta thờ kiểu đô thị, sống kiểu đô thị, nói và viết kiểu đô thị, sao chị vẫn giữ con đường riêng (tức viết

về miền núi)? Đỗ Bích Thúy đã trả lời: *“Với nhà văn, tôi quan niệm, quan trọng nhất là chọn được đề tài đúng sở trường. Và miền núi chính là đề tài sở trường, đề tài “ruột” của tôi. Nhưng tôi cũng thay đổi đầy chữ, nếu nhìn dưới góc độ cuộc sống. Chỉ có điều, cuộc sống là cuộc sống, văn chương là văn chương, không thể lẫn lộn được. Cái đồng nhất giữa chúng về bản chất chính là cách nhìn về cuộc đời, về số phận, về cách ứng xử giữa con người với con người, cách “phản xạ” trước những biến động... Với công việc hiện nay, gia đình và con cái, tôi buộc phải thay đổi để thích nghi với một môi trường khác hoàn toàn với môi trường mình sinh ra và lớn lên. Nhưng sự thích nghi đó không thể đánh đồng với cái mà bạn gọi là bị “đồng hóa”. Còn mối thân tình với mảnh đất ruột thịt chính là nền tảng để tôi làm văn chương”* [30].

Trải qua tiến trình phát triển mạnh mẽ của lịch sử, nhất là sau Đại hội Đảng năm 1986, ý thức nghệ thuật trong đời sống văn học đã tạo động lực cho sự đổi mới về mặt tư duy sáng tác, các quan điểm mới về văn chương, nghệ thuật được hình thành. Quan niệm văn chương là khái niệm dùng để chỉ một chỉnh thể tập hợp những yếu tố về ý thức hướng đến sự định hình và nhìn nhận cuộc sống bởi chủ thể sáng tạo nghệ thuật, lấy nó làm điểm tựa, mục đích trong sáng tác, từ đó hình thành nên phong cách nhà văn. Với Đỗ Bích Thúy, chị quan niệm *“Văn chương như bông hoa ấy, và nhà văn chỉ là gốc rễ đầy đất cát, lặng lẽ chôn chân bên dưới mà thôi”*. Như vậy, với Đỗ Bích Thúy, văn chương không phải là sự đề cao lợi ích cá nhân hay tạo dựng hình ảnh cho mình mà là sự đề cao một cách tuyệt đối cái nhà văn viết phải có giá trị về nhận thức, về nội dung và nghệ thuật. Đỗ Bích Thúy cho rằng văn chương nếu những cái mới chưa được nhiều người tiếp nhận thì thà cứ viết về cái cũ để được yêu mến còn hơn. Bởi vậy, ngòi bút của chị hướng đến yếu tố truyền thống, thủy chung với *“cây hương bếp lửa”* quê mình, tạo nên một bầu không khí văn chương đặc trưng, riêng có trên từng trang viết. Với chị, chủ thể sáng tạo, phản ánh trong nghệ thuật phải *“sống hết mình, viết hết mình và viết những gì mình có, mình đau đớn vì nó, không vay mượn, cố gắng”* [13, 27].

Đỗ Bích Thúy có thời gian tuổi thơ gắn với mảnh đất Vị Xuyên, Hà Giang nên chị hiểu rất sâu sắc đời sống và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây. Những trang viết về đề tài miền núi của Đỗ Bích Thúy đã phản ánh một cách chân thực và sinh động vẻ đẹp văn hóa con người Tây Bắc hiện đại. Những tác phẩm của chị khác hẳn với truyện về Tây Bắc của nhà văn Tô Hoài những năm trước và sau 1945: *“truyện của Đỗ Bích Thúy ngôn ngữ bao nhiêu chất liệu đời sống của nơi các nhà văn hiện đại lâu nay sau Tô Hoài dường như bỏ quên, sót lại bao điều chưa biết về dân tộc Mông, Nùng, Tày, Thái. Những số phận cuộc đời và khát vọng của con người nơi rẻo cao của các vùng núi, mà tại đó văn minh đô thị là một thứ xa xỉ, vơi vơi là điểm có tính nhân, lặt đi lặt lại, dễ nhận thấy trong các truyện ngắn và tạp văn của Đỗ Bích Thúy”* [13, 28]. Trong văn chương, người viết muốn sáng tạo một tác phẩm hay thường phải có độ lùi cần thiết để chiêm nghiệm, suy ngẫm về vấn đề nào đó.

Đỗ Bích Thúy là nhà văn có trách nhiệm và làm việc một cách nghiêm túc, chuyên nghiệp. Chị cho rằng: *“Chuyên nghiệp là phải viết được dài hơi, viết được nhiều thể loại, xông pha vào nhiều đề tài, xoay trở trong cái đời sống chật chội để có một đời sống văn chương phong phú”* [37]. Hơn thế nữa, nhà văn phải tìm kiếm và dám dấn thân vào những thách thức mới, đề cao sự sáng tạo trong nghệ thuật. Nên khi chuyển hướng sang đề tài Hà Nội, chị cũng cho rằng đó là một thách thức với mình, phải *“Viết thế nào để có một Hà Nội đích thực, nhưng lại không giống những gì người ta đã viết, lại vẫn đảm bảo sức hấp dẫn của một tác phẩm văn chương đẹp đẽ, thực sự là khó biết bao”* [37]. Với Đỗ Bích Thúy, chỉ có đứng trước những khó khăn và thử thách thì người viết mới thực sự quyết tâm tìm ra lối đi cho mình. Nghĩa là, họ phải trải qua một quá trình cân nhắc, rèn giũa, lao động miệt mài vì công việc.

Hơn nữa khi đã dấn thân vào nghiệp văn thì phải viết mỗi ngày *“Đừng bao giờ ngừng viết, đừng bao giờ chờ những ý tưởng lớn để có tác phẩm lớn”*

[37]. Bởi chỉ có rèn bút thì mới nâng cao tính chiêm nghiệm của người cầm bút đối với các hiện tượng đời sống. Cũng chỉ có vậy, trong bất kì hoàn cảnh nào họ đều có thể phát hiện ra cái để viết làm sao cho nó gần với hiện thực đời sống và làm hài lòng bạn đọc. Đỗ Bích Thúy cũng cho rằng, hiện thực được phản ánh trong văn học không nhất thiết phải thuộc về những đại tự sự của lịch sử, dân tộc,... mà có thể chỉ là hiện thực đời sống của con người cá nhân, các mối quan hệ mang tính riêng tư, xúc cảm tồn tại trong bản thân họ,... Nếu nhà văn có tài và có tâm thì tất cả đều có thể trở thành những mảng đề tài hấp dẫn để văn học thỏa sức khám phá.

Đỗ Bích Thúy cũng rất chú ý đến nghệ thuật văn chương nên những tác phẩm của chị đều được đầu tư về không gian, thời gian nghệ thuật và các xây dựng hình tượng nhân vật. Nhà văn cho rằng, không gian và thời gian trong sáng tác *“Giống như một cái sàng, nó lọc đi tất cả những thứ không cần thiết, giữ lại cho ta trên mặt sàng những hạt gạo tròn trĩnh, sáng bóng. Những hạt gạo này giúp nhà văn viết nên tác phẩm có độ sâu sắc, dày dặn, thấm thía”* [37]. Trên những dòng viết, chữ tình chiếm một vị trí then chốt *“Một câu văn có sức nặng không thể không hàm chứa cái tình của người viết ở trong đó”* [37]. Nó là thứ quan trọng nhất hướng nhà văn đặt chân khám phá vùng đất mới để họ có thể tìm tòi, đi sâu vào vấn đề, đồng thời tạo nên phong cách, dấu ấn riêng. Cùng là một hiện tượng đời sống nhưng cách cảm nhận và thể hiện của mỗi người sẽ khác nhau. Với Đỗ Bích Thúy, cái tình của người viết phải là *“sự run rẩy đầy xúc cảm trong từng câu và chữ”* [37], để người đọc luôn có cảm giác gần gũi, thân thuộc, đồng điệu với mình.

Là một nhà văn trẻ, nhưng dù sáng tác ở mảng đề tài miền núi hay phố thị Đỗ Bích Thúy vẫn luôn thể hiện những tình cảm đặc biệt, cái nhìn nhân hậu và bao dung trên từng trang giấy. Mỗi tác phẩm của Đỗ Bích Thúy là một bức tranh sinh động về cảnh vật lẫn con người ở các thời kỳ lịch sử khác nhau, hình thành nên những sắc thái thẩm mỹ văn chương đa dạng, được khơi

nguồn cảm hứng từ sự đam mê, trăn trở và đầy trách nhiệm. Một điều quan trọng là Đỗ Bích Thúy muốn dùng văn chương để lưu giữ văn hóa. Mỗi câu chuyện của chị đều gắn liền với một địa danh nào đó và đều mang những nét văn hóa rất riêng. Nhà văn cho rằng văn hóa là linh hồn của một vùng đất. Và nếu khi viết văn, nếu nhà văn chỉ tập trung kể chuyện mà không lồng ghép được các giá trị văn hóa vào đó thì tác phẩm đó sẽ kém hấp dẫn và chân thực.

1.2.2. Sự chuyển hướng ngòi bút của Đỗ Bích Thúy

Đỗ Bích Thúy sinh năm 1975, lần đầu tiên xuất hiện trên văn đàn vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX, và là một trong số ít cây bút thành công ở mảng đề tài miền núi với hàng loạt các tác phẩm đặc sắc ***Sau những mùa trăng, Những buổi chiều ngang qua cuộc đời, Kí ức đôi guốc đỏ, Bóng của cây sồi, Tiếng đàn môi sau bờ rào đá...*** Các tập truyện, câu chuyện như những mảnh ghép cuộc sống của con người Tây Bắc. Đỗ Bích Thúy sinh ra và lớn lên ở Hà Giang, và nơi đây là một vùng đất rất thân quen với chị, những kiến thức về địa lý, văn hóa và đặc biệt là văn hóa của người H'mông và người Tày đều được chị thu thập từ rất lâu. Và khi đã có một lượng kiến thức nhất định chị mới bắt tay vào viết. Và hầu hết các tác phẩm đầu tay của chị đều viết về đề tài quen thuộc là miền núi, nơi quê hương chị. Thế nhưng, các tác phẩm ấy không lặp lại một cách nhàm chán mà mỗi tác phẩm lại đề cập đến những hoàn cảnh, số phận khác nhau. Đọc văn Đỗ Bích Thúy, người đọc như được sống trong không gian của núi rừng Tây Bắc vừa bình yên trong những nét văn hóa độc đáo, vừa dữ dội với những số phận nhân vật, những cảnh đời ngang trái, đau đớn đến xót xa.

Khác với những nhà văn người dân tộc thiểu số chính gốc, Đỗ Bích Thúy là người xuôi nhưng sinh ra và lớn lên nơi cực bắc địa đầu Tổ quốc, vì thế “*chị viết về vùng cao trong tâm thế của một người đi xa vừa thấy nhớ, vừa thấy đặc sắc, thấy lạ*” [22]. Đỗ Bích Thúy nhớ về một Tây Bắc luôn ngập tràn cảnh sắc núi rừng, những nương ngô rướn thân mình qua hốc đá, màu vàng rực

của hoa cải, với những thung lũng tam giác mạch thơ mộng và trữ tình. Những người con gái Mông như những con bướm sắc sỡ sắc xuân uyển chuyển theo từng bước đi trong tiếng sáo vun vút bay theo gió trong gió của những chàng trai. Trong văn Đỗ Bích Thúy, ta thấy hiện lên rõ ràng nét văn hóa đặc sắc qua phiên chợ tình, qua những tập tục cổ hủ,... đến những nét sinh hoạt đời thường của gia đình xung quanh bếp lửa. Mỗi người có hoàn cảnh, số phận khác nhau nhưng tuyệt đại đa số họ thường rơi vào bi kịch khi kinh tế thị trường thời hiện đại tràn qua tác động trực tiếp tới họ. Nhiều vấn nạn thời hiện đại như ngoại tình, ma túy và sự lừa lọc đã làm tha hóa những tâm hồn chân thật, bình dị của con người nơi đây.

Với phong cách nghệ thuật đặc biệt, chị đã tìm cho mình một lối đi không ồn ào, hoa mỹ mà miệt mài, cần mẫn. Đến nay, có nhiều bài báo viết về chị và tác phẩm của chị. Phần lớn các nhà nghiên cứu và bạn đọc đều khẳng định, thế mạnh của Đỗ Bích Thúy là đời sống của người dân Tây Bắc với những không gian vừa quen vừa lạ cùng những phong tục tập quán đặc thù khiến người đọc luôn cảm thấy tò mò và bị cuốn hút. Trong truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy, không gian Tây Bắc hiện lên đậm nét, để lại dư vị khó quên trong lòng người đọc.

Gắn bó với Hà Giang là thế, nhưng Đỗ Bích Thúy còn có một miền để nhớ khác, đó là Hà Nội. Khi đến với mảnh đất Thủ đô ngàn năm văn hiến để học tập và làm việc, Đỗ Bích Thúy mang trong mình nỗi niềm âu lo và da diết nhớ về mảnh đất Hà Giang đã từng gắn bó cả tuổi thơ. Cô gái đất Vị Xuyên vốn chỉ quen với hình ảnh dòng sông Nho Quế hiền hòa chảy quanh năm dưới những lòng thung sâu hút tầm mắt, những cao nguyên đá vôi hùng vĩ...nay sống trong môi trường phố thị phồn hoa, con người, cảnh vật, văn hóa có sự khác biệt, lúc đầu khiến chị không khỏi cảm giác choáng ngợp. Trải qua những tháng ngày sinh viên với những vui buồn trong cuộc sống nơi đô thị, chị đã gắn bó hơn với nơi này. Chị không còn cảm thấy lạc lõng, cô đơn nữa mà như mỗi lương duyên đã hẹn tự bao giờ *“Tôi không có cảm giác chênh*

vênh khi chuyển công việc, chuyển cuộc sống về Hà Nội. Mọi thứ đã và đang diễn ra hết như nó đã được vạch ra từ trước đó rất lâu” [33]. Mảnh đất với những nét đẹp văn hóa đã nuôi dưỡng tâm hồn chị để rồi khi rời xa nó chị có cảm giác như phải rời xa một môi trường, luyến tiếc và day dứt khôn nguôi. Nhất là từ khi quyết định lấy chồng và gắn bó lâu dài với mảnh đất này. Chị biết chị đã đủ chín chắn để hiểu mình đang làm gì và quyết định dấn thân vào nghiệp văn chương nghĩa là chị đã mang trong mình dòng máu nghệ thuật từ rất lâu rồi. Đỗ Bích Thúy cho rằng, đó không phải là quyết định thiếu suy nghĩ, mà “*Tôi là người vừa mơ mộng vừa thực tế. Mơ mộng vừa đủ để nhìn ra thực tế, thực tế vừa đủ để nuôi mơ mộng*” [33]. Đôi lúc, chính chị cũng cho rằng mình thực sự mạnh mẽ, dám vượt ra khỏi những chuẩn mực xưa cũ để sống theo nhịp đập con tim mạch bảo. Đến tận bây giờ “*hiều lúc tôi vẫn tự hỏi không biết vì sao mình có thể vượt qua được tất cả những thử thách khủng khiếp khi ấy để giành lấy cuộc sống hôm nay*” [28].

Sợi dây kết nối Đỗ Bích Thúy với Thủ đô chính là tình yêu: tình yêu gia đình, tình yêu sự nghiệp. Câu chuyện tình của tác giả ***Sau những mùa trăng*** ẩn chứa những điều đặc biệt khiến ai nghe cũng cảm thấy ấn tượng và khâm phục. Chính thức trở thành công dân Hà Nội, chị sống cùng với gia đình chồng ở con phố Lê Văn Hưu, những kỷ niệm về một thời xa xưa ấy lúc nào cũng âm ỉ cháy trong trái tim người phụ nữ tưởng mạnh mẽ mà vô cùng đa cảm. Đã đến lúc Đỗ Bích Thúy nhận ra cần phải thay đổi “*Khi một nhà văn đã tạo dựng được những kiểu thức (motif) cho dù có sống động và hấp dẫn bằng mấy cũng là lúc bắt đầu chứa chấp một nguy cơ: trở thành khuôn mẫu. Mà khuôn mẫu chính là chỗ dừng lại của nghệ thuật*” [26].

Chuyên hướng ngòi bút sang đề tài Hà Nội cũng chính là một lời tri ân của chị đối với mảnh đất này. Đó cũng là định hướng mới đầy mạnh mẽ và quyết liệt. Thế nhưng với một mảng đề tài đã quá thân thuộc trong mắt độc giả qua sự tìm tòi, khám phá của các nhà văn lão làng như Nguyễn Tuân,

Thạch Lam, Tô Hoài, và cả những nhà văn thuộc thế hệ 6X, 7X... thì quả là một thách thức đối với các nhà văn trẻ như Đỗ Bích Thúy. Tuy nhiên, Đỗ Bích Thúy đã tạo nên một “*Phố Thúy*” (Bùi Việt Thắng) rất riêng. Cái riêng ấy nằm ở điểm nhìn nghệ thuật, ở cách cảm nhận về văn hóa, con người Hà thành của một người từ miền núi về miền xuôi. Nhưng quan trọng hơn, trong trái tim người đàn bà ấy đã tồn tại một tình yêu chân thành với mảnh đất này, chị “... viết về nó với tình yêu ấy, với nỗi xúc động đến run rẩy khi nghĩ về nó, như khi người đàn ông đem lòng yêu một cô gái, anh ta nhất định phải tìm cách để thổ lộ” [33]. Chính vì vậy, ngôn ngữ, hình ảnh là vấn đề then chốt tạo nên một Hà Nội rất riêng của Đỗ Bích Thúy. Nhà văn cho rằng không thể dùng ngôn từ của dân tộc thiểu số, không thể dùng phương thức giao tiếp của người dân tộc... để viết về Hà Nội, giống như cách nói của chị “*Người ta không thể lấy giọng điệu của mảnh này để viết về mảnh kia, quần nào thì áo này, không xộc xệch tùy tiện được*” [33]. Cho nên, bằng cái rất riêng của mình, Đỗ Bích Thúy đã đưa người đọc đến một Hà Nội vừa xa lạ lại vừa thân thuộc, vừa trầm mặc vừa nhộn nhịp, vừa tâm linh vừa hiện thực, vừa cổ xưa lại vừa nhuốm màu hiện đại.

Sự “*mở mang bờ cõi văn chương*” đầu tiên của Đỗ Bích Thúy là tập truyện ngắn ***Đàn bà đẹp*** (2013). Tập truyện đánh dấu sự chuyển hướng đến phố thị của Đỗ Bích Thúy như “*một thứ trái chín, bắt đầu ửng hồng*” [35]. Đây là tập truyện tập hợp nhiều câu chuyện mà chủ yếu vẫn trung thành với không gian núi rừng Tây Bắc qua một loạt các mẫu truyện đặc sắc về những góc khuất tiềm tàng của con người nơi rẻo cao trên phương diện vật chất và tinh thần với *Mẹ kế, Khách quý, Mèo đen*,... Nhưng những câu chuyện cuối tập khiến bạn đọc không khỏi bất ngờ khi xuất hiện một số mảnh truyện viết về cuộc sống và con người thành thị: *Trong đám đông có một ánh mắt, Đàn bà đẹp, Swong khói mịt mờ, Chiếc hộp khám trai*. Viết về đô thị, nhưng Đỗ Bích Thúy chỉ viết những câu chuyện về đời sống thường nhật của các cặp vợ

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

chồng trẻ thời hiện đại và những người phụ nữ đại diện cho vẻ đẹp Hà Nội xưa. Bên cạnh một Hà Nội bình dị qua những ngôi nhà cao tầng cổ kính, không gian bình lặng, yên ả dưới tán sấu, hàng me bên góc phố, những món ngon truyền thống, thú vui tao nhã là hình ảnh con người với lối sống hiện đại, phố thị huyên náo và nhộn nhịp. Sự chuyển hướng đầu tiên ấy đã là sự day dứt trong lòng nhà văn trẻ bởi đây là vùng đất hơn một thập niên Đỗ Bích Thúy học tập, sinh sống và làm việc.

Tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là* (2014) ra đời như một cuộc hành hương thật sự về với Thủ đô của chị. Trong tiểu thuyết này chị đã chia sẻ: *“Tôi đã có những ngày được sống như thế, ở một cái góc nhỏ bé của Hà Nội mà cái xưa và cái nay đang còn đan xen, trộn lẫn, cùng tồn tại. Đã sinh con, nuôi con, cùng gia đình chồng duy trì một cuộc sống bình yên; đã vượt qua cái cảm giác lạc lõng thấy Hà Nội chỉ là chốn dừng chân tạm thời... để đến lúc cảm thấy một Hà Nội thật thân thương ấm áp; một Hà Nội mà ở đó có những cuộc đời bình dị được trôi đi với tận cùng vui buồn, sướng khổ... Và cuốn sách này, ghi lại những câu chuyện diễn ra ở góc phố ấy. Cái góc phố Hà Nội thật dễ thương, thật đáng mến, với những cảm xúc đắm say của một người đã biết thế nào là tình yêu Hà Nội”* [16, 9]. Chị đã gắn bó với Hà Nội từ đó, để rồi những vui buồn ấy được dãi bày trên từng trang sách. Có thể nói sự chuyển hướng ngòi bút của Đỗ Bích Thúy từ đề tài miền núi sang đề tài đô thị đã nhận được nhiều sự đồng thuận của độc giả. Không gian hiện thực lúc này không còn là những thung lũng đá vôi với dãy rừng già nguyên sinh, những đồi hoa tam giác mạch, những khe suối róc rách từ thượng nguồn, không còn mùi khói bếp, mùi của phân bò khô bị đốt cháy. Thay vào đó, hiện thực phố phường hiện lên với đầy đủ sắc màu hỗn độn của những biển hiệu, của cây bàng lá đỏ, của cây cơm nguội vàng hòa cùng những âm thanh của tiếng rao từ người bán rong, tiếng còi tàu, xe cộ, tiếng nói cười huyên náo và nhộn nhịp của một cửa

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

hàng bên lề phố. Và cả những sắc buồn một màu trầm tư bên trong tâm hồn con người.

Đỗ Bích Thúy đã dựng lại một Hà Nội quen thuộc mà ta có thể bắt gặp ở bất cứ góc phố nào. Tác phẩm giống như những trang nhật ký ghi lại những câu chuyện nhỏ nhất trong cuộc sống nơi con ngõ nhỏ. Đó là vợ chồng Oanh - Phương, chủ tiệm giặt là tốt bụng, giàu tình thương người. Đó là cô Viên 35 tuổi quá lứa lỡ thì nhưng không chịu lấy chồng; Đó là ba nhân viên ngoại tỉnh làm việc trong cửa hiệu đang ở tuổi mới lớn. Những con người ấy đã sống trong tình yêu thương, chia sẻ với nhau mọi buồn vui. Mỗi người là một mảnh ghép không thể thiếu trong bức tranh cuộc sống Hà thành hôm nay. Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên nói: *“Đỗ Bích Thúy viết về Hà Nội hôm nay trong sự pha trộn, giằng xé của quá khứ và hiện tại, của những giá trị truyền thống cũ và lối sống kinh tế thị trường, của người Hà Nội xưa và nay đi làm thuê”* [30].

Trong các tác phẩm của Đỗ Bích Thúy viết về Hà Nội, không còn những con người mang vẻ đẹp hoang dã với lối sống thẳng thắn, thật thà, thuần phác, như ở mảng đề tài viết về miền núi. Thay vào đó, là hình ảnh những con người của phường phố, lối sống và tâm tư của họ pha trộn trong các mối quan hệ hôn nhân, gia đình, đồng nghiệp với bối cảnh xã hội đầy phức tạp, bon chen. Hiện lên trên trang viết của Thúy là tuýp người thuộc thế hệ xưa với nét tinh tế, nhẹ nhàng, nhã nhặn với một tình yêu và sự trân trọng những giá trị vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó còn là những người lao động nhọc nhằn kiếp mưu sinh từ quê lên thành phố với mong muốn thoát cảnh đồng ruộng chân lấm tay bùn với những hoài bão nơi đô thị.

Có thể nói, sự chuyển hướng ngòi bút của Đỗ Bích Thúy từ đề tài miền núi sang đề tài đô thị đã mang đến cho người đọc một cái nhìn mới về đời sống và con người thị thành giữa cuộc sống hỗn tạp, bon chen hiện nay... Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đánh giá Đỗ Bích Thúy *“đã chạm được vào tâm hồn Hà Nội”*, đồng thời rất giàu giá trị hiện sinh khi mỗi câu chữ đều *“ngồn*

ngôn hơi thở của đời sống” [40]. Chính Đỗ Bích Thúy đã từng bộc bạch: “Cuộc sống này rất đáng sống, và không có lý do gì để ta phụ bạc nó hay nhìn nó với con mắt u ám, đen tối cả. Được sinh ra, được hít thở dưới bầu trời này đã là niềm hạnh phúc lớn đối với mỗi cá nhân. Đối diện với những biến động của đời sống, với bao khó khăn, chông gai mà chúng ta gặp phải mỗi ngày, cần tin rằng vẫn luôn có ánh sáng, vẫn luôn có lối thoát để ta tìm được tình yêu, tìm được niềm tin vào mảnh đất, vào mỗi con người đã gắn bó với mình” [41].

Cũng giống như bất cứ nhà văn nào khi tìm tòi miền đất mới, khi chuyển hướng sáng tác cũng đều gặp những khó khăn nhất định. Đỗ Bích Thúy cũng không phải là ngoại lệ. Nhưng với chị, từng bước nhận ra và khắc phục những khó khăn ấy là để đem đến cho người đọc một không gian đô thị mới, không trùng lặp với các nhà văn khác và để bạn đọc không cảm thấy thất vọng khi đã quá quen văn của chị ở mảnh đề tài miền núi. Chị cũng không phải quá tự tin để khẳng định mình sẽ thành công ở mảng đề tài mới này, nhưng chị khẳng định: “... tôi yêu Hà Nội và tôi sẽ viết về nó với tình yêu ấy, với nỗi xúc động đến run rẩy khi nghĩ về nó, như khi người đàn ông đem lòng yêu một cô gái, anh ta nhất định phải tìm cách để thổ lộ” [33].

Tiểu kết chương 1

Đô thị được hình thành từ rất lâu trong lịch sử của nước ta và phát triển mạnh mẽ từ sau khi thực dân Pháp xâm lược (sau 1945). Ở thời kì này, văn học hiện đại vừa kế thừa truyền thống, vừa phát huy những giá trị cốt lõi của văn học dân tộc. Đời sống và con người đô thị đã nhanh chóng trở thành một đề tài mới, có sức hấp dẫn đối với các nhà văn. Đặc biệt, sau khi đất nước ta bước vào thời kì đổi mới, nhiều nhà văn có xu hướng chuyển dịch ngòi bút sáng tác sang đề tài đô thị. Đỗ Bích Thúy cũng không ngoại lệ. Với vốn sống, những am hiểu về văn hóa, con người Thủ đô, chị đã đem hết những cảm xúc của mình để đưa những nét văn hóa, con người đô thị vào trang văn, góp phần tạo nên những thay đổi trong đời sống văn học Việt Nam đương đại. Những câu chuyện nhỏ trong *Đàn bà đẹp* và đặc biệt là *Cửa hiệu giặt là* là minh chứng rõ nét nhất cho sự chuyển dịch thành công của ngòi bút Đỗ Bích Thúy.

Chương 2

ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ CON NGƯỜI ĐÔ THỊ TRONG VĂN XUÔI ĐỖ BÍCH THÚY

2.1. Bức tranh xã hội đô thị trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy

2.1.1. Một Hà Nội nhẹ nhàng mà tinh tế

Trong văn học đương đại viết về đề tài đô thị, người đọc thường thấy vẻ đẹp dịu dàng của không gian, cảnh quan đô thị như: “*Hà Nội cuối đông. Đêm xuống mù sương. Tất cả như lấp ló sau một tấm voan mỏng che khuôn mặt xinh đẹp đã hóa trang kỹ của cô dâu chuẩn bị về nhà chồng*” (*Rượu cúc* của Nguyễn Thị Thu Huệ). Hay “*Tháng năm. Những chùm phượng đỏ vít cong cành trên các ngõ phố. Không gian inh inh tiếng ve gọi cảm giác hồi hộp và sôi động. Nàng đứng dưới góc phố chờ chàng*” (*Tình yêu ơi, ở đâu?* của Nguyễn Thị Thu Huệ).

Tuy nhiên, không phải nhà văn nào cũng hướng ngòi bút của mình đề tả về những nét quyến rũ, dịu dàng của Hà Nội. Nhiều người trong số họ đã có những hướng tiếp cận mới về đô thị từ nhiều phương diện khác nhau. Chẳng hạn, nhân vật trong trang văn của Phong Điệp thường là những người trẻ, sống tạm bợ trong những căn phòng chật hẹp với nhiều nỗi niềm, lo lắng khi “*chân ướt chân ráo*” gia nhập đời sống đô thị. Họ luôn căng mình trong những guồng quay của công việc: “*Thường thường tám giờ tối mới rũ rượi về nhà. Ăn qua quýt một cái gì đó rồi đổ vật ra giường, ngủ một mạch đến bảy giờ sáng hôm sau. Những ham muốn, đam mê dần bị tước bỏ. Quay quắt mấy chốc đã cảm thấy mình hết đời rồi. Chồng con bây giờ không còn là một cái gì quá cấp thiết*” (*Ngôi nhà ngập tràn ánh nắng*). Hay đó còn là cuộc sống của những người nhập cư từ tỉnh lẻ về đô thị với nỗi lo mưu sinh, nhà cửa (*Trở về*). Trong nhiều truyện ngắn, Nguyễn Việt Hà đã dành sự quan tâm tới đời sống và con người Hà Nội, đặc biệt là những con người thị dân, tầng lớp trí thức.

Quán rượu của Đỗ Phấn lại cho người đọc thấy một góc nhìn về nhịp sống đô thị, một nhịp sống hối hả kéo theo con người vào nhịp sống gấp gáp “*Phố đã lên đèn. Ánh sáng yếu ớt hắt trên những gương mặt người thiếu nữ sau một ngày vật lộn mưu sinh. Những gương mặt giống nhau đến kì lạ. Chỉ hở ra một khuôn hình vô cảm trong những chiếc mũ bảo hiểm*”.

Đâu chỉ có vậy, đô thị trong truyện ngắn đương đại còn hiện lên những góc khuất, xáo trộn trong đời sống và tâm hồn con người. Một nhân vật trong *Huyền thoại phố phường* của Nguyễn Huy Thiệp có: “*Hạnh phúc cô đơn. Cuộc sống thành phố với bao lạc thú gây nên nhiều mơ ước. Nhưng Hạnh biết rất rõ những lạc thú ấy chứa đầy cạm bẫy*”. Những trạng thái nhân tình thế thái của con người trong các đô thị hiện đại cũng được nhiều cây bút đề cập đến. Đơn cử như truyện ngắn *Đồng tiền có màu xanh huyền ảo* của Lê Minh Khuê, hay *Mi Nu xinh đẹp* và *Nước mắt đàn ông* của Nguyễn Thị Thu Huệ. Trong những truyện ngắn này, thực trạng bi hài của đời sống gia đình trong thời buổi kinh tế thị trường và sự nghiệt ngã của quy luật cạnh tranh, sự bàng quan với cuộc sống gia đình khi đã quá đư thừa về vật chất, sự xung đột giữa nhu cầu cá nhân với hoàn cảnh cũng được các nhà văn lột tả một cách chân thực nhất.

Còn Hà Nội trong văn Đỗ Bích Thúy lại nhẹ nhàng và tinh tế, hòa vào hình ảnh bình dị của phố xá, những ngôi nhà chật hẹp mang dáng dấp yêu kiều của dãy phố cổ. Khi đọc văn xuôi của chị, những kí ức của một thời như ùa về, mang trong mình một nỗi niềm hoài cổ qua những món ăn, thức uống, thú vui tao nhã của người xưa ta luôn cảm thấy tự hào, ấp ủ một tình yêu Hà Nội da diết. Từ xưa, Hà Nội vốn là nơi thành thị sầm uất, ồn ào và náo nhiệt. Nhưng bên cạnh đó, ta vẫn bắt gặp một Hà Nội thật dịu dàng, đằm thắm. Ngay giữa những phố phường ồn ào, chen chúc, hỗn độn nhất bây giờ, những Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Bông, Hàng Bông Ruộm, Hàng Bè, Hàng Thùng...vẫn là niềm tự hào, sâu lắng, là tình yêu đậm đà của người Hà Nội và

của những người đã trót yêu Hà Nội bởi sự vừa bình dị vừa hời hả. Trước những mặt tiền lòe loẹt và hẹp một cách khó tưởng tượng, bề ngang chỉ vài ba mét, thậm chí mét rưỡi hay vèn vèn có mỗi một mét...người ta bày đủ loại mặt hàng, chẳng thiếu thứ gì. Từ vải vóc, quần áo, đồ kim khí, dụng cụ nhà bếp, tủ lạnh, hàng điện tử... cho đến sách vở khoa học kỹ thuật, văn hóa phẩm, hay những quán phở với chồng bát chất cao và nồi nước dùng lúc nào cũng sôi sùng sục, nghi ngút khói... Và tất nhiên, con người đi lại, xô lấn lẫn nhau, nhìn ngấm, mời mọc, rao thách, mặc cả,...thậm chí cãi vã, mắng mỏ, cười cợt, chửi bới...Nhưng may thay, Hà Nội không chỉ có thế, Hà Nội vẫn giữ được vẻ im lặng, không ồn ào, nhẹ nhàng mà tinh tế.

Trước hết, khi đọc tiểu thuyết hay truyện ngắn viết về đô thị của Đỗ Bích Thúy, người đọc sẽ dễ dàng bắt gặp một Hà Nội thật nhẹ nhàng trong từng cảnh vật. Đó là hình ảnh những *“cây đa có những chùm rễ dài, buông xuống như một tấm màn. Sau tấm màn chắc chắn có một cái ban thờ nhỏ. Ở Hà Nội, thỉnh thoảng đâu đó, dưới một góc cây lâu năm nào đó, người ta lại đặt một cái ban thờ. Người nhang khói có khi chỉ là bà hàng nước hay ông cắt tóc”* [16, 23]. Rồi đến những *“ngôi nhà xây kiểu biệt thự Pháp, nhỏ nhỏ nhưng có một khoảng trống, chắc trong đó trồng cây cảnh. Trong nhà bật điện vàng, hơi tối, và đặc biệt yên lặng. Một cây gì đó như khế mọc từ dưới sân, vươn lên ban công tầng hai, nơi phơi mấy bộ quần áo”* [16, 24]. Trong cái khoảng chật hẹp và đóng kín của những dãy nhà ống trên các phố phường, họ vẫn tạo ra được một không gian sân - vườn. Chính cái khoảng sân vườn tuyệt diệu này đã cắt đứt hẳn với cái thế giới hỗn tạp ngoài kia, dập tắt hẳn mọi tiếng động đình tai nhức óc. Và nó dặt người đọc vào một không gian nội thất quen thuộc, gần gũi tưởng chừng đã bị xóa sạch, tiêu diệt từ lâu lắm rồi mà hóa ra nó vẫn còn nguyên đó, im lặng mà sinh động khác thường. Hay đó có khi chỉ đơn giản là một cơn gió cuối thu lùa qua mấy cái cửa sắt hoen gỉ, siết vào người, lạnh buốt. Bên ngoài, những chiếc lá long não khô xác quẹt

trên hè phố lệt xệt. Mùa thu Hà Nội không chỉ gọi cho ta cảm xúc lãng mạn bởi vẻ đẹp của thiên nhiên huyền diệu, mơ màng mà còn gọi cho ta âm hưởng vừa trữ tình vừa hào hùng với niềm tự hào sâu lắng về quá khứ lịch sử của dân tộc. Mùa thu Hà Nội, ta thường gặp “*cây com nguội vàng, cây bàng lá đỏ nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ mái ngói thơm nồng...*”. Có khi ta lại còn cao **Nhớ mùa thu Hà Nội** ngọt ngào mê đắm trong giai điệu ca từ của Trịnh Công Sơn. Và thu, dường như nó chính là mùa lý tưởng giúp ta thanh lọc mình, nhìn lại mình một cách sáng rõ nhất. Lòng ta tinh tế hơn, nhạy cảm hơn và cũng bao dung hơn.

Rồi hình ảnh những chiếc xích lô đạp chậm chậm trên những con phố cổ cũng góp phần tạo nên cuộc sống bình dị của mảnh đất nơi đây. Mẹ chồng Bình rất thích đi xích lô “*Ra phố, bà sẽ gọi xích lô. Vợ chồng Bình năn nỉ thế nào bà cũng không chịu lên taxi. Bình hay đứng trên ban công tầng hai, nhìn qua những cái lá nhỏ của cây hoa giấy, ngắm mẹ chồng khẽ nâng tà áo dài, nhẹ nhàng bước chân ngời vào xích lô, lưng luôn thẳng...*” [15, 188]. Ngồi trên xích lô, thong dong qua những con phố cổ, ngắm nhìn sự nhộn nhịp, tấp nập của một Hà Nội - 36 phố phường là một thú vui. Trong sự ồn ào, tấp nập của thành phố hiện đại, những chiếc xích lô cứ thong thả, chậm rãi đi lại, như một điểm nhấn đặc biệt, giúp níu giữ nét văn hóa của Hà Nội xưa.

Hà Nội, mảnh đất ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ đủ tinh hoa văn hóa Việt truyền thống. Trên mảnh đất ấy thức quà vật cùng những món ăn ngon, những thú vui tao nhã đã từng đi vào văn của Thạch Lam, Băng Sơn, Nguyễn Tuân như một thứ giá trị tinh thần vô giá của thủ đô, nay hiển hiện một cách rõ nét qua những dòng văn của Đỗ Bích Thúy. Với những thức quà vật, người Hà Nội ăn không phải để cho no, mà là để thưởng thức. Món chè con ong của bà Minh “*để mọi người tráng miệng sau khi ăn cỗ*” [16, 180] là món ăn truyền thống của người Việt và chỉ làm vào những ngày đặc biệt trong năm. Nhưng với Oanh, món chè con ong do bà Minh làm có hương vị thật đặc biệt, khác hẳn

với món chè bày bán khắp nơi ở Hà Nội: “*Ôi chao, miếng chè vừa có vị ngọt đậm của mật mía, mùi thơm thoảng hơi cay của nước gừng, mùi những hạt vừng rang đủ độ, tất cả quện trong miệng thành một thứ không thể hoàn hảo hơn*” [16, 181].

Người Hà Nội có thói quen mua hàng từ sáng sớm và khi muốn mua thứ gì chỉ cần mở cửa là có ngay thức ấy, bởi “*mua hàng rong buổi sớm vừa tươi ngon vừa rẻ. Người bán, người mua đều dễ tính, quen mặt, quen nét*” [16, 6]. Hà Nội nổi tiếng với những gánh hàng rong đủ thức. Không ai biết gánh hàng rong xuất hiện từ bao giờ, chỉ biết rằng đó là một nét đẹp riêng có của Hà Nội. Bất kể mùa nào, trong khi phố thị còn đang chìm trong giấc ngủ, thì tiếng hàng rong đã rao lên đều đặn. Những người bán hàng rong có khi không phải dân thủ đô chính gốc mà họ “*hầu hết là dân tỉnh lẻ hoặc vùng lân cận Hà Nội. Việc đồng ruộng không đủ, vào những ngày nông nhàn họ rủ nhau ra thành phố kiếm sống,... Với số tiền ít ỏi kiếm được từ những gánh hàng rong mỗi ngày, những người phụ nữ ấy đã gánh trên vai cả gánh nặng cuộc đời, gánh thêm cả tương lai của những đứa con trai, con gái và cả một chút gì văn hóa đất kinh kì*” [47]. Họ lang thang trên khắp các nẻo đường với đôi quang gánh trên vai để mưu sinh. Ở Hà Nội, gánh hàng rong, mùa nào thức nấy. Những ngày hè nóng như thiêu như đốt mà có gánh hàng táo phớ đi qua thì thế nào trẻ con, người lớn cũng túa ra huyên náo cả một góc phố. Mùa thu với những cơn gió se se lạnh mà được thưởng thức một chút cốm vòng ủ trong lớp lá sen, thơm mùi lúa mới thì thật là tuyệt. Còn mùa đông, những gánh hàng khoai nướng hay ngô luộc xuất hiện trên từng con phố, như một nơi sưởi ấm đầy thích thú của người dân Hà thành.

Nhắc đến Hà Nội là nhắc đến những món ẩm thực đầy tinh tế và độc đáo. Đố Bích Thúy cho ta cái cảm giác thân quen của mùi vị cuộc sống nơi phố phường. Đó là món bánh cuốn nổi tiếng Hà Nội. Làm nghề này rất vất vả, phải dậy từ nửa đêm để chuẩn bị nguyên liệu tráng bánh. Có nguyên liệu rồi

lại phải trải qua rất nhiều công đoạn cầu kì để cho ra một đĩa bánh ngon đúng điệu. Cả gia đình bà Minh từng “*chỉ trông vào hàng bán cuốn của mẹ là đủ sống đầy em ạ*” [16, 71] đủ biết đây là nghề gia truyền của gia đình bà với độ ngon và nổi tiếng đến mức nào. Hay đó còn là món cơm rang được bọc trong lá sen cuốn hút người thưởng thức ngay từ mùi vị đặc trưng của nó. Để cho ra đĩa cơm đạt chất lượng, phải thật cầu kỳ trong chế biến. Cơm trước khi rang phải để thật nguội, cơm phải hơi khô và được đánh toi. Đợi mỡ già thì phi hành khô cho thơm rồi mới cho cơm vào. Muốn cơm rang ngon thì không được đảo, mà chỉ cần dùng tay hất chảo lên đều đặn để nguyên liệu không bị nát, bên ngoài giòn, ở trong mềm. Khi đó, đổ cơm ra đĩa, lại phi hành, thêm Lạp xưởng, hạt sen, trứng tráng mỏng thái hạt lựu, nêm nếm gia vị vừa đủ,...: “*com rang với Lạp xưởng, hành phi, hạt sen, trứng. Những miếng Lạp xưởng đỏ hồng, rịn mỡ, hơi quăn mép vì qua lửa già, chỉ thoạt nhìn khi gói sen mở ra, hấp dẫn đến độ những cái bụng trẻ con đồng loạt sôi lên òng ọc*” [15, 199].

Người Hà thành xưa rất cầu kỳ trong mâm cỗ, nhất là vào những ngày lễ, tết và giỗ chạp bởi người Hà Thành coi món ăn là lễ vật thiêng liêng để dành cho người đã khuất. Hơn nữa mâm cỗ cũng là bộ mặt của gia đình trước dòng họ. Món ăn trong những ngày này thường rất ngon và được trang trí rất đẹp mắt. Chính vì vậy mà khi làm giỗ chồng, Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là* làm cơm cúng rất cầu kỳ, thịnh soạn. Mâm cúng truyền thống phải đủ bốn bát, sáu đĩa: “*bốn bát gồm: Bát móng giò hầm măng lưỡi lợn, bát bóng nấu thập cẩm, bát miến nấu lòng gà, bát mọc. Sáu đĩa gồm: đĩa xôi vò, đĩa thịt gà luộc, đĩa chả quế, đĩa giò lụa, đĩa nem rán, đĩa nộm*” [16, 180]. Người đầu bếp tinh tế còn phải chú ý đến đối tượng thưởng thức các món ăn. Có nghĩa là mâm cỗ không chỉ ngon mà còn phù hợp với tuổi tác và tâm lý của từng đối tượng thưởng thức: “*cỗ phải có món khô, món nước, món luộc, món xào, lại còn món ninh, hầm cho các cụ già dễ ăn. Món để “đưa cay” nhắm rượu, món mặn ăn*

com. Tế nhị ra thêm mấy thứ làm cho dễ tiêu: một đĩa hành củ nén, đĩa dưa góp trộn dấm, chiếc bánh gio” [12, 75].

Khi nhắc đến Hà Nội là người ta không thể không nhắc đến nghệ thuật thưởng thức trà. Trà là thức uống ưa thích của nhiều đối tượng, đặc biệt là trung niên và người già. Để có một ấm trà ngon, người pha phải làm từng bước thật tỉ mỉ, công phu: “Sau khi tráng trà, pha trà, ông mới đưa cái vôi ấm lên trên ngọn lửa than hoa nhỏ, hơ cho cái vôi thật nóng. Xong, uống trà thẳng từ vôi ấm. Nước trà nóng, đi qua cái vôi bịt bạc vừa nung, cứ gọi là sôi xèo xèo trong cổ họng” [15, 199]. Trên những góc phố bình dị, hình ảnh một quán trà đá vỉa hè rất đời quen thuộc và trở thành nét văn hóa đặc trưng khi người ta nhắc tới phố phường Hà Nội. Thậm chí với những người đã gắn bó lâu dài trên mảnh đất này thì ly trà đá đã trở thành một thức uống không thể thiếu và luôn mang lại sự vãn vương trong tâm trí mỗi người. Đồ nghề của chủ quán trà đá cũng khá đơn giản. Chỉ cần một chiếc bàn nhỏ bày bánh kẹo, thuốc lá... một chiếc thùng xộp để ủ trà cùng vài ba chiếc ghế nhựa là đã trở thành nơi tụ họp vừa uống trà, vừa trò chuyện của nhiều thành phần người trong xã hội. Trong *Cửa hiệu giết là* “Viên, con lớn của bà Minh, năm nay đã ba chín. Ngày đi làm ở công viên xanh, chiều về bày cái bàn con có bộ ấm chén, tích nước chè xanh, khay thuốc lá ở đầu ngõ.” [16, 19]. Không quá cầu kì trong cách pha chế, cũng không kén chọn khách hàng, trà đá vỉa hè là một thú vui đầy thân thiện của người Hà Nội. Sau mỗi giờ lao động mệt nhọc, được một ly trà đá mát lạnh thật thỏa cơn khát.

Sự tinh tế của người Hà Nội không chỉ thể hiện ở những món ăn mà còn ở những thú chơi vô cùng tao nhã như chơi cờ tướng. Đây là trò giải trí ít tốn kém lại không phân biệt giới tính, tuổi tác. Nếu như thời xưa, các bậc tri thức khi chơi cờ phải chọn bạn chơi, phải chọn địa điểm chơi ở những nơi yên tĩnh, thanh tao thì nay có thể bắt gặp thú chơi này ở bất kỳ chỗ nào, miễn là rộng rãi và thoáng mát như công viên, hàng nước. Anh chàng Bi sốt (*Cửa hiệu giết là*),

sáng sớm chưa có khách đến bơm vá là “*dựng xe ở chân cột điện, cởi thùng đồ nghề ra, đặt dưới đất. Lấy cái bơm dựng ra sát hè phố, chèn hai bên hai hòn gạch cho nó khỏi đổ, rồi sà vào bàn cờ dưới gốc cây bàng cạnh đấy*” [16, 61]. Họ chơi cờ một cách say mê, quên cả thời gian, quên cả công việc: “*Bi sót đánh cờ rất hay. Khi Bi kiếm được một chân thì có giời sập cũng không dứt được Bi ra. Có khách đến, gọi bơm hộ cái xe, Bi không thèm quay ra, chỉ phẩy phẩy tay, ý bảo sang bên kia đường mà bơm*” [16, 62].

Đánh chắn (chơi tổ tôm) cũng là một thú vui của người Hà Nội xưa. Đây là thú chơi phổ biến ở những người già. Các cụ thường ngồi tụ họp và gặp nhau trong những ngày đặc biệt như lễ hội, đám cưới, đám giỗ. Số người chơi chính thức trong bàn chắn thường là năm người. Những ai không chơi thì ngồi bên ngoài, phục vụ người chơi hoặc chăm chú quan sát để học hỏi. Trong tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là*, sau bữa cỗ giỗ chồng bà Minh, các cụ ngồi đánh chắn: “*thằng Đức được giao nhiệm vụ ngồi châu rìa, vừa để học hỏi kinh nghiệm, vừa để làm thư kí, cụ nào thua mà không có tiền thì ghi vào sổ*” [16, 182]. Nhưng trước đây, chơi đánh chắn chỉ nhằm mục đích mua vui là chính. Hoặc nếu có chơi tiền cũng chỉ là vài đồng bạc lẻ để tạo bầu không khí sôi nổi chứ không phải một hình thức tồn tại của cờ bạc: “*Các cụ đánh chắn cũng đến là buồn cười. Đánh ăn tiền hẵn hoi nhá. Mỗi tội chỉ đánh năm trăm một nghìn, Oanh lục cả thùng tiền hàng cũng không đủ hai chục nghìn tiền lẻ để đổi cho các cụ*” [16, 182].

Nét đẹp và sự tinh tế của Hà Nội còn được thể hiện ở mối quan hệ nhẹ nhàng của những con người Thủ đô. Người Hà Nội nổi tiếng thanh lịch, văn minh. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ và tác phong của một bộ phận người Thủ đô. Trong một xã hội nhiều bon chen, họ sống tùy tiện, xô bồ, chạy theo giá trị vật chất thực dụng, dần lãng quên quá khứ tốt đẹp của Thăng Long - Hà Nội. Thế nhưng bên cạnh đó, vẫn còn có những con người

đang cố gắng níu giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của dòng họ bằng cách cư xử nhẹ nhàng, tinh tế để gia đình trong ấm ngoài êm.

Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là*, một người mẹ hết lòng vì con cái. Bà có hai đứa con, một cô con gái ngoài 30 tuổi mà không chịu lấy chồng, một thằng con trai thì vô tâm. Nhưng bà rất thoải mái với vợ chồng Đức. Nhà có vài ba người nhưng vợ chồng Đức cũng đòi ăn riêng. Con dâu đẻ xong, bà cũng không bắt con dâu làm gì. Không chỉ đối với con cái, đối với người em dâu như Oanh, bà Minh luôn chỉ bảo, khuyên nhủ nhẹ nhàng: “*Chị hiểu ý của em. Bạn bè nó đi làm chỗ nọ chỗ kia hết, ngày tám tiếng đồng hồ, quần áo là lượt, đằng này mình có học hành hẵn hoi lại phải ở nhà, suốt ngày lăn lộn với đồng quần áo chần màn hôi hám. Nhưng mà chị nghĩ thế này Oanh ạ. Không có nghề nào cao nghề nào thấp. Cứ chân chỉ hạt bột, cứ thật thà tử tế, cứ kiếm được tiền để nuôi con, để duy trì cuộc sống, thì đó chính là công việc tốt nhất. Em đi làm bây giờ, để xin được việc phải mất dăm chục một trăm, lương thì thấp, cửa hàng chẳng ai trông coi, thợ thuyền nó đâu phải con cháu mình, tin thì tin cũng không thể giao phó cho chúng nó được...*” [16, 68-69]. Oanh thật sự xúc động trước những lời nói thủ thỉ tâm sự của bà Minh. Oanh tôn trọng chị chồng bởi bà là người thuần tính, biết thương yêu và đùm bọc gia đình. Bà Bình không chỉ là người chị chồng, mà như một người mẹ, người bà trong gia đình.

Trong truyện ngắn *Chiếc hộp khám trai (Đàn bà đẹp)*, mẹ chồng của Bình cũng là người phụ nữ mang nhiều đức tính tốt đẹp của người Hà Nội xưa. Lúc nào bà cũng thể hiện sự đoan trang từ lời ăn tiếng nói đến dáng dấp: “*Ở nhà hay ra đường, người phụ nữ phải luôn dàng hoàng, lịch sự. Sự cẩn thận, đúng lễ thói, một nếp ăn thói ở có lẽ từ lâu lắm trong bà, được bà chú ý giữ gìn, đôi khi quan trọng hơn rất nhiều so với vẻ ngoài như sự sang trọng giàu có. Lúc nào Bình cũng thấy ở bà một sự nghiêm ngặt, trang trọng, hài hòa*” [15, 188]. Mặc dù cẩn thận, thậm chí có phần kỹ tính nhưng mẹ chồng

Bình lại rất chiều và hiểu con dâu. Bà tôn trọng sở thích, lối sống của hai con. Vào những ngày nghỉ, ngày lễ, vợ chồng Bình ít khi ở nhà mà thường cùng bạn bè đi xem phim, dã ngoại, đi siêu thị mua sắm tới muộn mới về nhà. Nhưng lúc nào bà cũng nấu một nồi cháo chim hạt sen để sẵn trên bếp và giục: *“Hai đứa ăn dặm thêm bát cháo cho ấm bụng rồi hãy đi ngủ. Chơi bời cả ngày, ăn uống linh tinh, làm sao đảm bảo sức khỏe chứ”* [15, 189]. Có thể nói, chính những cử chỉ quan tâm rất nhỏ của bà Minh, của mẹ chồng Bình đã tạo cho không khí gia đình luôn được hòa thuận, ấm êm. Những người phụ nữ như thế cho bạn đọc hiểu hơn về văn hóa ứng xử của người Hà Nội. Họ khéo léo và biết dung hòa các mối quan hệ từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Chừng đó đủ để thấy, Hà Nội đẹp đến ngỡ ngàng, cái náo nhiệt hòa chung vào sự yên bình, lắng đọng như gọi về một nỗi niềm hoài cổ trong mỗi trái tim.

Sự khác lạ của “phố Thúy” chính là ở chỗ, nhà văn đã vẽ nên một Hà Nội vô cùng bình dị trong từng nét phố, từng con đường, từng gương mặt. Hà Nội của Đỗ Bích Thúy không ồn ào, hào nhoáng, cũng không có những con người quá nổi bật, thời thượng mà chỉ là những người dân nghèo đang cố gắng bươn chải trên mảnh đất hiền hòa, dễ mến. Cái nghèo trong văn Đỗ Bích Thúy không gắn với cái hèn, mà nhờ cái nghèo, cốt cách con người được bộc lộ rõ nét hơn, đặc biệt là tình cảm giữa người với người được nhà văn miêu tả với niềm trân trọng, cảm thương.

2.1.2. Một không gian đô thị chật hẹp

Không giống như nhiều nhà văn khác khi viết về Hà Nội thường miêu tả một không gian nghệ thuật rộng lớn, trong văn Đỗ Bích Thúy chỉ hiện lên một góc phố nhỏ của Hà Nội. Không gian ấy được định danh bằng căn nhà tập thể của gia đình bà Minh, cái cửa hiệu giặt là nhỏ nhỏ xinh xinh của Oanh, hay cái Ủy ban nhỏ hẹp của Phương. Rộng rãi hơn một chút cũng chỉ là con phố dài quãng hơn ba trăm mét và quá tiết kiệm lối đi chung *“bên nách nhà tôi có một cái ngõ. Ngõ nhỏ tí. Chiều ngang chỉ tầm tám chín chục phân, nghĩa là nếu có một người đi xe máy từ ngoài vào hay từ trong ra, thì người*

đi ngược lại phải đứng chờ, chứ không thể lách qua nhau được” [16, 8]. Trên con phố ấy “*nhà nào cũng sâu hun hút thế. Lần đầu tiên đến ra mắt mẹ chồng tương lai, bước chân vào Bình phải dụi mắt mấy cái mới quen lối đi lại. Trong nhà suốt ngày phải bật điện”* [15, 186]. Những ngôi nhà xây từ thời Pháp thuộc cũ kỹ, nhiều thế hệ trong một gia đình cùng sinh sống rất chật chội. Có khi cả xóm phải đi chung một cái nhà vệ sinh. Mặt ngoài con phố nhỏ có nhiều cửa hàng, từ hàng ăn đến hàng may mặc, hàng giặt là, rồi quán nước, quán sửa xe đạp...

Trong văn Đỗ Bích Thúy còn có một Hà Nội vô cùng náo nhiệt với đủ loại âm thanh: “*Phố hầu như thức suốt đêm, chỉ yên tĩnh tầm ba tiếng đồng hồ lúc nửa đêm tới tờ mờ sáng”* [16, 6]. Khi cả khu phố đang chìm vào giấc ngủ thì lại bị thức giấc bởi tiếng cãi cọ của một bà cụ với quán karaoke bên cạnh hoạt động thâu đêm suốt sáng; tiếng chuẩn bị bát đĩa kêu loảng xoảng của quán cơm đang chuẩn bị mở hàng lúc tờ mờ sáng; tiếng giặt giũ, xối nước ào ào của hàng giặt là “*từ tám giờ sáng đến tám giờ tối”* [16, 8]; tiếng mài dao xèn xẹt của vợ chồng nhà Ụt bán thịt lợn nơi đầu ngõ; tiếng người ta gọi nhau, cãi nhau í ới của những người giúp việc trong cửa hàng, rồi “*thi thoảng, tiếng vỡ của một lon bia từ đồng rác tấp dưới vệ đường bị cuốn cho lăn đi loong coong”* [16, 36]. Tất cả như một bản nhạc giao hưởng phố phường khi trầm bổng, da diết mà sâu lắng.

Sự chật chội nơi phố thị còn được thể hiện ở “*Văn hóa vỉa hè”*. Ở Hà Nội “*có một cái luật bất thành văn là nhà nào ở mặt phố, mở cửa hàng thì nghiêm nhiên cái đoạn hè phố trước cửa nhà đó được sở hữu”* [16, 6]. Trên cái vỉa hè đó họ bày đủ thứ theo ý thích của “*người chủ quán”*. Họ trồng cả rau xanh trong những thùng xộp được đặt bên ngoài hiên nhà. Vỉa hè còn là chỗ của những chiếc xe đạp, xe máy, ô tô. Thậm chí, là nơi ở của những chú chó vì trong nhà không có chỗ cho nó nằm. Đã từ lâu, người ta định danh cho các hoạt động buôn bán trên vỉa hè như: Trà đá vỉa hè, nước mía vỉa hè, ốc vỉa hè,... cũng là bởi sự tiện lợi ấy. Người Hà Nội không cần phải ra quán cafe,

hay đi xe một quãng đường dài để mua chiếc bánh mì mà chỉ cần kéo cánh cửa sắt trước nhà ra là có tất cả mọi thứ, phục vụ tận nơi, ngon mà lại rẻ. Chính vì nắm bắt được nhu cầu thị trường, hàng quán “mọc” trên vỉa hè ngày một đông hơn. Mặt khác, nó tiết kiệm khoản chi phí không nhỏ khi người bán không phải thuê mặt bằng, chỉ cần tìm một chỗ thoáng mát, đông người qua lại, đủ kê vài ba bộ bàn ghế là xong. Các đối tượng khách hàng cũng rất đa dạng, những cụ già chiều chiều gọi một cốc nước tùy thích là có thể ngồi hàng giờ để đánh cờ; đám sinh viên đợi xe buýt; người đi đường tìm chốn dừng chân tránh tiết trời oi bức, cũng có khi là cả những khách hàng sang trọng như dân văn phòng, ca sĩ, diễn viên,... cũng muốn trải nghiệm những điều mới mẻ, thú vị. Chẳng ai quen biết ai nhưng cũng “chém gió” rôm rả, không cần phải giữ ý tứ đối với người xung quanh.

Hà Nội những năm sau đổi mới còn ít không gian vui chơi, nên hè phố cũng lại là chốn vui chơi của bọn trẻ, tuổi thơ đứa nào đứa nấy đều hoạt động trên đó cả: *“tập đi, ăn bột, ăn cháo, chạy nhảy nô đùa, tập xe đạp”* [16, 7]. Những đêm hè mát điện *“tất cả người lớn, trẻ con đều đổ ra ngoài. Người lớn thì lôi quạt nan, quạt giấy ra phành phạch, trẻ con không phải học bài, sung sướng hò hét, đuổi nhau chạy từ phố này sang phố kia”* [16, 7]. Thế mới biết, vỉa hè quan trọng đến nhường nào đối với cuộc sống người dân nơi phố thị, nó gắn với sinh hoạt thường nhật của con người, họ thấy thoải mái khi tận hưởng tính hữu dụng của nó, là chứng nhân lịch sử, lưu giữ những kỉ niệm đẹp đẽ của một người từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành.

Qua từng dãy phố, quán ăn...đua nhau mọc chen chúc mới thấy được sự đổi thay đến chóng mặt của Hà Nội. Hà Nội vốn dĩ vẫn được coi là hào hoa với những “shop” tơ lụa ở phố Hàng Gai, đồ trang sức đầy ắp phố Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Mã rực rỡ sắc màu tươi mới đón mùa thu đang chín. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó thì chỉ biết tới Hà Nội theo kiểu “cưỡi ngựa xem hoa” mà đằng sau vẻ hào nhoáng ấy là những chiếc cầu thang ngót nghét trăm tuổi

nằm im lìm trong các con ngõ nhỏ sâu hun hút. Và ở đây, mỗi chiếc cầu thang là lối đi chung của vài chục hộ gia đình. Chỗ ở không sinh sôi, chỉ có con người ngày một đông đúc thêm. Có gia đình 8 người sống trong căn hộ chỉ vền vện 10m², và những gia đình phải sống o ép như vậy ngày càng tăng. Người Hà Nội thường nói với nhau rằng, phố cổ nay đã trở thành “phố khổ” bởi nhu cầu tối thiểu không được đáp ứng đầy đủ thì đúng là khổ thật. Nhưng một khi đã nặng tình với mảnh đất ngàn năm văn hiến này thì người dân khó lòng rời xa nó bởi những cái có không đâu. Có thể chỉ là những mái ngói xô nghiêng, những mảnh tường loang lổ màu thời gian, hay một không khí tràn ngập nét hoài cổ trong tiết thu se lạnh...

Khi đến chơi, Ông Hinh - bạn của chồng Oanh vừa nói vừa quay lưng xuống nhà để qua được cái cầu thang hẹp, gấp khúc, mà người thì như con khủng long, cứ phải lura lura để không va phải tường, phải trần, đến là vất vả. Kiểu gì xuống đến cửa hàng ông cũng buông một câu, đại loại “*Cứ như cái lỗ mũi, thế mà bọn nó cũng chịu được*” [16, 13]. Oanh định nói “*Không chịu thì cũng phải chịu, chịu mãi thành quen*” [16, 13] nhưng lại thôi. Hay như căn nhà mà bà Minh cùng với các con đang ở vốn được xây trên nền của nhà vệ sinh công cộng. Để có được hơn mười nét vuông này, bà đã phải bỏ ra ổi tiền... Diện tích thì bằng cái bàn tay, giấy tờ sổ đỏ không có, chỉ là xây chui.

Nhìn vào bên ngoài của Hà Nội hôm nay, nhiều người tưởng những điều tinh tế như trong văn của Nguyễn Khải, xa hơn là Vũ Bằng, Thạch Lam đã mất; tiêu cực hơn, người ta chỉ thấy một Hà Nội chật chội, xô bồ, một Hà Nội với trẻ con vượt đèn đỏ, nghiện ngập và trộm cắp. ***Swong khói mịt mờ*** của Đỗ Bích Thúy không từ chối hiện thực. Hà Nội với khu phố cổ của cô bức bối, chật chội, thậm chí còn nhếch nhác: “*Nhà Bà nằm sâu trong một con ngõ tối, ẩm ướt, nhỏ, chiều ngang chỉ vừa một chiếc xe đạp, xe máy. Hễ có xe máy từ trong đi ra, từ ngoài đi vào, đều phải bật đèn, bấm còi toe toe, xe đạp thì bấm chuông, gõ vào gác ba ga tiếng lạch xạch rõ to, để phòng đầu kia có*

người đi tới, gặp nhau, không tránh nổi. Phía bên trên trần, chỉ chừng hơn một tầm với, những gia đình ở trên tầng hai đều rủ nhau đưa ra. Và họ đều bố trí bếp, nhà vệ sinh ở đây. Trong các hành lang hun hút, bé, chật, các gian phòng không bật đèn tối như bưng, nghe rõ nước rí rách suốt ngày đêm. Thi thoảng, đang lò dò đi ra đường, chợt nghe tiếng nước ào một cái, xối xả, quyết liệt, bà lại giật thót, tưởng nước đã đổ ướt hết từ đầu đến chân. Nhà tầng trên còn tí tí ánh sáng, nhà tầng dưới như hũ nút, lại đều trở cửa sắt mở ra ngõ cho nhất cử lưỡng tiện. Số là phố này hay mất nước máy nên năm hộ phải hò nhau khoan chung một cái giếng. Khoan mấy chỗ, chỉ đến giữa ngõ nhỏ mới thấy nước. Cái bơm đặt ở đây, dây dợ lằng nhằng, nhà nào cần bơm nước thì chạy ra cắm cái phích vào ổ điện nhà mình mà bơm. Thế nên phải trở ra giữa ngõ” [15, 196].

Không gian đô thị chật hẹp ấy chính là những không gian huyền ảo vào buổi sáng sớm làm toát lên cuộc sống mưu sinh đầy vất vả, lam lũ của những con người đô thị. “Trong những buổi sớm đầu đông, trời còn tối thẫm. Bên ngoài gió rít từng cơn, từng cơn. Gió xiên qua những thanh lan can bằng sắt gỉ nham nhở đập vào bức tường cũng tróc lở không kém, gió tuốt những chiếc lá cuối cùng còn lại trên cây, ném đi thật xa... Một lúc nữa, vợ chồng nhà Ut bán thịt lợn sẽ đi xe máy tới... Ông chồng sẽ dừng xe cho bà vợ à ạch tụt xuống, vội vã lấy tấm phản gỗ giấu phía sau cửa sắt vào ngõ, lấy bốn viên gạch vỡ để kê, đặt lên. Bịch! Bịch! Bịch! Đó là tiếng tảng thịt bị ném xuống phản. Rồi tiếng dao to dao nhỏ va vào nhau leng xeng” [16, 36].

Hà Nội từ xưa đến nay vẫn chật hẹp, nhiều tuyến phố dành cho người đi bộ đã bị các tiểu thương chiếm dụng làm nơi buôn bán, kinh doanh. Nhiều mặt hàng được treo “lủng liếng” trên đầu người đi bộ, đưa ra tận lòng đường. Bếp than tổ ong cũng được đặt ngay trên vỉa hè, hễ ai đi mà không chú ý cũng dễ bị bỏng. Trong 2 tháng đầu năm 2017, các ngành chức năng của Thành phố Hà Nội đã phối hợp quyết liệt nhằm lấy lại vỉa hè cho người đi bộ. Theo đó, trên tất cả các tuyến phố, những công trình xây dựng coi nới đều bị dỡ bỏ.

Hàng quán lấn chiếm vỉa hè đều bị lập biên bản vi phạm...Hy vọng rằng, với các cách làm như hiện nay của lãnh đạo thành phố, Hà Nội sẽ luôn là điểm du lịch lý tưởng không chỉ của người dân trong nước và Hà Nội luôn đẹp trong mắt bạn bè quốc tế với những ấn tượng riêng.

2.1.3. Sự đan xen giữa cái cũ và cái mới trong lòng đô thị

Nhờ chính sách mở cửa của Đảng, đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng bước đầu đã có những tín hiệu tích cực. Cũng như các đô thị lớn trong nước, Hà Nội bước vào thời kì đô thị hóa mạnh mẽ, với sự đan xen, giằng xé giữa cái cũ với cái mới. Nhận xét về cuốn ***Cửa hiệu giặt là***, nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên nói: “*Đỗ Bích Thúy viết về Hà Nội hôm nay trong sự pha trộn, giằng xé của quá khứ và hiện tại, của những giá trị truyền thống cũ và lối sống kinh tế thị trường, của người Hà Nội xưa và nay đi làm thuê*” [30].

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử và thời gian, Hà Nội hôm nay đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, chính trị, xã hội. Bộ mặt thủ đô đã thay đổi, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, những giá trị truyền thống còn tồn tại thì nhiều cái mới đang hình thành. Tên các con phố ở Hà Nội thường được đặt từ thời Pháp. Dựa trên các khu phố Hà Nội vốn có, những kiến trúc sư người Pháp vạch thêm những con đường mới, xây dựng các công trình theo hướng thích nghi với môi trường. Ta có thể kể tên một số phố chính ở Hà Nội hiện nay: Phan Đình Phùng, Hùng Vương, Hoàng Diệu, Điện Biên Phủ, Lê Hồng Phong, Chu Văn An, Trần Phú, Tràng Thi - Tràng Tiên, Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu... vẫn tồn tại tới ngày nay. Kiến trúc Pháp thường được xem như một di sản của Hà Nội, nhưng ngày nay đã phải chịu nhiều biến đổi. Những công trình nhà cao tầng mọc lên san sát, che lấp đi những ngôi nhà cổ nằm sâu trong ngõ. Tuy nhiên, khi đọc ***Cửa hiệu giặt là*** của nhà văn Đỗ Bích Thúy, người đọc lại bắt gặp hình ảnh những ngôi nhà cổ với cổng sắt sơn xanh, cái thùng tôn đựng thư báo... Khi Phương được bà Minh giao nhiệm vụ theo dõi Viên xem Viên đi đâu, làm gì, Phương đã đến

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

ngôi nhà xây kiểu biệt thự Pháp, nhỏ nhỏ nhưng có một khoảng trống, chắc trong đó trồng cây cảnh. Phương lấy khóa còng, khóa xe lại cẩn thận rồi tiến về phía ngôi nhà. Phương nhìn cái hòm thư treo trên cột trái của cánh cổng, hy vọng tìm được thông tin gì ở đó, nhưng chỉ có nhỡn hai chữ “*Thu - báo*” viết bằng sơn đỏ trên cái thùng tôn có mái che. Nhà mà có hòm thư chứng tỏ chủ nhà vốn là công chức. Chỉ có mấy lão công chức về hưu mới thích đọc báo giấy ở cái thời buổi mà chỉ cần một chiếc điện thoại trong tay là có thể biết mọi diễn biến của thế giới từ bão Hải Yến ở Philippnes tới biểu tình ở Thái Lan, hay voi quật chết người ở Bình Dương...

Tên Hà Nội ngày nay được sử dụng từ thời vua Minh Mạng vào những thập niên ba mươi của thế kỷ XIX. Trước kia có tên gọi khác là Kẻ Chợ, còn tên chữ Thăng Long chỉ để dùng trong các văn tự hành chính, hoặc trong văn chương, từ thời nhà Lý trở đi. Thoạt nghe cái tên Kẻ Chợ có vẻ quê mùa, nhưng phần nào phản ánh đúng thực trạng xã hội xưa nơi phố thị. Không biết từ bao giờ, chôn ấy trở thành điểm giao lưu buôn bán các mặt hàng đủ chủng loại giữa thành thị và nông thôn, hàng hóa từ mọi nơi đổ về phần lớn do nhu cầu của người dân thành phố. Phố phường Hà Nội đi lại như mạng nhện, người ta ít nhiều gặp khó khăn trong việc tìm vị trí mua hàng. Vì thế, để thuận tiện, họ định danh, đặt tên những con phố gắn liền với mặt hàng kinh doanh: Phố Hàng Mã bán hàng mã, phố Hàng Giày bán các loại giày dép, phố Hàng Bè bán các thùng bằng tre để gánh nước... nhìn chung tên gì bán nấy. Thậm chí, sau khi lần ra các ngõ phố, để không mất thời gian tìm kiếm, các sản phẩm còn được gắn với danh tính của người tạo nên nó “*Phở gà Mai Anh, bún riêu ngã ba Thi Sách, cà phê Mai... phố này còn có một hàng áo dài của một thợ may người Huế rất nổi tiếng, áo dài Phan Hải*” [16, 5].

Một góc phố phường Hà Nội bình dị, nhẹ nhàng mà tinh tế với những con người lao động nghèo gặp ở bất kỳ chỗ nào. Họ đến từ nhiều vùng quê khác nhau lên thành phố mưu sinh bằng nhiều cách, đầy nhọc nhằn và cơ cực.

Những con người với bản tính cần cù, chịu khó, luôn chấp nhận và hài lòng với bất cứ công việc gì. Mỗi người có số phận và hoàn cảnh riêng, nhưng tựu chung lại họ đều mong muốn, ước mơ về tương lai tốt đẹp hơn. Phố thị chính là một quán trọ của những kiếp người lang bạt mưu sinh kiếm sống. Ở đây, có náo nhiệt vui tươi, có trầm buồn lặng lẽ, có yêu thương có giận hờn, có chất phác thật thà, giả dối. Trong văn của Đỗ Bích Thúy, vẻ đẹp truyền thống của Hà Nội tiềm tàng trong những điều bình thường và dung dị nhất. Những ngôi nhà được xây dựng từ thế kỷ trước nằm san sát nhau, những bức tường và mái ngói được phủ lên một lớp rêu phong cũ kỹ. Đôi khi, đó còn là những con ngõ nhỏ với diện tích chỉ đủ cho một người rảo bước, hay chén trà trong sương sớm tỏa khói nghi ngút tan nơi ánh mắt qua những ô cửa nhỏ trên tán sấu, hàng me...

Khi đọc văn Đỗ Bích Thúy viết về Hà Nội, ngoài cảm giác êm ái bởi sự thiêng liêng của những nét đẹp truyền thống thì người đọc còn có cảm giác man mác một nỗi buồn khó tả khi những giá trị vật chất và tinh thần của con người Hà thành đang mất dần. Những đứt gãy về giá trị đạo đức đang xảy ra hàng ngày trong cuộc sống gia đình. Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là* tinh tế, nhã nhặn, ý tứ, bao nhiêu thì Viên hồn nhiên, vô lo vô nghĩ bấy nhiêu. Bà thật sự lo lắng cho đứa con gái đến tuổi bảm rồi mà không chịu lấy chồng, lại có những tư tưởng lệch lạc trong giới tính. Con trai duy nhất của bà là Đức thì sống ích kỷ và vô trách nhiệm với mẹ và chị: *“làm được bao nhiêu lương chỉ đổ vào ăn bằng hết. Để một thằng con thì tiền điện nước, tiền sữa, bím, quần áo tã lót nhất nhất là bà Minh chi ra”* [16, 207]. Nhưng nhờ có sự khéo léo và chèo lái của bà Minh mà gia đình bà vẫn luôn ấm êm.

Cuộc sống hiện đại, tình cảm vợ chồng cũng có những rạn nứt không đáng có. Họ sống hiện đại, phóng khoáng nhưng đôi lúc những nhỏ nhen của cái tôi cá nhân lại tạo nên những đứt gãy trong tình cảm. Sự ghen tuông mù quáng làm con người ta mất đi niềm tin ở nhau. Trong truyện ngắn *Đàn bà*

đẹp chỉ vì một điều thuốc lá điện tử của một người bạn đi nhờ để quên trên xe, mà người vợ bị chồng nghi ngờ về lòng chung thủy. Hay, người chồng *Trong đám đông có một ánh mắt* cũng trở thành nạn nhân của sự ghen tuông. Cuộc sống công nghệ làm con người sống với thế giới ảo nhiều hơn. Thấy anh chồng suốt ngày chat với một địa chỉ Yahoo, cái tên viết liền không dấu “*dolehien*”, cô vợ đã nghi ngờ chắc chắn là người phụ nữ nào đó. Ý nghĩ cứ vẩn vơ đó cứ đeo bám người vợ. Họ theo dõi, bần cẩu, giận dữ nhau,... niềm tin về cuộc sống hôn nhân bị đe dọa nghiêm trọng.

Trong một gia đình, nhiều thế hệ cùng sinh sống bao giờ cũng nảy sinh ra những xung đột. Bà Minh vốn mang nét đẹp của người phụ nữ Hà thành xưa nên trong tiềm thức của người phụ nữ ấy luôn muốn giữ gìn, bảo tồn văn hóa truyền thống của gia đình. Vào ngày giỗ chạp, bà thường sắm sửa, nấu nướng những món ngon để thể hiện tấm lòng báo hiếu đối với cha mẹ, đối với chồng. Mâm cúng thường rất cầu kì, phải đủ “*bốn bát sáu đĩa*”. Có khi để làm được một bữa giỗ, bà phải chuẩn bị trước một tháng. Mọi nguyên liệu để làm mâm cúng lúc nào cũng phải chọn lựa kỹ càng: gà phải là gà nuôi bằng thóc nửa năm, vừa đủ lớn nhưng chưa đủ già, măng phải được lấy từ Tuyên Quang, bóng bì “*phải là loại có màu vàng nhạt, không quá phồng cũng không quá mỏng. Phồng quá thì khi nấu sẽ nát, mỏng quá thì khi nấu sẽ không ngấm được vị ngọt của nước xương*” [16, 180]. Đức lại không đề ý đến việc này, anh ta nghĩ “*đăng nào thì người chết cũng chết rồi, có biết gì đâu. Cầu kì hay đơn giản cũng thế. Thậm chí chả làm cũng ai biết đây là đâu*” [16, 178]. Viên cũng cho rằng không nhất thiết phải “*vẽ ra, món nọ món kia, đến là một xác*” [16, 186]. Cô bảo “*vào tay cháu, cháu cho tuốt vào nồi. Đăng nào chả ăn, chả vào bụng, miễn no là được*” [16, 186], năm sau cứ gọi chủ quán cơm bụi bên kia đường kiêm các dịch vụ đặt cỗ làm cho vài mâm “*ăn xong nó lại dọn dẹp cho nữa chứ, cứ gọi là sạch bong nhá. Thế có phải là nhàn cái thân không nào*” [16, 186].

Trong thời buổi kinh tế thị trường thì sự cạnh tranh gay gắt giữa các cửa hàng bắt đầu tạo thành cuộc chiến thực sự. Khi trên một góc phố nhỏ bé mà có đến mấy cửa hàng giặt là cùng kinh doanh thì sẽ có sự cạnh tranh ngầm. Các cửa hiệu phải tìm cách thu hút khách bằng nhiều cách thì mới có lợi nhuận ổn định. Nhưng *“làm cái gì, buôn bán gì cũng phải có duyên mới lâu bền được”* [16, 7]. Tuy nhiên, có thể do nắm bắt nhu cầu thị trường, dịch vụ ít được đầu tư hơn mà *“có nhà chỉ mở ra sáu tháng, một năm là phải giải tán”* [16, 7]. Cửa hàng của Oanh cũng bị cửa hàng Oa - Oa cạnh tranh không lành mạnh khi *“Khách quyết tiền giặt chính là người nhà ấy, nó mang giặt đồ bên này rồi lấy tiền giặt bên kia, chỉ mất mỗi công đóng túi”* [16, 154]. Người làm nghề này phải tinh để tránh những *“tai nạn”* *“khi nhận hàng của khách nếu kiểm tra không kỹ, đến lúc trả hàng khách bảo thiếu một chiếc khuy. Mà theo khách thì bộ khuy ấy được thừa theo quần áo, chỉ có một không hai”* [16, 7], hai bên to tiếng, đổ lỗi cho nhau *“chỉ một chiếc khuy áo mà cãi nhau nửa ngày chưa xong”* [16, 8]. Công việc thì thật vất vả, bận rộn, quần áo giặt của khách chất thành từng đống, cả ngày có khi chỉ ngồi nhận hàng và viết hóa đơn cũng đủ mệt. Nhưng được cái, nếu chăm chỉ làm thì cũng đủ để trang trải cho cuộc sống gia đình.

Cuộc sống càng hiện đại, con người càng muốn tìm đến những thứ mới lạ, nhất là trong ăn uống. Những món ngon của Hà Nội đang dần dần biến mất, nhường chỗ cho những nhà hàng đặc sản mọc lên như nấm. Nghề tráng bánh cuốn phục vụ khách ăn sáng của mẹ chồng bà Minh một thời là nơi nuôi dưỡng bao nhiêu ước mơ, tương lai của con cái, nhưng rồi cũng phải *“nhường cửa hàng lại cho mà làm giặt là”* [16, 71], bởi *“không đứa nào chịu theo. Đứa nào cũng chỉ thích được học, được đi làm nhà nước, đứa nào cũng nghĩ rằng phải đi làm nhà nước mới sang”* [16, 71]. Người đọc nhận thấy sự tiếc nuối của bà khi cái nghề đã gắn bó với bà mấy chục năm sắp sửa *“như làn khói bay lên từ chén trà”* [16, 71]. Hay món cơm rang truyền thống nay cũng đã không

còn. Món cơm rang thập cẩm bọc trong lá sen với “*lạp xưởng, hành phi, hạt sen và trứng*” [15, 199] ấy đã trở thành ký ức của nhiều người. Thời nay kinh tế thị trường mở cửa, hàng hóa ngày một nhiều, ẩm thực cũng phong phú hơn, đời sống con người khấm khá dần “*được ăn nhiều cỗ bàn, ít hụt thịt cá*” [15, 201] thì chẳng đứa nào nghĩ tới việc theo học nghề làm món cơm rang của ông chủ người gốc Hoa trong con ngõ nhỏ cạnh chợ Đồng Xuân hồi nào nữa. Để đến bây giờ “*cả mấy chị em mỗi khi nhắc đến bố đều bảo chả bao giờ được ăn món gì ngon đến thế nữa*” [15, 201].

Ngày nay, nghệ thuật thưởng thức trà cũng đã dần mai một. Thú uống trà của cụ ông trong truyện ngắn *Sương khói mịt mờ* đã dần xa. Khi còn sống, cụ có sở thích uống trà buổi sáng trong một không gian thanh bình, trên gác xép của căn nhà, nơi có thể nhìn phố phường qua ô cửa. Cách uống trà của cụ cũng phải rất cầu kỳ. Biết cụ hay uống trà, khách đến chơi thường biếu trà, cũng có loại ngon nổi tiếng nhưng ông cụ chỉ vui vẻ nhận, khi nào họ ra về thì cất đi và “*mang ra cho người bán nước trà ở đầu phố*” [15, 203]. Những lúc hết, chưa kịp mua, thèm quá cụ nhờ các con ra mua trà vỉa hè, nhưng chỉ gửi cho đỡ nhớ hương vị mà không uống, vì “*uống trà không ngon nó hỏng mất miệng*” [15, 202]. Khi ông mất, cũng là lúc thú vui thanh tao không còn nữa và người ta chỉ có thể nhớ về nó như một kỉ niệm đẹp trong niềm nuối tiếc trong niềm hoài nghi “*không hiểu còn lại bao nhiêu người trung thành chung thủy với trà trong giới trẻ tương lai!*” (Phan Hưng Nhơn). Nghệ thuật trà đã thực sự lùi dần vào dĩ vãng.

Khi kinh tế phát triển, người dân có thu nhập cao thì những nhu cầu về đời sống tinh thần càng lớn. Mở quán Coffee, quán Karaoke cũng là những nghề mới du nhập vào thành phố. Bên cạnh những lợi ích thiết thực, các dịch vụ này cũng gây ra những phiền toái ảnh hưởng đến cuộc sống con người “*thỉnh thoảng lại có tiếng cãi nhau âm ỉ của một bà cụ bên kia phố với chủ quán karaoke. Vì quán thì thuê tầng dưới, bà ở tầng trên, dù có lắp trần cách*

âm cũng vẫn không ngăn nổi tiếng nhạc” [16, 6]. Tình trạng dân nhập cư tăng đột biến vào những năm mạnh nha quá trình đô thị hóa ở Hà Nội. Tất cả họ đều mang trong mình một mong ước có cuộc sống “*Cứ được đi khỏi làng là tốt rồi. Làm gì cũng được. Với lại có tiền là được”* [16, 52]. Một ước mơ chính đáng nhưng đầy nhọc nhằn. Vinh, Tư, Lê ba nhân viên làm giặt là cho cửa hàng đến từ những miền quê khác nhau: Yên Bái, Hà Nam, Đông Anh nhưng cùng chung một hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Vợ chồng nhà Ưt quê ở huyện Đông Anh, “*bán thịt nhờ ở cái phố này cũng đã lâu lắm rồi”* [16, 37]. Hay Trinh, tốt nghiệp chuyên ngành báo chí với hai tấm bằng loại ưu, quyết tâm ở lại thành phố kiếm việc làm, kí hợp đồng thử việc không lương ở Ủy ban phường...

Đỗ Bích Thúy cũng đề cập đến nhiều vấn đề nóng của đời sống thời hiện đại. Những mối tình công sở dường như diễn ra công khai hơn. Phút giây yếu mềm của Phương - chồng Oanh đối với Trinh là phút “*say nắng”*, dù Phương cũng chưa đi quá giới hạn với Trinh, nhưng: “*tất cả những thứ trên người Trinh đều toát ra một vẻ trinh nguyên khó tả. Từ đôi mắt trong trẻo, ngo ngác tới gò má bầu bĩnh, tới những cái móng tay nhỏ, trong vắt, tới những sợi tóc mai hơi quăn, mềm mượt”* [16, 158]. Hay “*chỉ cần nghe cái giọng con bé là lại thấy mọi thứ trong trẻo, dễ thương. Ngay cả gương mặt cau có, giọng nói hằm hè, dáng đi có phần cục súc của tân chủ tịch cũng trở nên dễ chịu”* [16, 159]. Còn nhân vật nữ trong truyện ngắn *Đàn bà đẹp* có cuộc sống vợ chồng không như ý, dù cuộc sống vật chất đầy đủ và dư thừa. Chị “*mòn mỏi thêm khát một nụ hôn vào cái chỗ mà chẳng mấy đàn ông đàn bà nghĩ tới”* [15, 165]. Tư tưởng ngoại tình mạnh nha trong đầu người phụ nữ đáng thương khi có người đàn ông chột xuất hiện ở công ty, anh ta quyến rũ đến mức “*đi đến đâu là ở đó có ánh mắt thù hận của đàn ông và sự ngưỡng mộ của đàn bà”* [15, 166], khác hẳn với người chồng của nàng “*như một con tôm khô đóng trong túi hút chân không bày trên giá trong siêu thị”* [14, 163].

Dù những mối tình ấy không được miêu tả một cách trực tiếp, cũng chưa làm ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống gia đình, nhưng nó cũng cho ta thấy những thay đổi trong tâm tư tình cảm của con người Hà Nội khi sống trong một xã hội phức tạp thời đổi mới.

Đồng tính là một chủ đề hay được nhắc đến và bàn luận thường xuyên trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nhận được nhiều ý kiến trái chiều. Trước đây, người ta kỳ thị với loại người này, coi họ là mắc bệnh tâm thần. Ngày nay, khi đã hiểu được bản chất của bệnh thì xã hội có cái nhìn thoáng, cởi mở hơn. Trong *Cửa hiệu giặt là*, Đỗ Bích Thúy đã khéo léo lồng nhân vật “Chị Tiến” vào tác phẩm tạo thêm một tiếng cười ý nhị nhưng cũng để thấy xã hội hiện nay đã cởi mở hơn rất nhiều về vấn đề này. Nhưng, trong nếp sống và suy nghĩ của một bộ phận người (như bà Minh) vẫn tồn tại khoảng cách nhất định. Khi thấy Viên thân mật thái quá với Linh, bà sợ hãi với những mớ hoài nghi lẫn lộn và nghi ngờ về giới tính của Viên.

Chuyện trai gái yêu nhau quá sớm và để lại hậu quả cũng là vấn đề mà Đỗ Bích Thúy nói đến trong tác phẩm của mình. Lê là nhân viên của cửa hàng giặt là nhà Oanh, vốn là gái quê lên kiếm việc trên thành phố. Những rung cảm đầu đời với Vinh và sự kém hiểu biết về kiến thức giới tính khiến Lê đã có thai. Oanh phải đưa Lê đến bệnh viện để giải quyết hậu quả. Ngày nay, thanh niên cũng có tư tưởng lập gia đình muộn hoặc không lập gia đình như Viên, như Bi Sốt. Rồi vấn đề báo lá cải cũng là vấn đề mới trong nhịp sống phố thị. Báo lá cải chủ yếu là để câu khách, nội dung thì đơn giản nhưng vẫn thu hút được độc giả vì nó đánh trúng vào tâm lý hiếu kỳ tầm thường của con người: “*đại khái nó giống cái lá cải già. Lá cải già đã thủng lỗ chỗ thì chỉ vớt vào hồ phân xanh thôi, chứ ăn làm sao*” [16, 39].

Hà Nội trong văn Đỗ Bích Thúy là Hà Nội của những năm 90, nó chưa xa nhưng gợi lại mang vẻ đẹp cổ kính đan xen với nét hiện đại của phường phố hôm nay: “*Hà Nội của thế kỷ 21, trẻ lại, năng động và đầy màu sắc. Hà*

Nội nhón nháo, Hà Nội trầm lặng, Hà Nội tốt bụng, Hà Nội kèn cựa...Cái gì ở Hà Nội cũng cần phải suy ngẫm. Nhưng dù gì thì gì, Hà Nội vẫn là trái tim của cả nước, là nơi người Việt từ xứ đò về” [40]. Mỗi người khi nhắc về Hà Nội đều mang trong mình một thứ tình cảm khó gọi tên, nồng nàn, da diết như chính những lời tâm sự trong sâu thẳm tâm hồn của nhà văn khi “*đã vượt qua cái cảm giác lạc lõng, thấy Hà Nội chỉ là một chỗ dừng chân tạm thời,...để đến lúc cảm thấy Hà Nội thật thân thương, ấm áp, dễ chịu; một Hà Nội thật sự có tâm hồn, có cảm xúc, có sự run rẩy như những cơn gió cuối thu lướt qua tán lá; một Hà Nội mà ở đó có những cuộc đời bình dị được trôi đi với tận cùng vui buồn sướng khổ”* [16, 9]. Đỗ Bích Thúy đã có những năm tháng sống tại mảnh đất thân yêu này, và chị đã cảm nhận được cái hồn của đất, cái tình của người Hà Nội dành cho chị và cho những người tha hương chọn mảnh đất này làm điểm dừng chân trong cuộc đời.

2.2. Con người đô thị - nơi ẩn chứa vẻ đẹp của văn hóa Hà Nội

2.2.1. Những con người đô thị vừa truyền thống vừa năng động

Đỗ Bích Thúy gắn bó cả tuổi thơ của mình trên mảnh đất Hà Giang. Khi chuyển hướng ngòi bút viết về Thủ đô, những con người nguyên mẫu đời thường của phố thị đã bước vào từng trang sách của chị. Đỗ Bích Thúy không cố gắng xây dựng một nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình mà chỉ muốn xây dựng những nhân vật đời thường nhất. Ở họ ẩn chứa những nét đẹp dung dị của cuộc sống, từ ngoại hình, tiếng nói đến tâm hồn, tính cách. Mỗi người hiện thân với một vai trò riêng theo ý đồ của tác giả, nhưng hơn hết họ là những mảnh ghép đáng yêu không thể thiếu của phố phường.

Với Đỗ Bích Thúy, những thế hệ người Hà Nội xưa như những tia nắng vàng còn vương lại trên mảnh đất Kinh Kỳ. Họ đáng quý và trân trọng vô cùng giữa những đổi thay của cuộc sống và con người hiện đại. Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là*, người phụ nữ Hà Nội xưa lúc nào cũng đẹp đẽ, thanh thoát và kiêu kỳ: “*cặp môi hơi mỏng, sống mũi cao, nhỏ, mắt màu hạt dẻ, cặp*

lông mày thanh mảnh, cái trán phẳng, tóc dày, bạc trắng, búi thành búi sau gáy và những cái cặp tăm găm đều tăm tắp hai bên thái dương” [16, 67]. Tóc búi gọn phía sau gáy *“khăn nhung bó đê viền mép, quàng trên vai, thắt một mối thả xuống trước ngực. Vòng ngọc xanh lục bảo đeo cổ, vòng ngọc đeo tay nạm vàng tây, nhẫn ngọc trai trắng*” [16, 106]. Bà Minh mặc áo dài rất đẹp, bên trong là áo nhung the màu mận chín, bên ngoài là áo lụa, quần lụa đen bóng, ngoài cùng khoác chiếc áo gi lê trắng vô cùng tinh xảo, chân xỏ vào đôi giày nhung đính đá, thêu bông cúc. Mẹ chồng Bình (*Chiếc hộp khám trai*) tuổi đã ngoài 70, nhưng lúc nào cũng hoạt bát, nhanh nhẹn và gọn gàng: *“Ngôi rẽ bên trái, thẳng tắp, với rất nhiều những chiếc tăm ghim hai bên để không có một sợi nào lòa xòa xuống mặt*” [15, 187]. Khi đi dự tiệc đám cưới, bà mặc áo dài nhung và quần lụa, choàng lên vai chiếc khăn len được móc cẩn thận và tinh tế, đôi hài nhung thêu họa tiết hoa thị, bà thường đi xích lô dù *“vợ chồng Bình có năn nỉ thế nào bà cũng không chịu lên taxi*” [15, 188]. Bà cũng luôn giữ phong thái giản dị, cẩn thận và tỉ mỉ *“một nếp ăn thói ở có lẽ từ lâu lắm trong bà, được bà chú ý giữ gìn, đôi khi quan trọng hơn rất nhiều so với vẻ ngoài thực sự sang trọng, giàu có*” [15, 188].

Người Hà Nội rất coi trọng gia đình. Và người phụ nữ chính là người giữ lửa cho mỗi mái nhà. Người Hà Nội thường có nhiều thế hệ cùng sinh sống nhưng lúc nào gia đình cũng nề nếp, chín chu trong mọi việc. *“Mẹ chồng Bình thường là người rất kỹ lưỡng, sạch sẽ, ngăn nắp. Lúc nào đặt chân xuống sàn nhà cũng cảm thấy mát lạnh, không gọn một hạt bụi. Bàn ghế trong nhà cũng vậy, luôn như lau như lý*” [15, 186]. Bà luôn là người lau dọn bàn thờ gia tiên, bởi với bà, đó là chôn linh thiêng nhất trong gia đình để thờ phụng bề trên: *“bát hương luôn được bà chăm nom rất cẩn thận, chu đáo,...đôi song bình lúc nào cũng được cắm những loại hoa ngát hương. Mùa sen thì cắm sen, mùa huệ thì cắm huệ, mùa cau thì cắm mấy nhánh hoa cau*” [15, 187]. Cũng giống mẹ chồng Bình, bà Minh vào ngày giỗ chồng luôn sắp

xếp mọi việc thật chu đáo. Từ việc bà giao cho Viên “*cạo vò củ gừng già thật là già, mà phải là gừng ta, củ nhỏ, thơm lừng. Cạo xong, rửa sạch rồi giã nhỏ. Gừng ấy ngâm với rượu trắng, rồi dùng một cái khăn mới để lau ban thờ, bát hương, lư hương, ảnh người quá cố*” [16, 179] cũng đủ thấy bà là người tôn trọng gia phong đến thế nào. Bà cũng là người cực kì ngăn nắp, xung quanh căn bếp từ những thứ nhỏ nhất đều được sắp đặt cẩn thận, chỉ cần quơ tay là có thể lấy được “*nhắm mắt cũng lấy được, không phải lục tung lên mà tìm kiếm bao giờ*” [16, 179].

Trong những câu chuyện mà Đỗ Bích Thúy kể về Hà Nội, bên cạnh thế hệ người Hà thành xưa luôn sống đúng với chuẩn mực truyền thống, còn có một bộ phận trí thức hiện đại trẻ trung và năng động. Không rơi vào “*chủ nghĩa minh họa*” và lý tưởng hóa con người, nhà văn trẻ có cái nhìn rất đời nên nhân vật của chị hiện lên trên trang sách đúng như những gì thuộc về bản chất thường ngày vốn có. Con người được nhận diện từ ngoại hình, hành động đến tâm hồn, tính cách, đời sống người trí thức trong thời đại hôm nay. Đỗ Bích Thúy muốn gửi gắm những thông điệp, tư tưởng nhân văn thông qua những mối quan hệ đa chiều của người trí thức với thế giới xung quanh bên ngoài xã hội. Phần lớn nhân vật trí thức trong các tác phẩm viết về Thủ đô của Đỗ Bích Thúy đều được học hành bài bản, có công việc ổn định, cuộc sống tương đối sung túc: Phương (*Cửa hiệu giặt là*), tốt nghiệp đại học, làm việc ở Ủy ban phường. Đôi vợ chồng trẻ (*Trong đám đông có một ánh mắt*), (*Đàn bà đẹp*), không phải lo lắng công việc nhà cửa, bếp núc “*nàng làm kế toán cho một doanh nghiệp liên doanh*” [15, 162] và “*chồng nàng cũng làm ăn khá tốt, có cổ phần lớn trong hai nhà máy sản xuất thép, lại là giám đốc của một công ty môi giới bất động sản*” [15, 162]. Hải, Bình (*Chiếc hộp khám trai*) “*đi làm đều có thu nhập khá*” [15, 186]. Họ thật sự rất năng động trong thời buổi kinh tế thị trường.

Tuy nhiên, bên cạnh những người có điều kiện kinh tế, còn tồn tại một số người trẻ đang loay hoay trên con đường tìm kiếm cơ hội cho mình. Trinh, một cô gái dân quê nghèo lên thành phố học tập rồi tốt nghiệp hai chuyên ngành báo chí và được nhận vào làm hợp đồng thử việc không lương tại Ủy ban phường, chịu trách nhiệm thiết kế trang web “*cái gì cũng có*”. Cô phải chịu nhiều áp lực trong công việc và trong các mối quan hệ với cấp trên. Giới trẻ Hà Nội hôm nay còn là những con người ga lăng và lịch thiệp trong giao tiếp. Họ tôn trọng lẫn nhau trong các mối quan hệ xã hội. Họ cũng là người tiếp cận và thích nghi nhanh với cái mới. Oanh là một minh chứng rõ nhất. Cô cũng từng học đại học, nhưng rồi ra trường, lấy chồng, Oanh đành cất tấm bằng vào tủ để mưu sinh cho gia đình. Công việc tuy có vất vả, hàng ngày luôn tay từ tám giờ sáng đến tám giờ tối nhưng đổi lại, cô có thể tự lập trong cuộc sống gia đình. Đó là điều mà nhiều người mơ ước. Những người như Oanh, Phương, Trinh đang cố gắng hết mình để vươn lên trong cuộc sống. Họ sống an phận với những gì mình đang có, đang sống. Đỗ Bích Thúy không chủ trương xây dựng hình tượng người trí thức hiện đại với những va vấp, tội lỗi, đón đầu “*chìm nổi*” một cách điển hình hóa. Họ hiện lên trên trang viết như một mảnh ghép của nhịp sống phố thị muôn màu, muôn vẻ, có hạnh phúc, có vui tươi, có những hiểu lầm và giận hờn. Phần lớn những nút thắt của nhân vật được tháo gỡ một cách nhẹ nhàng dưới ngòi bút của chị. Vì thế mà cái đơn giản hóa nhiều khi trở thành một yếu tố tạo nên những bất ngờ cho độc giả.

Những người nhập cư nơi mảnh đất Hà Thành cũng hiện lên với nét trẻ trung, năng động và đáng yêu. Đó là ba nhân viên của cửa hiệu giặt là Oanh Phương. Rảnh rỗi, họ lên thành phố kiếm việc làm, thêm phần thu nhập gửi về gia đình. Không chỉ hòa nhập tốt với lối sống, công việc và không gian hiện đại của đô thị, tiềm ẩn đâu đó trong tâm hồn, tính cách họ là sự tếu táo, hóm hỉnh, vui tươi. Đỗ Bích Thúy cũng không chủ trương xây dựng những hình mẫu kiểu nhân vật tù túng, nghèo đói trong xã hội, nhưng những khó khăn là

có thật. Hầu hết họ có chung một ước mơ, ra khỏi làng để “*rút chân khỏi bùn, thoát cảnh đi sau đít trâu, hết những ngày, những đêm ngồi cắm mặt đan cót kiếm dăm đồng đi chợ*” [16, 123]. Lê “*Quê ở Hà Nam. Bố mẹ còn khỏe, có hai anh trai, đều đã lấy vợ, ở riêng. Nhà cũng không rơi vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng nó thích đi làm ở Hà Nội. Theo như nó nói thì nó không phải gửi tiền về cho bố mẹ, tiền kiếm được thích tiêu gì thì tiêu. Mỗi khi lĩnh lương lại bỏ riêng một khoản cất vào con lợn nhựa, còn thì đi mua sắm quần áo, đi làm tóc, mua giày*” [16, 123]. Còn mẹ Lê thì nghĩ đến một điều xa xôi nào đó mà chỉ Oanh mới hiểu: “*Bà chỉ mong con Lê đứng giữa cửa hàng, một ngày đẹp giờ, gặp một thằng đàn ông tử tế, thế là nó cấp đưa con gái út ít của bà về làm vợ*” [16, 123]. Vinh, quý tử nhà nông “*việc thì chả có, ai lại để một thằng quý tử như cháu giặt quần áo còn ra cái thể thống gì*” [16, 52].

Sự trẻ trung, năng động của những người trẻ tuổi còn biểu hiện ở những cử chỉ, thái độ trong công việc, sinh hoạt hàng ngày trên phố thị. Thằng Vinh “*dáng thấp đậm... hỏi gì đáp nấy, liến thoắng*” [16, 52]. Trong khi Lê nhanh nhẹn nhưng ẩu thì Tư có phần chắc chắn, cẩn thận. Cả ba nhân vật hiện lên với vẻ hoạt bát, có sức khỏe, chịu khó học hỏi, trách nhiệm với công việc “*nặng nhọc như vác than, vác quần áo, chần màn bản lên gác, lại vác xỉ than, vác quần áo sạch xuống cửa hàng... nó làm tất... chân nó di chuyển giữa hai cái bàn đạp hút và thổi của cầu là như có mắt*” [16, 53].

Khi viết về những người trẻ tuổi, Đỗ Bích Thúy đặc biệt chú ý đến hai kiểu nhân vật xuất hiện trong và sau thời kì đô thị hóa: tầng lớp tri thức và dân nhập cư. Rõ ràng, ở họ có sự khác biệt về lối sống, học thức, thói quen, nhưng khi tồn tại trong cùng một môi trường, những khoảng cách về mặt xã hội không còn nữa. Dù thuộc tầng lớp nào thì họ luôn sống có tâm, có trách nhiệm với công việc và luôn nhận được sự tin tưởng của những người xung quanh. Đó là điều đáng quý của ngòi bút Đỗ Bích Thúy khi viết về đô thị hiện đại.

2.2.2. Những con người đô thị giàu lòng nhân hậu

Người Hà Nội vẫn nổi tiếng với tấm lòng bao dung, độ lượng. Họ rất trọng tình nghĩa, truyền thống văn hóa. Sống trong một xã hội đô thị tấp nập, ai cũng phải cố gắng bươn chải lo cho cuộc sống của mình. Nhưng không phải vì thế mà họ bất chấp tất cả để đạt được mục đích. Trong những câu chuyện mà Đỗ Bích Thúy kể, đều thấm đượm tình cảm chân thành, chân quý mà những con người nơi đây dành cho nhau. Trong những khó khăn nhất của cuộc sống thị thành, họ luôn dựa vào nhau để sống.

Người Hà Nội coi trọng gia phong, nên trong mỗi gia đình, người mẹ luôn là người bao dung, độ lượng nhất, đặc biệt là với con cái. Vì lo cho đứa con gần 40 tuổi không muốn lấy chồng, bà đã đi “*cắt tiền duyên cho Viên*” mà không mấy may nghĩ đến việc tốn đến 5 triệu, bằng hơn 2 tháng lương hưu. Khi thầy làm lễ xong và bảo mang chiếc áo bản của Viên về, bà Minh đã tự tay ngâm xà phòng, giặt sạch sẽ, rồi mang nhờ con Tư vắt khô, sấy khô, dặn thằng Vinh là lượt cẩn thận... Khi Oanh dè dặt nói với bà Minh thử cân nhắc việc bà Nhan sốt đề cập làm môi Bi sốt cho Viên. Bà Minh cắn môi, nước mắt rơm rớm: “*Nói thật với em, chị là chị thương con Viên nhất. Lúc anh ấy mất, thằng Đức mới sáu tháng tuổi. Chị mãi đi làm ở xí nghiệp, tối về lại tranh thủ nhận hàng thủ công về làm thêm, nó cứ tha lôi em đi chơi quanh phố, tự tắm cho em, tự nấu cơm, bón cho em ăn. Mà nào nó có khỏe khoắn cao lớn gì, chỉ như con nhái bèn. Ăn cái gì ngon cũng phần cho em, đến lúc thằng em lớn vượt cả chị, to tướng ra, mà cái gì cũng vẫn nghĩ đến em trước. Nó sống tử tế, có trước có sau, chỉ phải cái tội tính nét dờ dờ ương ương, chả giống ai. Chị phải lo cho nó bằng được, đừng chồng con của nó mà không ra làm sao, sau chị chết nó sống thế nào được với vợ chồng thằng Đức*” [16, 139-140].

Viên cũng rất thương mẹ. Bố mất khi Viên còn rất bé, nhưng đã giúp mẹ rất nhiều việc. Kể cả bây giờ mỗi khi làm giỗ bố, Viên cũng là người cùng mẹ lo toan mọi việc, chứ vợ chồng Đức thì không bao giờ giúp được cái gì.

Nhưng người chị chồng ấy cũng rất bao dung với các em, không có một lời oán trách. Viên nói với bà Miên: “*Cháu nói thật chứ. Vợ thằng Đức bảo mẹ cháu đi đặt cỗ là cũng có cái lý của nó. Làm thì không biết làm, mà để mẹ làm còn mình đứng tơ hơ ra thì ngại. Cho nên, sang năm nhất định cháu phải vận động mẹ cháu sang com Ly bảo nó làm cho vài mâm. Ăn xong nó lại dọn dẹp cho nữa chứ, cứ gọi là sạch bong nhá. Thế có phải là nhàn cái thân không nào*” [16, 186]. Bà Miên bảo: “*Nhàn thân mà y khỏi phải rửa bát ấy, nhể!*”. Viên đáp: “*Cháu thì chả sao. Với cháu rửa bát là chuyện vặt. Bằng này chứ gấp mười thế này cháu cũng giải quyết được tất. Là cháu thương mẹ cháu thôi*”. [16, 186]. Viên rất thương Đức. Khi em bị tai nạn giao thông, gãy chân phải, rạn xương cổ tay phải, chệch khớp vai trái phải mổ nhưng không được hưởng bảo hiểm y tế vì nồng độ cồn trong máu quá cao so với cho phép mà bà Minh không có đủ tiền, Viên đã mang hết số tiền mình tích góp bao lâu (với đủ loại mệnh giá) đưa cho mẹ, bảo: “*Mẹ bỏ ra đếm hộ con xem được bao nhiêu. Con mà đếm kiểu gì cũng sai*” [16, 208]. Khi bà Minh hỏi về nguồn gốc số tiền, Viên gất: “*Khổ quá. Tiền của con đây. Tiền con để dành suốt mười mấy năm đi làm công nhân đây, chứ ở đâu ra. Thời nào mà mẹ bảo có người đem tiền cho con gái mẹ?*” [16, 208]. Bà Minh giở nắm tiền ra, xếp cẩn thận loại nào vào loại ấy. Được cả thảy hai mốt triệu bảy trăm nghìn. Thằng Đức ra viện, Viên gọi ta xi đưa em về, còn mình định đi xe đạp. Đơn giản vì Viên nghĩ đi hai người sẽ tốn tiền hơn đi một người, đâu có biết tiền taxi người ta tính theo độ dài quãng đường...

Trong tập truyện ***Đàn bà đẹp***, những câu chuyện viết về đô thị của Đỗ Bích Thúy cũng hiện lên thứ tình cảm mộc mạc chân thành giữa người với người. Nhân vật Nàng (*Trong đám đông có một ánh nhìn*) rất tôn trọng và yêu thương chồng con. Khi nghi ngờ chồng không chung thủy, và có cơ hội tìm hiểu sự thật, nàng cũng không tự ý mở mail đọc thư của chồng dù nàng cũng luôn tự hỏi ai mà gửi nhiều đến thế? Có chuyện gì không nói được mà lại phải

gửi mail?... Thương chồng làm việc ngày đêm vất vả, nàng chăm sóc chồng chu đáo và không quên dành cho chồng những cử chỉ thân mật. Nàng yêu chồng, yêu con, yêu gia đình nhỏ bé của mình, tình yêu ấy bình dị và kín đáo như con người nàng, nên đám đông nghiệp ở cơ quan mỗi khi rồi việc ngồi tán gẫu vẫn bảo có lẽ nếu chồng nàng có bò, nàng cũng chẳng đau khổ mấy, cũng chẳng lòng lên mà ăn tươi nuốt sống kẻ ấy như người ta. Nàng nghe và chỉ cười.

Chuyện mẹ chồng nàng dâu luôn là câu chuyện muôn thuở. Nhưng khi đọc *Chiếc hộp khám trai*, người đọc cảm thấy ngỡ ngàng trước tình yêu thương mà người mẹ chồng dành cho đứa con dâu. Mẹ chồng Bình là người có học, nên bà hiểu rằng, đối với người phụ nữ, bất hạnh lớn nhất là không thể có con, nên cũng không nỡ bắt ép Bình phải cố gắng sinh cho bà một đứa cháu nội, dù bà khao khát lắm. Bà chỉ nói với Hải muốn xin con nuôi ở chùa: “*Mẹ đã đến rồi, nhà chùa nói hiện đang có hai bé một trai, một gái, đều bốn tháng tuổi. Đứa nào cũng khỏe mạnh, ăn ngoan, ngủ ngoan. Ý mẹ muốn nhận bé trai, con thì sao?*” [15, 185]. Chính vì chồng và mẹ chồng quá tốt mà Bình lại cảm thấy một gánh nặng vô hình. Không thể sinh cho dòng họ một đứa con nối dõi, Bình cảm thấy có lỗi. Nhưng Bình cũng đầy thắc mắc là tại sao lần nào hai vợ chồng đi xét nghiệm, mẹ chồng cũng đi cùng? Và lần nào cũng bảo để mẹ đợi lấy kết quả cho. Mọi thắc mắc, nghi ngờ của Bình dần được giải đáp khi mẹ chồng không may bị tai biến. Bà đã cho Bình biết Hải không phải là con đẻ của bà. Đến khi bà mất, Bình biết thêm một điều rằng, nguyên nhân khiến vợ chồng Bình không có con, hoàn toàn không phải do Hải, mà là do Bình. Mẹ chồng đã không nỡ nói với con dâu điều đó vì sợ con sẽ buồn, tổn thương. Mẹ chồng Bình là mẫu người mẹ chồng hiếm có, luôn hiểu và cảm thông cho con dâu, thương con dâu vì phải chịu bất hạnh không được làm mẹ.

Bên cạnh tình cảm của những người cùng chung mái nhà trong văn xuôi viết về đô thị, Đỗ Bích Thúy còn nhắc nhiều đến những tình cảm gần

gũi, yêu thương của những con người cùng cảnh ngộ, hay giữa chủ và nhân viên. Đó chính là tình cảm của Oanh với các nhân viên. Khi giữa Vinh và Lê nảy sinh tình cảm với nhau, Oanh đã cảm thấy hơi lo lo. Và cái lo của Oanh không phải không có căn cứ khi thằng Vinh làm cho con Lê có thai. Thằng Vinh vì sợ quá nên đã bỏ trốn. Người chịu hậu quả và ôm cay đắng giờ chỉ có con Lê. Thương Lê, Oanh cũng không biết phải làm sao ngoài việc đưa con Lê đi giải quyết cái thai. Một thời gian sau, thằng Vinh quay trở lại gặp con Lê, máu trong người Oanh như sôi lên thành cơn, cuộn cuộn trong ngực. Sau một hồi lờ qua tiếng lại, thằng Vinh chạy đi. Trong phòng, con Lê đang úp mặt vào đồng chăn gối, nằm còng queo như con tôm, khóc nức từng cơn. Oanh đi vào, không biết nói gì với đứa con gái mà mới chỉ thảng trước đây thôi còn tươi vui hơn hờ như một đóa hoa dong riềng nở trong vườn, thoáng chốc đã biến thành một con đàn bà cay nghiệt. Oanh bảo con Tư: *“Cháu lên giặt nốt đi, cho nó nghỉ. Cửa hàng để cô trông cho”* [16, 171]. Tự dung, ngay lúc này đây, Oanh thấy thương con Lê, thương cả thằng Vinh như những đứa em của mình. Cô nghĩ nó nói thật. Chỉ vì sợ quá, cái thai đột ngột xuất hiện đã khiến thằng bé mới lớn choáng váng, và nó bỏ chạy như một phản xạ. Oanh khuyên Lê: *“Mình phải thương cái thân mình trước. Tự bảo vệ mình. Quên nó đi, coi như nó chưa tồn tại. Coi việc vừa xảy ra như là chưa hề xảy ra, cháu ạ”* [16, 172]. Phải nói rằng, ở thành thị, ít có được những tình cảm chân thành như thế.

Trong ngôi nhà chung của Vinh, Lê, Tư cũng luôn tràn đầy tình thương mến giữa những người chung cảnh ngộ, cùng từ những vùng quê nghèo lên đây xin việc. Khi Lê và Vinh xảy ra chuyện, Tư luôn là người ở bên an ủi Lê. Mặc dù tính cách trái ngược nhau, ngày thường cãi vã suốt. Nhưng khi *“thằng Vinh đi luôn, trưa không về, tối cũng không về nốt. Con lợn nhựa tiết kiệm của con Lê cũng tự dung biến mất. Con Lê òa khóc rờn rã. Con Tư ôm bạn khóc theo. Nhà như có đám”* [16, 126]. Những giận hờn ngày thường biến đâu

mất, chỉ còn lại sự cảm thông, chia sẻ: “*Đi ngay đôi găng tay vào cho tao. Mà muốn chết à, con điên*” [16, 172].

Phương đã từng có những phút giây “*say nắng*” với Trinh - cô nhân viên tập sự của ủy ban. Khi biết được hoàn cảnh của Trinh: mẹ qua đời vì ung thư, Phương cảm thấy thương xót. Anh luôn tìm cách an ủi Trinh dù rất sợ nhìn vào miếng băng tang trên ngực áo, sợ nghe giọng nói đẫm nước mắt của Trinh: “*người đã ra đi, đã ra đi rồi thì thôi, xong, chả còn vương vấn âu lo, nhưng người ở lại thì sao đây?*” [15, 155]. Phương thật sự lo lắng cho Trinh khi giờ đây còn lại một mình giữa cuộc đời đầy bon chen. Và quan trọng là “*Người đi thì cũng đi rồi. Người ở lại thì vẫn phải sống tiếp. Sống một cách tử tế*” [16, 161].

Đỗ Bích Thúy đã dùng cả tâm lòng và ngòi bút đặc tả của mình để vẽ nên “*bức tranh*” Hà Nội đủ đầy màu sắc, hình ảnh và phong vị cuộc sống, làm thức tỉnh cái hồn Hà Nội trong trái tim mỗi người. Đỗ Bích Thúy đã “*sống chậm lại*” để phát hiện một Hà Nội vừa xưa cũ, vừa nhẹ nhõm và rung động trước những cảm xúc giản dị, chân thật mà mảnh đất và con người nơi này mang lại.

Tiểu kết chương 2

Qua tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là* và một số truyện ngắn trong tập *Đàn bà đẹp*, Đỗ Bích Thúy đã tái hiện một bức tranh Hà Nội chân thực của cuộc sống chốn thị thành. Đó là một không gian vừa ồn ào, náo nhiệt, xô bồ với biết bao hình ảnh quen thuộc của những căn nhà nhỏ chật chội và bức bối; một cái ngõ nhỏ âm u, ảm thấp cùng âm thanh ồn ã hàng ngày. Nhưng pha vào đó còn là hình ảnh của Hà Nội bình dị, nhẹ nhàng mà tinh tế với những gánh hàng rong, của những món ăn truyền thống; những thú vui tao nhã cùng tình người đậm chất Hà Nội. Thủ đô ngày nay đã thay đổi nhiều nhưng những nét văn hóa truyền thống vẫn còn được lưu giữ, tạo nên sự đan xen giữa cái cũ và cái mới trong lòng phố thị. Ở đó, có những con người hiện đại với lối sống thời thượng nhưng cũng có những con người chính gốc Hà Nội với cách nghĩ, cách làm mang đặc trưng của đô thị ngàn năm văn hiến. Hà Nội trong văn Đỗ Bích Thúy là Hà Nội của những vẻ đẹp truyền thống, của tình người ấm áp giữa con người với con người trong những lúc khó khăn vấp ngã giữa dòng đời.

Chương 3

NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CHỦ ĐỀ ĐÔ THỊ TRONG VĂN XUÔI ĐỖ BÍCH THÚY

3.1. Hệ thống hình ảnh đô thị

Hình ảnh có một vai trò quan trọng trong chức năng diễn đạt trong văn học cũng như tất cả các ngành nghệ thuật tạo hình. Hình ảnh nghệ thuật được coi là *“các khách thể đời sống được nghệ sĩ tái hiện một cách sáng tạo trong những tác phẩm nghệ thuật”* [5, 99]. Một tác phẩm văn học - nghệ thuật dù được xây dựng bởi các vật liệu vật chất cũng không coi đó là hiện tượng vật chất mà phải coi đó là các *“khách thể tinh thần (...) Hình tượng tinh thần là một khách thể tinh thần, mọi phương tiện biểu hiện chỉ có ý nghĩa khi nào làm sống lại các khách thể đó, và người đọc tác phẩm, chỉ khi nào xâm nhập được vào thế giới tinh thần đó mới có thể nảy sinh được sự thưởng thức, đồng cảm”* (Phương Lựu). Hình ảnh trong tác phẩm văn học không phải là sự sao chép những thứ có sẵn trong đời sống mà phải sáng tạo, phải khái quát... Tính tạo hình là rất quan trọng của hình tượng nghệ thuật. Những chi tiết của đời sống được chắt lọc, đưa vào trong tác phẩm sẽ rất có ý nghĩa. Đồng thời với đó, *“biểu hiện là phẩm chất tất yếu của tạo hình. Biểu hiện là khả năng bộc lộ cái bên trong, cái bản chất của sự vật, hé mở những nỗi niềm thầm kín trong tâm hồn”* (Phương Lựu). Khi xây dựng hệ thống hình ảnh, các nhà văn thường thể hiện mối quan hệ xã hội - thẩm mỹ và thể hiện có tính nghệ thuật cao.

Hình ảnh trong các tác phẩm văn xuôi của nhà văn Đỗ Bích Thúy đã gọi lên trong tâm trí người đọc những hình ảnh cụ thể mà mắt có thể nhìn thấy được, xúc giác có thể nhận biết được. Đó là hệ thống những hình ảnh đô thị Hà Nội có thật trong lịch sử. Qua hệ thống hình ảnh ấy, giúp người đọc có thể *“thưởng thức”* và *“thẩm định”* tác phẩm một cách trọn vẹn nhất.

3.1.1. Những hình ảnh đời thường nơi đô thị

Đọc tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là*, người đọc như được bước chân trên những con đường, những góc phố vừa thênh thang nhẹ nhàng, vừa ồn ào náo nhiệt. Trên con phố Lê Văn Hưu ấy, “*căn hộ*” của bà Minh và các con đang sống được xây trên nền nhà vệ sinh công cộng, diện tích hơn mười mét vuông, do lấn chiếm, làm chui, không có sổ đỏ. Hà Nội đã quá quen với hình ảnh những con ngõ sâu hun hút, ngoằn ngoèo, dây điện rối như mạng nhện vắt ngang từ nhà này sang nhà khác: “*Ngõ nhỏ tí. Chiều ngang chỉ chừng tám chín chục phân, nghĩa là nếu có một người đi xe máy từ ngoài vào hay từ trong ra, thì người đi ngược lại phải đứng chờ, chú không thể lách qua nhau được*” [16, 8]. Cái con ngõ ban ngày đi xe phải bật đèn, bấm còi để người đối diện biết có người đang đi tới mà tránh. Trong khoảng không nhập nhoạng ấy, có sự hòa quện giữa những tiếng động, âm thanh đặc trưng, tiếng ồn ã của người cười nói, nước xả ào ào từ bên trên vọng xuống, nhạc Karaoke thâu đêm suốt sáng của cơ sở kinh doanh bên cạnh,... như gọi nên thứ cảm xúc hỗn độn, giữa cái bên trong âm u, tịch mịch đối nghịch với cái bên ngoài đa thanh, sôi động.

Đỗ Bích Thúy có sự tinh tế trong việc quan sát và miêu tả tạo nên những trang văn lôi cuốn người đọc vào một khoảng không gian yên ắng, an lành, linh thiêng mang đậm nét truyền thống. Hà Nội hiện lên qua tiếng du dương của gió xuyên qua tán cây long não âm u và tịch mịch. Hà Nội bình yên, thiêng liêng lạ lùng trong tiếng kinh của mẹ chồng Oanh lúc 4 - 5 giờ sáng. Hình ảnh người đàn bà với phong thái nhẹ nhàng và điềm tĩnh trước ban thờ Phật “*Bà có một quyển kinh trên giấy vàng ngà, in chữ rất to, không đeo kính cũng đọc được. Bà cất quyển kinh như một báu vật, mỗi khi cầm tới nó là phải rửa tay sạch sẽ. Không để lẫn với những thứ tạp uế như quần, áo, tất, găng*” [16, 35]... tạo cho người đọc cảm giác thư thái, bình an. Nhưng, bên

cạnh một Hà Nội thanh bình trong từng căn nhà, trên từng con phố, còn là một Hà Nội huyên náo và ồn ào với hình ảnh tiếng người cười nói, tiếng đánh cãi chửi bới, tiếng chat chúa sinh hoạt đời thường, tiếng thờ dài của những số phận người mang gánh nặng mưu sinh. Trong những khoảng xô bồ hỗn tạp ấy, con người hiện lên với những nét đẹp khác nhau, họ trao tặng những thứ tình cảm đầm ấm, không phân biệt tuổi tác, địa vị xã hội, họ cru mang quan tâm, chăm sóc và đùm bọc nhau trong những lúc khó khăn nhất của đời người, để mỗi người trong số họ đều được sống tận cùng với những vui buồn sướng khổ của cuộc đời.

Bốn mẫu truyện ngắn viết về phố phường in trong tập ***Đàn bà đẹp*** là bốn bức tranh với những nét vẽ khác nhau về cuộc sống thị thành xưa và nay. Trên những con phố đặc biệt, hẹp và tôi có khi chỉ vừa vịn một người đi qua nằm len lỏi dọc các con phố cổ đã bạc màu thời gian. Hình ảnh những nếp nhà xưa trong dãy phố cổ nằm san sát nhau, những căn nhà “*theo hợp đồng với nhà nước thì bốn căn hộ khi chưa coi nói mỗi căn chỉ có mười sáu mét vuông, chính xác hơn thì căn của cha mẹ bà là mười lăm mét rưỡi*” [15, 198], “*dưới gầm bếp, cũng là chân cửa sắt, lúc nào cũng ướt nhoẹt, lúc nào cũng có dăm ba con chuột bé tí, mắt sắc lẹm, chạy qua chạy lại, ... chuột lại càng không sợ người, thấy người chỉ giương mắt lên*” [15, 197]. Ngõ sâu hun hút, bí bách bởi lối đi tối và hẹp. Ngõ thì ngoằn nghèo đến đến mức khó hình dung ra được đường đi. Những căn hộ nằm sát mặt đường. Cuộc sống phía trong những ngôi nhà cũ ẩn chứa nhiều nguy hiểm. Bên trong căn nhà bày biện tất cả mọi thứ đồ dùng sinh hoạt cho gia đình, chật chội và lộn xộn. Hà Nội còn có một không gian đô thị với ngôi nhà sang trọng, đời sống giàu sang và sung túc của con người xen lẫn sự nghi kị về các mối quan hệ phức tạp trong xã hội. Ở đó có những ngôi nhà mang vẻ đẹp phố cổ với mái ngói rêu phong cổ kính, trong đó nhiều thế hệ cùng sinh sống và cùng tôn trọng các giá trị xưa cũ tốt đẹp.

Mỗi câu chuyện của Đỗ Bích Thúy không dài, nhưng đã ghi lại rất chi tiết về nếp sống, thú vui của người Hà thành xưa bằng một cách viết lạ và thú vị. Người đọc phải nhẫn nha theo mỗi trang sách “*bố bà có cái thú uống trà buổi sáng. Thường thì ông cụ chỉ ăn tí ti theo đúng nghĩa lót dạ, rồi sai con mang cái hỏa lò đất nhỏ xíu lên gác xép. Trên đó đã có một cái hộp gỗ đựng những viên than hoa đen nhánh, một cái bình đựng nước mưa hứng giữa trời từ cơn mưa gần nhất... ông cụ có cái ấm rất đặc biệt: Ấm men da lươn, đầu vòi và tay cầm bịt bạc. Sau khi tráng trà, pha trà, ông mới đưa cái vòi ấm lên ngọn lửa than hoa nhỏ, hơ cho cái vòi thật nóng. Xong, uống trà thẳng từ vòi ấm*” [15, 198]. Với một không gian nhỏ, chỉ qua những ô cửa xinh xắn cũng như gợi về một khoảng vô định tồn tại trong nếp nghĩ của những người đã từng là một phần không thể thiếu của Hà Nội. Người Hà Nội xưa sống với nỗi niềm trầm tư, lặng lẽ quan sát sự biến đổi của lịch sử, xã hội. Còn nhớ, thứ cảm xúc sâu lắng, miên man bất tận của ông cụ trong *Sương khói mịt mờ* trên căn gác xép nhỏ, nhâm nhi chén trà, qua ô cửa “*bé bằng nửa cái mâm*”: “*Ở đó, trở ra một cửa sổ bé bằng nửa cái mâm đồng. Nhìn qua ô cửa sẽ thấy một ngọn sấu. Mùa lá xanh rất xanh, mùa quả nhìn rõ những chùm quả lúc lỉu. Trong lúc bố uống trà, đọc một tờ báo vừa mua thì bà nhìn ra cây sấu. Chỉ nhìn ngọn sấu, không cần nhìn lịch cũng biết thiên nhiên đang vào mùa gì*” [15, 199].

Hình ảnh Hà Nội của đời thường còn được hiện lên qua việc nhà văn giới thiệu đến độc giả những món ăn dân giã nhưng lại là đặc sản của Hà Thành. Những công đoạn làm bánh cuốn cầu kỳ, truyền thống của người xưa hiện lên như những thước phim quay chậm: “*Mỡ múc một muôi bột gạo, rưới lên trên mặt vải, xoa nhẹ ba vòng, bột láng một lớp mỏng đều tăm tắp... cho nhân vào chiếc bánh vừa lấy ra... rắc ruốc tôm, hành phi lên trên, khách muốn dùng tinh dầu cà cuống thì mở nắp lọ thủy tinh nhỏ xíu đựng tinh dầu ra, lấy tăm nhúng vào lọ tinh dầu, nhúng trở lại bát nước mắm, ... lại còn chả quế nữa*

chứ. Ôi chao, miếng chả quế vàng thơm, thơm ơi là thơm... thái sao phải mời miếng như một, không miếng nào to, miếng nào bé” [16, 70]. Có thể nói, Đỗ Bích Thúy đang cần mẫn, nhặt nhạnh và ghi chép lại tất cả những cái “*đã từng*” là nét đẹp của Hà Nội diễn ra trong suốt chiều dài của một vùng văn hóa tinh hoa ngàn năm qua những dòng viết nhẹ nhàng, tinh tế đầy xúc động.

Hình ảnh thị thành trong thời buổi kinh tế thị trường sau những năm đổi mới cũng được Đỗ Bích Thúy miêu tả tỉ mỉ. Ở Hà Nội, sự chiếm hữu hè phố như một sự mặc định sẵn trong tư duy của mỗi con người Hà thành không thể thay đổi. Trên mỗi con phố, những biển hiệu xanh đỏ chủ sở hữu đặt một cách ngang nhiên nhằm quảng cáo cho các mặt hàng kinh doanh, buôn bán của gia đình. Hai bên lề đường “*mọc*” lên nhan nhản những cửa hiệu thiết kế và kinh doanh mặt hàng “*tây hóa*” như: Thẩm mỹ viện, siêu thị bách hóa, rạp chiếu phim... Nhưng, trên những hè phố ấy còn nặng trĩu bước chân của những cuộc đời mưu sinh chật vật, cùng cực. Những công việc mưu sinh hàng ngày đều diễn ra trên những vỉa hè, con phố ấy. Đó là những gánh hàng rong kịt kịt trên vai. Đó là quán nước chè với vài chiếc thuốc lá của Viên mỗi khi chiều về. Đó còn là nơi kiếm miếng cơm manh áo của Bi Sốt với nghề sửa xe đạp dưới chân cột điện. Đó là hàng thịt lợn của vợ chồng nhà Ụt đến từ sáng sớm. Thời gian chậm chậm buông trên từng tán lá mỏng manh, để nỗi nhớ và niềm tiếc nuối chìm dần vào hư không, lắng đọng lại trong từng góc khuất của đời người. Rõ ràng, có thể thấy cảnh vật phố phường hiện hữu trên những dòng viết của chị không đơn thuần chỉ là miêu tả qua hệ thống hình ảnh thực, mà ẩn sau nó là cả những câu chuyện về mảnh đời, mảnh tình, kiếp nhân sinh ngày ngày lặng lẽ.

Hà Nội cũng dần thay đổi diện mạo phố thị khi những căn nhà lụp xụp nơi phố cổ ngày nào dần ít đi. Thay vào đó là những chung cư, những ngôi nhà sang trọng của những người có địa vị trong cuộc sống. Với *Đàn bà đẹp* trong tập truyện cùng tên, nhân vật nàng sống trong căn nhà năm tầng, thuê

hai người giúp việc, bên trong với nội thất sang trọng, nàng thích nhất là buổi chiều “ngâm mình trong bồn nước ấm nở đầy bọt sữa tắm,... ngáp nút trong đống bọt tắm êm ái, ngọt ngào và thơm ngát” [15, 166 - 167]. Sự sung túc và đầy đủ trong sinh hoạt hàng ngày đã khiến nhân vật không ít lần “soi gương và tự mãn: sống thế này không trẻ lâu mới lạ chứ” [15, 163]. Giờ nàng chỉ sống trong hưởng thụ, thoải mái vì hai con đã lớn, sáng sủa được xe của trường đến đón tận nơi, cả nàng và chồng đều làm ra tiền, kinh tế ổn định. Hay, những câu chuyện *Trong đám đông có một ánh mắt* chỉ là những cảnh sinh hoạt hàng ngày trong căn phòng chung cư của đôi vợ chồng trẻ với đứa con mới sinh. Thịnh vượng là không gian ở công ty thiết kế xây dựng nơi chồng cô làm việc. Không gian phố thị hiện đại trong văn xuôi viết về Hà Nội của Đỗ Bích Thúy không quá rộng lớn, nhưng được chuyển cảnh một cách liên tục và khéo léo, giúp người đọc có thể hình dung ra một xã hội hiện đại những năm sau đổi mới.

Hình ảnh Hà Nội trong văn xuôi của Đỗ Bích Thúy không đơn thuần là cảnh sắc thiên nhiên gắn với những biểu tượng của văn hóa ngàn năm, là hình ảnh của một vùng đất đang chuyển mình trong quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa tồn tại cả những cái tốt - xấu, hay - dở, mà còn là những cảnh đời, cảnh người giữa cuộc sống mưu sinh thường nhật. Tất cả được ghi lại chi tiết, tỉ mỉ, nhân ái, đáng yêu dưới ngòi bút của nhà văn.

3.1.2. Hình ảnh những con người đô thị

Phong cách người Hà Nội vẫn được ngợi ca là thanh lịch. Tính cách thanh lịch của người Hà Nội được thể hiện ở cách ứng xử văn hóa, từ cách nói năng, ăn mặc, giao tiếp. Người Hà Nội thường phát âm rất chuẩn, dùng từ một cách chính xác, nhã nhặn và lịch sự. Người Hà Nội cũng rất rành trong ẩm thực. Các món ăn, thức uống của người Hà Nội luôn phải đúng điệu, đúng chất Hà thành.

Khi xây dựng nhân vật trong các tác phẩm văn học, thì chủ thể sáng tạo phải có sự đồng cảm, phát hiện và chắt lọc “*những đặc điểm bền vững của nhân vật*” [13, 65]. Tuy nhiên để làm được điều đó nhà văn phải có quãng thời gian trải nghiệm hoặc có một độ lùi nhất định về không gian và thời gian đủ để nhìn nhận một cách sâu sắc nhất các chi tiết, hình ảnh, sự kiện liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp về nhân vật ấy. Mặt khác, bút lực của chủ thể giữ vai trò quan trọng sao cho sau khi miêu tả, khắc họa... nhân vật hiện ra hội tụ tất cả những yếu tố tạo thành một chỉnh thể thẩm mỹ có khả năng thuyết phục mạnh mẽ đến đối tượng tiếp nhận. Dựa trên những nền tảng lí luận cơ bản, qua khảo sát và nghiên cứu các tác phẩm văn xuôi của Đỗ Bích Thúy viết về đề tài thủ đô, chúng tôi nhận thấy rằng hình ảnh người Hà Nội được chị xây dựng bằng các biện pháp nghệ thuật tập trung chủ yếu qua các đặc điểm về ngoại hình và nội tâm nhân vật.

Tài khắc họa nhân vật của Đỗ Bích Thúy được định danh từ những câu chuyện viết về miền núi. Nay trong những câu chuyện viết về miền xuôi, viết về Hà Nội, ngòi bút ấy lại có vẻ tươi tắn hơn, điêu luyện hơn. Mỗi nhân vật trong truyện viết về Hà Nội của chị đều mang một nét riêng. Họ được bộ lộ tính cách, ngoại hình thông qua ngòi bút tài tình, tinh tế của Đỗ Bích Thúy. Trước hết, có thể khẳng định nhân vật trong các tác phẩm văn xuôi của Đỗ Bích Thúy viết về Hà Nội rất phong phú, đa dạng, thuộc mọi lứa tuổi, giới tính, thành phần trong xã hội. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, ta thấy có sự phân định tương đối rõ ràng giữa hai thế hệ người: Xưa - nay.

Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là* là người phụ nữ điển hình của Hà Nội xưa. Đỗ Bích Thúy miêu tả bà là người có vóc dáng thanh mảnh, bé nhỏ, đi đứng khoan thai, chậm rãi đúng tác phong của người Hà Nội. Là chị cả trong gia đình, bà đảm đang mọi việc, từ nấu ăn đến khâu vá đều rất khéo léo. Bà Minh là người phép tắc, mẫu mực và cầu kỳ trong nếp sống, bà “*trở thành tấm gương cho tất cả các em, con, cháu, nhất là khi ông bà đã mất. Mặc dù là*

phận gái, nhưng việc lớn, việc nhỏ trong gia đình, họ mạc, các em bao giờ cũng hỏi ý kiến chị” [16, 9].

Mẹ chồng Bình (*Chiếc hộp khám trai*) cũng là một mẫu người Hà thành xưa mà Đỗ Bích Thúy rất trân trọng. Mặc dù đã ngoài bảy mươi, nhỏ người nhưng nhanh nhẹn, hoạt bát và tinh anh. Ngoại hình của mẹ chồng Bình cũng được nhà văn miêu tả một cách kỹ lưỡng: Bà ăn mặc rất tinh tế, giản dị nhưng vẫn hiện lên một vẻ đẹp quý phái, nền nã và hài hòa. “*Bà có mái tóc rất dài, dày, trắng muốt*” [15, 187]. Để có mái tóc đẹp óng ả, mượt mà như thế, bà đã chăm sóc rất cẩn thận, mấy chục năm chỉ gội với bồ kết. Mái tóc ấy lúc nào cũng gọn gàng, “*bà thường dùng một chiếc cặp ba lá để cặp cho chặt sau khi vấn tóc lên. Ngôi rẽ bên trái, thẳng tắp, với rất nhiều những chiếc cặp tăm ghim hai bên để không có một sợi nào lòa xòa xuống mặt*” [15, 187]. Những cử chỉ, tác phong của bà luôn đàng hoàng, lịch sự. Trong gia đình bà sắp đặt mọi thứ ngăn nắp và sạch sẽ đến mức “*lúc nào đặt chân xuống sàn nhà là cũng cảm thấy mát lạnh, không gọn một hạt bụi. Bàn ghế, đồ dùng trong nhà cũng vậy, luôn như lau như lý*” [15, 186].

Đại diện cho những nét đẹp về ngoại hình của người phụ nữ Hà thành xưa còn là bà lão bán chè (*Sương khói mặt mờ*), sống trong một con ngõ sâu hun hút và tối tăm “*Tóc bạc trắng, ngôi phía trong một cánh cửa sổ lúc nào cũng mở một cánh, khép một cánh... bà cụ ngồi đó, mắt đeo một đôi kính có cái gọng màu hổ phách,... những ngón tay trắng xanh, mảnh, gầy, nhăn nheo,... bà cụ nhoẻn cười hơi lộ hàm răng đều tăm tắp như hạt na, cặp môi cắn chỉ nhỏ và hơi mỏng rất đối ý nhị*” [15, 201-203]. Những người phụ nữ ấy đã thể hiện nét đẹp tiêu biểu nhất của người Hà thành xưa, dịu dàng, thanh tú, ý nhị và nhã nhặn. Họ đã sống và hướng đến những giá trị tốt đẹp của cuộc đời, giữ gìn, bảo vệ, phát huy nó để những lớp người kế cận noi gương.

Đỗ Bích Thúy không chỉ viết về thế hệ những người Hà Nội xưa cũ với một sự trân trọng, mà lớp thế hệ trẻ hôm nay cũng được nhà văn miêu tả đầy

ấn tượng. Đó là những người phụ nữ trẻ đẹp và hiện đại trong *Đàn bà đẹp*, công việc ổn định, thu nhập cao, chồng giỏi giang, con cái ngoan ngoãn. Với cuộc sống sung túc và giàu có, buổi sáng ngủ dậy công việc duy nhất và quan trọng nhất, chiếm nhiều thời gian nhất là trang điểm trước khi ra ngoài “*mái tóc hạt dẻ óng ả với những lọn lớn xoắn nhẹ đổ trên vai, hai gò má trắng trẻo mịn màng như da em bé, môi căng mọng, mắt sâu thẳm, thom nức, thậm chí thom tới từng kẽ ngón chân giấu một cách cởi mở trong chiếc quần tất mỏng tang*” [15, 164]. Cũng là mẫu người hiện đại, nhân vật nữ chính (*Trong đám đông có một ánh mắt*) dưới ngòi bút miêu tả của Đỗ Bích Thúy hiện lên với thân hình kiêu sa, gọn gàng, nóng bỏng đến cả “*mấy bà hàng xóm béo mập đi tập thể dục về mồ hôi mồ kê đầm đìa nhìn theo nàng thèm thuồng*” [15, 181]. Nàng cũng có công việc ổn định trong công ty, cũng váy áo, giày dép và son phấn kỹ càng trước khi đi làm. Có thể nói, họ là những mẫu phụ nữ đại diện cho lớp thế hệ trẻ hôm nay, được học hành, cố gắng phấn đấu trong công việc, ít phụ thuộc vào chồng. Họ có cuộc sống riêng, đam mê riêng, năng động và trẻ trung, cuộc sống không phải lo nghĩ về mặt vật chất nên họ có thời gian chăm sóc cho bản thân mình.

Giới trẻ Hà Nội hôm nay trẻ trung và năng động. Họ tự tin từ ngoại hình bởi “*Trong nhà tôi, tôi yêu nhất cái bàn phấn. Nhờ nó, tôi tự tin biết bao. Phải, nhờ cái bàn phấn, và cả tủ giày, tủ quần áo nữa*” [15, 164]. Hình dáng bên ngoài cơ thể từ cách làm đẹp đến việc phối đồ cũng theo xu thế hiện đại “*nàng đã mua được bộ juyp này đây, quả thực nó rất hợp với nàng*” [15, 177]. Hình ảnh người đàn ông mới du học từ Pháp về (*Đàn bà đẹp*) thu hút tất cả những ánh mắt của người đối diện bởi sự lịch lãm “*mười ngày như một, xuất hiện ở cổng công ty với một loại trang phục: Quần âu, sơ mi cổ cồn trắng tinh không thắt cà vạt, áo vest thì vắt ở tay, tay lại còn xách một chiếc cặp có quai đeo màu da bò, tone sur tone với đôi giày Giorgio Armani được thiết kế vô cùng tinh tế*” [15, 166]. Ít nhiều không phải lo lắng về mặt vật chất nên họ thỏa sức

tận hưởng niềm vui, sở thích: Tới mỹ viện bơm collagen, ngâm mình trong bồn nước lớn đầy bọt sữa tắm, uống Coffee ở những quán hàng sang trọng, tìm hiểu và biết nhiều về thế giới công nghệ...

Thế giới nhân vật trong văn Đỗ Bích Thúy dù là những con người hiện đại nhưng đều là những trí thức. Chị chỉ khai thác hình ảnh những con người được sống trong môi trường sống thường dân. Điều này khác với hệ thống nhân vật trong văn Đỗ Phấn khi viết về cùng chủ đề. Đỗ Phấn đã làm sống lại văn học thị dân Hà Nội qua những nhân vật nghệ sĩ, trí thức, doanh nhân, cave với một môi trường tràn ngập mùi rượu ngoại. Một xã hội mưu toan, cam chịu nhưng tẻ nhạt. Khi đọc văn Đỗ Phấn và Đỗ Bích Thúy đều phải đọc chậm bởi các nhà văn đều không xây dựng một cốt chuyện rõ ràng, gay cấn. Đọc xong những trang văn ấy đều có cảm giác buồn, buồn bởi sự phai nhạt dần của văn hóa Hà Nội. Nhưng cái hay khi đọc văn của hai nhà văn họ Đỗ là đã truyền cảm hứng cho nhiều người về tình yêu và nỗi lo dành cho thành phố thân thương này.

Trong văn xuôi Đỗ Bích Thúy, hình ảnh Hà Nội thị dân hiện đại cùng với lối sống hưởng thụ của con người được tác giả xây dựng dựa trên một biểu thức chung đối lập hoàn toàn với những đổi thay và diễn biến bên trong tâm lý chứa đựng góc khuất cá nhân thầm kín của nhân vật. Con người hiện lên với lối sống năng động, thích hưởng thụ. Trong truyện ngắn *Đàn bà đẹp*, nhân vật “nàng” *“từ khi bước vào tuổi ba mươi, cứ hai năm nàng lại tới mỹ viện bơm collagen một lần. Nhờ có collagen, gương mặt của nàng giữ mãi được nét đẹp măng tơ của một cô gái”* [15, 163]. Những khi rảnh rỗi, nàng lái chiếc siêu xe sang trọng dừng trước cửa quán Highands Coffee hiện đại và lãng mạn, tìm tới góc hay ngồi *“hướng ra cửa sổ có tán cây rất xanh, nhìn sang một cái ban công bên kia cũng rất xanh”* [15, 168]. Nàng lúc nào cũng khao khát *“một nụ hôn đắm đuối vào cổ, ngay chỗ tiếp giáp với bờ vai tròn trịa, mịn màng, ... chuyện vợ chồng thưa dần, nhạt dần, mệт nhòa dần, tịnh tiến theo mức độ mệт nhòa mỗi khi về nhà, thường là nửa đêm của anh. Tới mức, sắp trở thành*

con số không” [15, 164 - 165]. Vợ chồng Hải Bình (*Chiếc hộp khám trai*) “ngày nghỉ, ngày lễ, Bình hay rủ chồng đi xem phim, đi siêu thị, đi dã ngoại cùng bạn bè ở ngoại ô và thường trở về lúc đã mệt nhoài, ăn uống no nê, rượu bia say nồng” [15, 189]. Nhưng Bình cũng luôn phải đối mặt với cuộc sống thực tại, tâm trạng buồn rầu, chán nản, cắn dứt khi không thể sinh cho Hải đứa con.

Có thể nói, những biến đổi về mặt nhận thức theo xu hướng hiện đại đã làm phai nhạt dần vẻ đẹp của sự dịu dàng và thanh cao, tinh tế truyền thống. Thậm chí, đối với những người nhập cư, sau khi trở thành một công dân Hà Nội, vì gánh nặng mưu sinh, miếng cơm manh áo hàng ngày, ngoại hình của họ cũng thay đổi, không tuân theo một quy tắc chuẩn mực nào cả. Đó là các nhân vật Tư, Lê, Vinh, Vợ chồng nhà Ụt bán thịt lợn (*Cửa hiệu giặt là*). Về cơ bản, họ là những người nhà quê lên thành phố và không “quên” mang theo cả cái “quê mùa” ấy trên từng khuôn mặt, dáng đi, cử chỉ, nhưng họ vẫn toát lên sự nhanh nhẹn, hoạt bát.

Đỗ Bích Thúy có khả năng đi sâu vào thế giới nội tâm, khắc họa tâm lý nhân vật rất tài tình. Điều đó ít nhiều đã tạo được dấu ấn riêng với độc giả. Và phần lớn, các nhân vật có đời sống nội tâm phong phú trong văn Đỗ Bích Thúy chính là những người phụ nữ. Nếu như trước đây, khi viết về đề tài miền núi, người phụ nữ thường có biểu hiện nội tâm mãnh liệt, thì diễn biến tâm lý của mẫu người phụ nữ Hà Nội luôn bộc lộ theo chiều tuyến tính khi các sự việc xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Bà Minh được coi là nhân vật tư tưởng của nhà văn Đỗ Bích Thúy trong tiểu thuyết *Cửa hiệu giặt là* cũng có đời sống nội tâm khá rõ nét. Mỗi khi nhân vật này xuất hiện là Đỗ Bích Thúy thường sử dụng rất nhiều dòng tâm trạng nặng trĩu nỗi lòng của một người mẹ, người chị. Trong lòng bà luôn có sự lo lắng bất an. Bà lo lắng cho những gì mà Viên - con gái bà đang trải qua và đối diện dường như lặp lại chính số phận nghiệt ngã suốt mấy chục năm ghi rết cuộc đời bà. Để rồi trong

tâm lý của người phụ nữ ấy tràn đầy những mâu thuẫn, khi yêu thương, đồng cảm vì cái tính gàn dở của Viên, khi lại hoài nghi về giới tính và nhờ người điều tra, đôi lúc đau đớn và tìm cách né tránh sự thật vì có người đột ngột hỏi bà về chuyện chồng con của Viên.

Khi Lê gặp sự cố có thai ngoài ý muốn, Oanh thật lòng đồng cảm và thấu hiểu sự đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần của cô nhân viên trẻ người non dạ đang phải gánh chịu. Lúc đầu cô cũng khuyên Lê nên về quê và thú nhận với gia đình, nhưng rồi cô nghĩ đến lối sống làng xã đầy hà khắc, ngặt nghèo đối với những cô gái lỡ đại thì cô lại chần chừ. Cô hiểu, nếu Lê về quê sinh con một mình thì không khác nào *“bôi gio trát trấu vào mặt bố mẹ, họ hàng”* [16, 128]. Rồi sự dè bủ, khinh bỉ của hàng xóm dành cho nó sẽ khủng khiếp thế nào: *“Rồi thì trẻ con nó đặt về, nó đọc ông ổng ngoài ngõ”* [16, 128]. Nhưng *“mà không mang về, tức là ở Hà Nội, một mình đẻ, một mình nuôi con thì nuôi bằng cách nào? Thân mẹ còn chưa xong nói gì con”* [16, 128]. Lúc này, Oanh đấu tranh giữa những quyết định gay gắt giúp Lê thoát ra khỏi nỗi đau hiện tại. Cuối cùng, cô quyết định đưa Lê đến bệnh viện phụ sản phá thai. Đó là cách giải quyết tốt nhất cho Lê lúc này.

Kể từ khi mẹ mất, tính tình Trinh trở nên trầm lặng và ưu tư. Cô luôn sống trong những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu với mẹ và anh trai *“mẹ cháu bao giờ cũng thích nắng thế này, nắng vàng, tươi rói, ấm áp. Mẹ cháu sẽ mang chăn của anh em cháu ra phơi...Đêm, anh em cháu chui vào chăn rồi còn thò cổ ra hỏi chăn của anh có ấm không? Chăn của em có ấm không? Vui ơi là vui”* [16, 157]. Trinh không phải nhân vật chính của tác phẩm, nội tâm của nhân vật này cũng không quá phức tạp, nhưng những suy nghĩ trăn trở của nhân vật này cũng đã tạo cho nổi bật nhất là sự hoài nghi và mất niềm tin sau biến cố nảy sinh đầy bất ngờ. Có nhưng lúc Trinh cảm thấy bất lực trước cuộc sống khó khăn trước mắt: *“chú, có khi nào chú thấy chán cuộc sống này không?... Chú có bao giờ muốn, rất muốn một cái gì đó mà không sao có*

được, giống như cháu không?” [16, 160 - 161], dẫn đến sự dằn vặt “*lỗi cũng tại cháu. Cháu ở trên này, biết đường xá, bệnh viện, mà không cương quyết đưa mẹ lên sớm*” [16, 160]. Những mảnh đời ấy đã đùm bọc nhau vượt qua vòng xoáy của số phận, để vươn lên vững vàng trong cuộc sống.

Mẹ chồng Bình (*Chiếc hộp khám trai*), hiển hiện trên trang viết của Đỗ Bích Thúy là mẫu người có đời sống nội tâm thâm kín, ít có sự biểu hiện ra bên ngoài. Hoàn toàn không bộc lộ qua suy nghĩ, độc thoại cá nhân mà được nhận diện một cách gián tiếp thông qua cách nhìn và cảm nhận của độc giả. Qua những cử chỉ, rõ ràng người phụ nữ này luôn đau khổ, giằng xé khi không thể sinh cho chồng một đứa con. Mặt khác bà đã học cách chấp nhận và đối diện với sự thật khi số phận đã an bài và khi vợ chồng người con nuôi cũng vô sinh giống như mình. Những mâu thuẫn của một người đàn bà đã từng vấp vấp, chìm nổi trong cuộc sống gia đình là nguyên nhân khiến bà kìm nén, không nói Hải là con nuôi hơn ba mươi năm: “*Đây là bí mật mà mẹ đã giấu thằng Hải hơn ba mươi năm nay. Nay mẹ nói với con, coi như mang tới cho con một gợi ý về cuộc sống của các con sau này*” [15, 194]. Bình mở tờ giấy run run đọc. Thì ra đó là bản thỏa thuận nhận Hải làm con nuôi. Đổi lại bà cho người đàn bà ấy chiếc xe đạp của mình. Xét về mặt loại hình, rõ ràng mẹ chồng Bình mang tâm lý cá nhân và có phần khắc kỷ. Nhưng xét về mặt logic, diễn biến nội tâm của bà hoàn toàn tuân theo sự nảy sinh tuyến tính có điều kiện là do sự sợ hãi nỗi cô đơn chiếm lĩnh. Để rồi, vào những giờ phút cuối cùng của cuộc đời, có nghĩa là nỗi cô đơn trần thế sẽ vĩnh hằng tan biến, lúc này bà mới dám tiết lộ và đối mặt với nó.

Qua một số phân tích, dễ nhận thấy Đỗ Bích Thúy đã khá thành công trong việc khắc họa hình tượng nhân vật gắn với biểu hiện nội tâm nhằm hướng đến một động cơ cụ thể nào đó, cho dù tất cả họ có xuất thân, lứa tuổi, cách sống và suy nghĩ khác nhau, một Hà Nội với vẻ đẹp của tình người đầy ắp trong những trang văn của chị.

3.2. Ngôn ngữ đậm chất đô thị

Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của một tác phẩm văn học. Ngoài sự tương thích về thể loại, ngôn ngữ còn chịu ảnh hưởng của môi trường văn hóa - xã hội và cá tính sáng tạo của nhà văn. Gorki đã viết: *“Công cụ chủ yếu của ngôn ngữ và - cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống - nó là chất liệu của văn học”*. Nhưng trong thực tiễn văn học thế giới cũng như ở Việt Nam, có thể nhận thấy ngôn ngữ không chỉ là chất liệu nghệ thuật mà ngôn ngữ còn là *“sự phát ngôn thể hiện nhãn quan giá trị của những nhóm xã hội khác nhau với tư cách là những chủ thể giao tiếp thẩm mỹ”* (Lã Nguyên). Trong những năm đổi mới, sự thay đổi hệ hình tư duy nghệ thuật trong văn học dẫn tới sự thay đổi trong cách diễn ngôn của văn học thời kỳ này, nổi bật ở thể loại tiểu thuyết. Đặc trưng của ngôn ngữ tiểu thuyết như Bakhtin nhận định, vốn có *“tính phức âm, tính phân tầng”*, từ trong bản chất, *“phổ biến là các hình thức kết cấu lai tạo rất đa dạng và bao giờ cũng được đối thoại hóa ở mức độ này hay mức độ khác”*. Song mức độ *“đối thoại”* đến đâu lại phụ thuộc vào từng khuynh hướng tiểu thuyết, từng giai đoạn tiểu thuyết và từng chủ thể riêng biệt. Trong tiểu thuyết không đơn giản là chuyện người này đối thoại với người kia. Tính đối thoại trong tiểu thuyết được thể hiện trên nhiều cấp độ: đối thoại giữa các nhân vật, đối thoại trong độc thoại, đối thoại giữa các chiều văn hóa, sự đa nghĩa trong các diễn ngôn nghệ thuật.

Đọc truyện ngắn, tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy, người đọc bị hấp dẫn bởi ngôn ngữ trần thuật giàu hình ảnh trong lời tả (đan xen với lời kể). Qua trang văn của chị, cuộc sống, con người và thiên nhiên hiện lên chân thực, sinh động như nó vốn có. Nhà văn đã huy động vốn từ ngữ phong phú để tạo dựng những không gian nghệ thuật đặc trưng.

3.2.1. Ngôn ngữ đậm chất Hà Nội xưa

Trong các tác phẩm viết về thủ đô của Đỗ Bích Thúy, thứ ngôn ngữ mang đậm tính truyền thống đã len lỏi trên từng trang viết. Đặc biệt, ngôn ngữ

đậm chất truyền thống của Hà Nội xưa được tập trung ở lớp nhân vật thuộc tuýp người Hà Nội xưa. Đỗ Bích Thúy như nhà “*phù thủy của ngôn ngữ*” (Trần Đăng Khoa) khi nhắc đến lớp người này hình thành nên thứ ngôn ngữ khuôn mẫu, tình cảm, nền nã, dịu dàng và ý nhị. Qua việc miêu tả những vẻ đẹp cả về thể chất lẫn tinh thần của những người phụ nữ Hà Thành xưa.

Bà Minh trong *Cửa hiệu giặt là*, lời nói nhỏ nhẹ, gần gũi, chân thật, từ tốn nhưng có sức mạnh tiềm tàng, nặng về giá trị “*việc lớn, việc nhỏ trong gia đình, họ mạc, các em bao giờ cũng hỏi ý kiến chị*” [16, 9]. Khi đối diện với Oanh trong gian phòng nhỏ, những ý nghĩ, tâm sự trĩu nặng của người đàn bà bất hạnh về cuộc đời mấy chục năm kìm nén như được gỡ bỏ, trong lòng nhẹ bẫng và vui tươi hẳn lên. Từ những xúc cảm chân thành, chuỗi lời nói của bà phát ra như một sự thấu hiểu về điều mà Oanh đang bối rối và trăn trở trong cuộc sống. Lời bộc bạch đến từ suy nghĩ của người đàn bà từng trải khiến Oanh muốn ứa nước mắt “*không phải vì bà chị chồng phân tích rất đúng, mà bởi cách nói của bà. Cái giọng ấm áp, dịu dàng đến mềm cả lòng*” [16, 69]. Trong tâm niệm, cô cảm thấy khâm phục và kính nể nghị lực của người phụ nữ ấy, nó như một niềm động lực để cho cô phải thay đổi cách nghĩ của mình, bằng lòng và phấn đấu cho cuộc sống hiện tại, chuyên tâm lo cho gia đình, chồng con.

Đỗ Bích Thúy thường dùng thứ ngôn ngữ của người xưa trong lời nói của nhân vật này. Lời nói của bà như đúc kết lại những kinh nghiệm sống, để Oanh hiểu ra để thành công trong bất cứ ngành nghề nào đều cần phải có bí quyết “*nhưng mà chị nghĩ thế này Oanh ạ. Không có nghề nào cao nghề nào thấp. Cứ chân chỉ hạt bột, cứ thật thà tử tế, cứ kiếm được tiền để nuôi con, duy trì cuộc sống, thì đó chính là công việc tốt nhất. Em đi làm bây giờ, để xin được việc phải mất dăm chục một trăm, lương thì thấp, cửa hàng chẳng ai trông coi, thợ thuyên nó đâu phải con cháu mình, tin thì tin cũng không thể giao phó cho chúng nó được*” [16, 68-69]. Trên thực tế, bà Minh

luôn hiện lên với vẻ đôn hậu, yêu thương, lo lắng con cái hết mực, nhất là Viên, cô con gái lớn sắp sửa bốn mươi nhưng mang tâm hồn trẻ thơ, ương ương dở dở, chưa chịu lấy chồng “*chị phải lo cho bằng được, đường chồng con của nó mà không ra làm sao, sau chị chết nó sống thế nào được với vợ chồng thằng Đức*” [16, 140].

Mẹ chồng Bình trong *Chiếc hộp khám trai* cũng là một ví dụ điển hình. Khác với nhiều bà mẹ chồng thời hiện đại, khi biết con dâu bị vô sinh bà đã không tức giận, ghẻ lạnh, mà ngược lại bà có ý định lên chùa để xin nhận con nuôi cho các con. Khi biết việc đó, Bình rất sốc, nhưng bà khuyên nhủ “*cũng không dễ gì gặp được cơ hội này con ạ. Cái gì cũng có duyên, có số cả*” [15, 185]. Tấm chân tình trong câu nói của người mẹ già ngày đêm mong mỏi đứa cháu đã diễn ra theo đúng diễn biến tâm lí của bà, bởi một lẽ chính người phụ nữ ấy cũng không có khả năng sinh con. Trong bà ẩn chứa những bí mật của cả một kiếp người, bà luôn sống trong sợ hãi và dằn vặt, chỉ đến khi sắp lìa khỏi cõi đời, người đàn bà đau khổ mới dám thổ lộ và thú nhận.

Khi nói đến những câu chuyện về Hà Nội, ta nhận thấy khả năng vận dụng khéo léo thứ ngôn ngữ văn hóa, phong tục truyền thống người Hà Nội của Đỗ Bích Thúy. Đó là thú vui uống trà của người xưa được nhà văn đặc biệt chú ý với lời kể rất trân trọng quá khứ: “*Thường thì ông cụ chỉ ăn tí tí theo đúng nghĩa lót dạ, rồi sai con mang cái hỏa lò đất nhỏ xiu lên gác xép, trên đó đã có một cái hộp gỗ đựng những viên than hoa đen nhánh, một cái bình đựng nước mưa hứng giữa trời từ cơn mưa gần nhất... Ấm men da lươn, đầu vôi và tay cầm bịt bạc. Sau khi tráng trà, pha trà, ông mới đưa cái vôi ấm lên trên ngọn lửa than hoa nhỏ, hơ cho cái vôi thật nóng. Xong, uống trà thẳng từ vôi ấm. Nước trà nóng, đi qua cái vôi bịt bạc vừa nung, cứ gọi là xôi xèo xèo trong cổ họng*” [15, 198-199]. Còn là mâm cúng truyền thống phải đủ bốn bát, sáu đĩa “*bốn bát gồm: Bát móng giò hầm măng lưỡi lợn, bát bóng*

nấu thập cẩm, bát miến nấu lòng gà, bát mọc. Sáu đĩa gồm: đĩa xôi vò, đĩa thịt gà luộc, đĩa chả quế, đĩa giò lụa, đĩa nem rán, đĩa nộm” [16, 180]. Từ sự quan sát tinh tế, từng chi tiết, dụng cụ, cách thức làm nên chúng, mọi hình ảnh và hương vị như hiển hiện ngay trước các giác quan của độc giả, mặc dù trên thực tế nó đang ẩn mình sau cái vỏ ngôn từ độc đáo của chị.

Bằng thứ ngôn ngữ mang đậm tính truyền thống, Đỗ Bích Thúy cho người đọc thấy Hà Nội thể hiện nét nền nã, thanh lịch ở trình độ cao. Từ cách chế biến thức ăn và sáng tạo nên nhiều món ăn đặc sản chỉ Hà Nội mới có. Người Hà Nội ăn lấy ngon chứ không phải lấy no. Nên ẩm thực cũng được nâng lên thành thứ nghệ thuật độc đáo. Trong mâm cơm người Hà Thành rất tôn trọng người già, quý trẻ, nên mâm cơm bao giờ cũng để ý đến mọi đối tượng. Cách ăn mặc của người Hà Nội cũng tao nhã, thanh lịch như chính con người họ. Trong công việc, người Hà Nội cần cù, chịu khó, làm nghề gì cũng làm đến nơi đến chốn để thật lành nghề mới thôi.

Đỗ Bích Thúy sử dụng ngôn ngữ truyền thống nhằm tạo nên tính thống nhất về tâm lí giữa các thế hệ người. Ngôn ngữ trong văn Đỗ Bích Thúy chuẩn mực, nhẹ nhàng, tinh tế và ý nhị tồn tại trong lớp người mang những đặc điểm điển hình của Hà Nội xưa. Đó là cách xưng hô “*cậu*”, “*con*”, “*mợ*”; là cách đối nhân xử thế của mẹ chồng Bình với hai con và hàng xóm xung quanh; là cách biểu lộ tình yêu của ông cụ đối với thú vui tao nhã một thời; là thứ tình cảm chân thành, triu mến của bà Minh đối với Oanh khi hai người trò chuyện trong căn phòng. Tất cả nói lên sự coi trọng gia phong của người Hà Nội, bởi đó là cái nôi tạo dựng ý thức cho thế hệ sau. Cha mẹ ông bà luôn là tấm gương cho con cháu noi theo.

Thứ ngôn ngữ mà Đỗ Bích Thúy sử dụng có tính tư duy cao, gợi cho người đọc liên tưởng đến các biểu tượng đẹp trong lòng Thủ đô. Những mái nhà xưa, yên bình, cổ kính, nối tiếp nhau trên dãy phố dài, xây dựng từ thời

Pháp thuộc, hơn một lần đi vào trong những trang văn, bài ca, bức vẽ,... của các nhà thơ, nhà văn, họa sĩ nổi tiếng. Đôi khi lại là thứ ngôn từ lẩn thẩn, mơ màng như tiếng gió nhẹ quét qua lớp lá long não khô dưới lòng đường lết xẹt; tiếng kinh buổi sớm hướng người ta về chốn linh thiêng, gột rửa hết những bụi trần, tâm hồn thanh thoi, an lạc.

3.2.2. Ngôn ngữ đô thị bình dân

Trong văn xuôi của Đỗ Bích Thúy viết về đô thị, ngôn ngữ bình dân được nhà văn khai thác một cách triệt để. Xét trên khía cạnh lịch sử, có thể khẳng định ngôn ngữ mang tính xã hội, luôn vận động không ngừng, biến đổi cùng với cuộc sống. Sự đa dạng và phát triển của ngôn ngữ hiện đại góp phần hình thành nên những hình thái thẩm mỹ và tư duy trong văn học. Sau năm 1975, đặc biệt từ giai đoạn đổi mới đến nay, ngôn ngữ đã bắt đầu dịch chuyển song hành cùng với quan niệm nghệ thuật và hình tượng văn học của các lớp nhà văn, từ ngôn ngữ mang tính sử thi sang ngôn ngữ đời sống thường nhật, cái tôi cá nhân được đề cao tạo nên sự ảnh hưởng về cảm quan và cách nhìn cuộc sống của các tác giả, đòi hỏi họ phải xác định viết cho ai và viết như thế nào.

Về mặt ngôn từ, văn xuôi viết về Hà Nội của Đỗ Bích Thúy có những nét độc đáo, cá tính riêng biệt, biểu hiện qua tính tự nhiên, thoải mái, không bắt chước, gò bó, giản dị, thấy gì nói đó, không gân guốc, hoa mỹ. Ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày được sử dụng triệt để với tất cả các loại khẩu ngữ “vàng”, “tao”, “mày”, “hừ”, “cơ đấy”, “nhá”. Đôi khi là thứ ngôn ngữ bốp chát qua những lời thoại “xin xin cái mả bố nhà mày” [16, 12], “mày nói câu nữa tao vả vỡ mồm bây giờ” [16, 14], “mày chết, mày chết với bà rồi con ơi. Bà thì bà cho mày ra bã chuyến này. Bà đập chết mày” [16, 31] cũng được sử dụng. Chỉ một đoạn hội thoại giữa Vinh và Lê cũng thấy trường ngôn ngữ đời thường được Đỗ Bích Thúy sử dụng triệt để đến thế nào:

“Thằng Vinh lờm con Lê một cái, ôm mở quần áo của Tiến lên gác.
Con Lê nói với theo:

- Nhớ giặt giũ cho cẩn thận. Lần sau chị còn vuốt má cho.

Thằng Vinh đã lên đến cầu thang còn quay lại:

- Vuốt cái thằng bố mày ấy.

Giọng con Lê đột nhiên chua loét:

- Bố tao không đến lượt mày. Tao vả cho vỡ mồm.

- Mở mồm ra là đòi vả. Lên đây mà vả. Ông thì ông ném mẹ vào tú sáy...” [16, 93].

Bên cạnh đó là thứ ngôn ngữ phức hợp, khi giản dị hòa đồng, khi chan chất thẳng thắn tồn tại trong lớp trẻ hôm nay. Họ gọi nhau í ới, tiếng cười đùa lẫn với tiếng chửi chỉ vì những điều rất giản đơn trong cuộc sống. Họ cợt cỡm và chọc gheo mỉa mai những thói hư tật xấu của một số bộ phận người. Họ nhieéc móc và nặng lời dày vò nhau bởi những hiểu lầm không thể giải thích trong cuộc sống hôn nhân gia đình.

Trong những truyện ngắn viết về Hà Nội in trong tập **Đàn bà đẹp** của Đỗ Bích Thúy, rất ít khi ta bắt gặp những lời nói đối thoại theo phương thức trực tiếp của nhân vật nhưng ẩn sâu sau những lời văn mà tác giả dùng để miêu tả tâm lí của họ: “*Nàng dừng xe trước cổng nhà thờ để anh ta xuống. Tạm biệt! Anh ta nói. Tạm biệt! Nàng nói. Chỉ có thể. Đúng vậy, chỉ có thể. Rất hoàn hảo, nếu như không kể đến một tiếng ợ nhỏ, rất nhỏ, nhưng nàng vẫn nghe thấy, phát ra từ cổ họng anh ta. Nàng như rơi một phát từ ngọn cây xuống đất. Nàng không thể hình dung, một người hoàn hảo như một quý ông Châu Âu ấy lại có thể ợ một tiếng*” [15, 170]. Mỗi đoạn độc thoại mà Đỗ Bích Thúy xây dựng đều cho ta hình dung ra sự giằng xé và đối lập mãnh liệt từ xúc cảm của cơ thể đến những rung động lí trí ngự trị trong tâm hồn, bằng một phương thức giao tiếp đặc biệt: Phi ngôn từ và độc thoại nội tâm. Đối với những người nhập cư về thành phố, những lời nói của họ có phần quê mùa và cộc lốc, hiển hiện trong thực tế tri giác về văn hóa chưa thể đạt tới mức có thể tiếp cận nhanh chóng và hòa hợp với văn minh đô thị, với những người khôn

mẫu, ý nhị và tinh tế trong giao tiếp, đối nhân xử thế, nhưng đó là thứ ngôn ngữ bình dân nhất, chân thành nhất:

“*Con Tư có lần bảo:*

- *Cô ăn uống mát vệ sinh thế không sợ giun sán à? (Ý nó bảo cô Ụt vừa cầm thịt sống đã lại xé bánh mì chén như thường)*

- *Đã vào bụng tao là tao chén tất, kể cả giun sán. Tiêu hóa tất”* [16, 38]

Khi viết về lịch sử, cuộc sống và con người vùng cao, chị nói bằng thứ ngôn ngữ mộc mạc, giản dị của đồng bào. So với hai tiểu thuyết về miền núi thì ***Cửa hiệu giặt là*** một số truyện ngắn trong tập ***Đàn bà đẹp*** xuất hiện ngôn ngữ đối thoại dày đặc hơn. Đỗ Bích Thúy đã chắt lọc ngôn ngữ đời sống phố thị một cách tinh tường để đưa vào tiểu thuyết và truyện ngắn thứ ngôn ngữ rất đời thường, rất hiện sinh của người đô thị thời hiện đại. Lời phát ngôn nào cũng thể hiện một đặc điểm tính cách cụ thể, luôn va đập, cọ xát. Đỗ Bích Thúy đã lựa thứ ngôn ngữ đối thoại chát chúa, thô nhám, tếu táo của người đô thị hiện đại vào trang văn một cách tự nhiên. Những khẩu ngữ, tiếng lóng, từ mới phát sinh được các nhân vật ưa thích, sử dụng. Hiện tượng tạo láy bằng cách thêm “*iếc*” hóa nhằm mục đích phủ định, mỉa mai cũng hiện diện trong lời thoại của các nhân vật: “*cửa hàng cửa hiếc*”, “*chả tham thiếc gì sắt*”, “*than thiếc*”, “*đồng tính đồng tiếc*”, “*thuốc thiếc gì*”, “*nhẽ nhiếc gì*”, “*bụng biếc*”, “*đùi điếc*”, “*đi làm đi liếc*”... Xuất hiện rất nhiều trong lời phát ngôn của các nhân vật là những cách nói suông sã, trêu chọc, cãi vã chông lòn theo kiểu ngôn ngữ giới trẻ: “*bẻ chân bẻ tay làm tằm xĩa răng bây giờ*”, “*xin xin cái mả bố nhà mày*”, “*vả vào môm bây giờ*”, “*vuốt cái thằng bố mày ấy*”, “*mày cứ đánh đĩ môm như thế*”, “*xin mấy cái răng cửa giờ*”, “*đanh đá như mèo cái*”, “*cái đồ thối môm*”, “*bà thì bà cho mày ra bã chuyén này*”, “*đau hết cả lòng mề*”, “*mặt mày già đau già đón thế kia*”, “*gi gi gi gi cái gì cũng biết*”...

Qua lời ăn tiếng nói của các nhân vật, Đỗ Bích Thúy muốn xới lên một mảng ngôn từ của thanh niên mới lớn cũng như những người lao động nghèo

ở đô thị hiện nay. Những chuỗi hội thoại tưởng chừng như vụn vặt, không đầu không cuối ấy, với vô vàn những câu chuyện ngổn ngang chất chứa sự hỗn tạp của cuộc đời đô thị dường như đang bày ra trước mắt người đọc. Qua đó, cách sống, quan niệm sống, cá tính của nhân vật hiện lên sinh động, đa dạng như ngoài đời. Việc cập nhật, lựa chọn và tái hiện đa dạng ngôn ngữ đời thường miền núi và đô thị trong ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật thể hiện tư duy hướng vào đời tư, bám sát hiện thực đời sống của tác giả. Lớp ngôn ngữ đối thoại đã thổi hồn cho tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy và cũng in dấu sự tìm tòi, đổi mới của nhà văn trong quá trình sáng tạo.

Trong *Cửa hiệu giặt là* còn xuất hiện lớp từ ngữ chuyên môn, trong đó phần nhiều là từ ngữ đặc trưng của thời đại kỹ thuật số, của thời đại công nghệ thông tin: “*kiểu thông tin điện tử*”, “*trang west*”, “*chát*”, “*nick*”, “*gmail*”, “*forwad*”, “*báo điện tử*”, “*điện thoại có 3G*”, “*truyền hình cáp*”... và một loạt những từ ngữ chỉ xuất hiện sau đổi mới: báo lá cải, câu view, showbiz, phim Hàn Quốc... Có thể nói, ngôn ngữ thời hiện đại đã chi phối rất nhiều phát ngôn của người kể chuyện. Thông qua ngôn ngữ của người kể, bức tranh đô thị Hà Nội thời hiện đại hiện lên rõ nét, tường tận hơn. Điều này ta dễ bắt gặp trong văn viết về Hà Nội của một số nhà văn trẻ. Phong Điệp khi viết về đời sống đô thị cũng sử dụng nhiều khẩu ngữ, thành ngữ, ngôn ngữ thị dân đời thường, ngôn ngữ mạng. Đó là thứ ngôn ngữ giàu nhịp điệu, giàu hơi thở của cuộc sống với tính đa nghĩa, cấu trúc tự do, kết cấu lỏng lẻo...

Cảm quan đô thị sắc sảo của một cây bút trẻ đã chi phối đến sự lựa chọn ngôn ngữ của Đỗ Bích Thúy. Qua sự quan sát, lựa chọn, vận dụng các phương tiện lời nói, Đỗ Bích Thúy đã tái hiện ngôn ngữ đối thoại của nhân vật một cách sinh động, chân thật nhất có thể và rất phù hợp với văn hóa giao tiếp. Để tiểu thuyết của mình phản ánh hơi thở của cuộc sống đô thị đương đại, Đỗ Bích Thúy đã sử dụng những khẩu ngữ, tiếng lóng, từ mới phát sinh được các nhân vật ưa thích.

Tựu chung lại, yếu tố ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng hình tượng người Hà Nội. Sự đa dạng của ngôn ngữ biểu hiện đồng nghĩa với sự phong phú ở khía cạnh tính cách nhân vật, một bức họa ba chiều về con người nằm trong mối quan hệ với các chính thể và các mối quan hệ phức tạp xã hội khác, để ai trong số họ hiện lên đều mang ý nghĩa nhất định góp phần làm sáng tỏ ý đồ của nhà văn.

Đỗ Bích Thúy đã kết hợp hài hòa và linh hoạt ngôi kể và điểm nhìn để bức tranh đời sống đô thị Hà Nội hiện lên vừa khách quan, vừa chân thực, sống động và đa chiều. Đô thị không chỉ có sự cảm dỗ về vật chất mà còn có sự bình lặng của một không gian đô thị chật hẹp. Trong văn Đỗ Bích Thúy, bên cạnh thời gian tuyến tính, chị còn sử dụng nhiều thời gian tâm lý. Chính vì vậy đã tạo hiệu quả rõ rệt trong việc miêu tả đời sống tinh thần của cư dân đô thị. Bên cạnh đó, đời sống tình cảm giàu yêu thương của những con người cư dân đô thị cũng được thể hiện rất rõ trong văn Đỗ Bích Thúy.

Tiểu kết chương 3

Trong lời giới thiệu cuốn *Đàn bà đẹp*, Trần Đăng Khoa đã dành sự trân trọng về tài năng của Đỗ Bích Thúy: “*Đọc Đỗ Bích Thúy cần nhẫn nha. Nếu đọc vội vàng sóng sít, theo kiểu “nuốt sống ăn tươi”, đọc để biết nội dung thì sẽ chẳng thấy gì hết bởi truyện chị rất giản dị, nhiều truyện không có cốt hoặc nếu có cốt thì cái cốt truyện cũng rất lỏng lẻo mờ nhạt. Bởi thế, truyện Đỗ Bích Thúy thường không tóm tắt được, vì chẳng có gì để tóm tắt. Vậy mà chị vẫn dựng thành một tác phẩm hoàn chỉnh, hấp dẫn, trong trẻo và buốt nhói*” [15, 7-8]. Khi viết về đô thị nhà văn trẻ đã sử dụng một ngòi bút vừa tinh tế, vừa sắc sảo để khắc họa một hình ảnh Hà Nội từ nhiều góc nhìn. Hà Nội với một không gian bề bộn, nhộn nhịp với những hình ảnh xưa và nay đan xen khéo léo. Trên cái phong nền ấy, con người Hà Nội hiện lên với đủ thành phần, nghề nghiệp, địa vị... nhưng họ giàu tình cảm thương yêu lẫn nhau. Người đọc cảm thấy sự kéo léo của Đỗ Bích Thúy trong việc kết hợp linh hoạt giữa thứ ngôn ngữ truyền thống với thứ ngôn ngữ đời thường tự nhiên nhưng cũng rất giàu chất suy tư.

KẾT LUẬN

1. Trong văn học Việt Nam hiện đại, đô thị luôn một đề tài nóng bỏng, mang tính chất thời sự, nhưng không phải nhà văn nào cũng có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về mọi mặt của đời sống đô thị. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, đô thị Việt Nam cũng phát triển với tốc độ chóng mặt. Những chính sách mở cửa đã thực sự phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, khơi gợi tiềm năng và sức lao động sáng tạo của con người. Từ đó, đời sống của nhân dân giảm bớt khó khăn, tình hình kinh tế xã hội cũng dần ổn định. Tuy nhiên, sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường đã tạo ra nhiều hệ lụy đáng suy ngẫm trong đời sống xã hội. Tất cả những trần trở, day dứt ấy được các nhà văn đương đại phản ánh một cách chân thực trên từng trang viết. Bức tranh về đời sống xã hội đời thường hiện lên với những con người mang sự hoài nghi, cô đơn, lạc lõng trước cơn lốc soáy của thời buổi kinh tế thị trường. Nhưng đâu đó trên nhiều trang viết của các nhà văn trẻ, sự níu kéo những giá trị tinh thần, giá trị văn hóa cùng tình người ấm áp vẫn làm ngời lên niềm tin vào những điều tốt đẹp ở xã hội đương thời.

2. Đọc văn Đỗ Bích Thúy người đọc cảm thấy hứng thú bởi lối viết giản dị, dễ hiểu, lời văn gần gũi như những câu nói hàng ngày. Hà Nội của Đỗ Bích Thúy đầy ắp cảm xúc, tiếng cười, tình người ấm áp. Qua tiểu thuyết ***Cửa hiệu giặt là*** và truyện ngắn ***Đàn bà đẹp***, nhà văn đã không ngần ngại đặc tả hình ảnh những con người đô thị với cuộc sống xô bồ, hỗn tạp nơi chốn thị thành bon chen, phức hợp. Qua đây, tác giả cho người đọc thấy bức tranh toàn cảnh về một Hà Nội đương đại vừa lạ vừa quen... Đó là một Hà Nội đan xen giữa cái cũ và cái mới, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường tạo nên những tín hiệu tích cực cho cuộc sống, nhưng vô hình chung lại đẩy văn hóa truyền thống và nét đẹp vật chất lẫn tinh thần của con người chìm dần với các giá trị đứt gãy đang tồn tại. Qua các tác phẩm, hình ảnh người Hà Nội hiện lên với sự thuần phác, coi trọng các yếu tố thuộc về truyền thống, trân

trọng, nâng niu và giữ gìn vẻ đẹp văn hiến ngàn năm. Bên cạnh đó là đời sống của tầng lớp thị dân với những cái mới được hình thành, tốt - xấu lẫn lộn, họ có công việc ổn định, thu nhập cao, sống trong không gian sang trọng và rộng rãi nhưng ẩn sâu trong tâm hồn là những góc khuất tâm lý khiến họ day dứt, xót xa, đôi khi là thói nghi kỵ, ghen tuông từ những điều nhỏ nhặt trong mối quan hệ thường ngày. Nhưng tựu chung lại, tất cả con người nơi góc phố ấy đều dành cho nhau tình yêu thương và sự sẻ chia những niềm vui, nỗi buồn với bọn bè, lo toan cho kiếp mưu sinh cùng cực vất vả.

3. Bằng lối viết nhẹ nhàng và tinh tế, Đỗ Bích Thúy đã quan sát và sử dụng các chi tiết mang tính điểm nhấn, bình dị, câu văn tự nhiên, không gò bó, như một thước phim quay chậm của cuộc sống đô thị. Nhà văn đã dùng các thủ pháp nghệ thuật độc đáo để khắc họa hình ảnh người Hà Nội với những hành động, ngôn ngữ, ngoại hình, tâm lý nhẹ nhàng, mang đến cho độc giả góc nhìn sâu sắc và đa chiều về sự thay đổi giữa yếu tố vật lý lẫn tâm lý trong mỗi hoàn cảnh, góp phần định hình nên những vùng thẩm mỹ đặc trưng. Sự thành công của Đỗ Bích Thúy là đã kết hợp hài hòa nhiều giọng điệu và ngôn ngữ để truyền tải thông điệp nghệ thuật của mình vào từng nhân vật bằng sự cảm thông trân trọng tuyệt đối. Mỗi câu chuyện mà nhà văn kể chỉ là những điều lặt vặt xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Nhưng từ đó cũng đủ cho ta thấy một đời sống đô thị hôm nay vừa sinh động, vừa nhẹ nhõm và vô cùng tinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu sách:

1. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Hà Nội 36 + góc nhìn*, Nxb Thanh niên.
2. Trần Văn Bính (2010), *Văn hóa Thăng Long Hà Nội hội tụ và tỏa sáng*, Nxb Chính trị Quốc gia.
3. Lê Tiến Dũng (2003), *Giáo trình lý luận văn học* (phần Tác phẩm văn học), Nxb Đại học Quốc gia, TP.HCM
4. Nguyễn Thị Út Hà (2013), *Chuyện cũ Hà Nội trong văn Tô Hoài*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
5. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục
6. Trần Hùng - Nguyễn Quốc Thông (2004), *Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa*, Nxb Xây dựng.
7. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn.
8. Phong Lê (2009), *Hiện đại hóa và đổi mới Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Long (2010), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại Tập II*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Nguyễn Diệu Linh, Khổng Đại Thạch (2017), *Hình ảnh Hà Nội trong Cửa hiệu giặt là của Đỗ Bích Thúy*, Diễn đàn văn nghệ Việt Nam.
11. Đặng Thị Hồng Nhung (2012), *Văn hóa và con người miền núi qua tập truyện Tiếng đàn môi sau bờ rào đá của Đỗ Bích Thúy*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
12. Giang Quân (2010), *Văn hóa gia đình người Hà Nội*, Nxb Quân đội Nhân dân.
13. Lương Văn Thành (2012), *Tổ chức tự sự trong truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
14. Nguyễn Thị Thu (2012), *Truyện ngắn Đỗ Bích Thúy nhìn từ góc độ thể loại*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

15. Đỗ Bích Thúy (2013), *Đàn bà đẹp*, Nxb Văn học.
16. Đỗ Bích Thúy (2014), *Cửa hiệu giặt là*, Nxb Phụ nữ.
17. Nguyễn Xuân Thủy (2013), *Đặc điểm truyện ngắn Đỗ Bích Thúy*, Luận văn thạc sĩ - Đại học KHXH&NV.
18. Cao Thị Hồng Vân (2012), *Con người trong văn xuôi về miền núi của các tác giả trẻ đương đại (Cao Duy Sơn, Đỗ Bích Thúy và Phạm Duy Nghĩa)*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
19. Đỗ Thị Hồng Vân (2013), *Cảm quan hiện thực trong **Truyện cũ Hà Nội** của Tô Hoài*, Luận văn thạc sĩ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

II. Website:

20. Mai An (2013), *Nhà văn Đỗ Bích Thúy - “Muốn sục sạo thế giới bằng đôi mắt cô thợ giặt là”*
<http://sggp.org.vn/vanhoavannghen/2013/11/332129/>
21. Phan Thái Vàng Anh (2011), *Ngôn ngữ trần thuật trong truyện ngắn Việt Nam đương đại*
<http://baomuahet2011.vnweblogs.com/post/19274/237412>
22. Dương Thùy Chi (2013), *“Nhà văn Đỗ Bích Thúy: Viết trên đôi cánh ước mơ”*
<http://baotintuc.vn/van-hoa/nha-van-do-bich-thuy-viet-tren-doi-canh-giac-mo-20130627230856340.htm>
23. Báo Nhân dân (2013), *“Sương khói mịt mờ” - Truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy*
<http://www.nhandan.com.vn/hangthang/van-hoa/truyenngan/item/190402.html>
24. Cát Đăng (2014), *Sự dịu dàng kiên định của Đỗ Bích Thúy*
<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=78&p=&id=148104>
25. Hiền Đỗ (2014), *“Cửa hiệu giặt là” - bức tranh về Hà Nội bằng văn xuôi*
<http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/cua-hieu-giat-la-buc-tranh-vehanoi-bang-van-xuoi-2968613.html>
26. Ngô Văn Giá (2013), *Trong bếp tro tàn còn hòn than đỏ (về truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy)* <http://vietvan.vn/vi/bvct/id3556/Trong-bep-tro-tan-con-hon-than-do-%28Ve-truyen-ngan-cua-Do-Bich-Thuy%29/>

27. Thanh Hà (2014), *Ra mắt Cửa hiệu giặt là*
<http://www.tienphong.vn/van-nghe/ra-mat-cua-hieu-giat-la-687010.tpo>
28. Thu Hiền (2007), *Nhà văn Đỗ Bích Thúy: Một người đã từng bị tước đi hạnh phúc sẽ biết giữ gìn nó một cách tận tụy.*
http://cn.cpv.org.vn/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=10093&cnid37171#
29. Hạnh Lê (2010), *Ngõ phố Hà Nội*
<http://ngoisao.net/tin-tuc/goc-doc-gia/choi-blog/ngo-pho-ha-noi-2571789.html>
30. Mi Ly, *Nhà văn Đỗ Bích Thúy: Nhà văn đâu phải chỉ cắm đầu mà viết*
http://www.moingay1cuonsach.com.vn/index.php?option=com_content&view=arcle&id=557:nha-van-do-bich-thuy-nha-van-dau-phai-chi-cam-dau-ma-viet&catid=173&Itemid=656
31. Dương Bình Nguyên (2008), *Nhà văn Đỗ Bích Thúy - Sự mềm mại quyết liệt*
<http://thvl.vn/?p=12026>
32. Phan Nhân (2014), *Nữ nhà văn miền núi với tình yêu Hà Nội rất riêng*
<http://nhavantre.com.vn/vi/tac-pham-va-du-luan.nd170/nu-nha-van-mien-nuivoi-tinh-yeu-ha-noi-rat-rieng.i770.html>
33. Nguyễn Thu Phương (2013), *Nhà văn Đỗ Bích Thúy: “Không có tình yêu thì sống làm sao?”*
<http://phunuonline.com.vn/giai-tri/nghe-si-cua-thang/nha-van-do-bich-thuy-khong-co-tinh-yeu-thi-song-lam-sao-/a89172.html>
34. Phạm Thị Thanh Phương (2014), *Truyện ngắn nữ trong văn xuôi Việt Nam đương đại*
<http://vanhien.vn/vi/news/Dien-dan-van-nghe-VN/Truyen-ngan-nu-trong-van-xuoi-Viet-Nam-duong-dai-8367/>
35. Bùi Việt Thắng (2014), *PHỐ THÚY (Nghĩ về Cửa hiệu giặt là, tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy, Nxb Phụ nữ, 2014)*

- http://www.nxbphunu.com.vn/Desktop.aspx/Tin-tuc/Tin-noi-bo/PHO_THUY_Nghi_ve_Cua_hieu_giat_la_tieu_thuyet_cua_Do_Bich_ThuyNxb_Phu_nu_2014/
36. Nguyễn Văn Thọ (2012), *Người ở phố nhớ rừng*
<http://phongdiep.net/default.asp?action=article&ID=15359>
37. Nguyễn Văn Thọ (2014), *Ngẫu hứng với Đỗ Bích Thúy qua Facebook*
<http://nhavanvatacpham.vn/ngau-hung-voi-do-bich-thuy-qua-facebook-cuanguyen-van-tho-thuc-hien/>
38. Cảo Thơm (2014), *Nhà văn Đỗ Bích Thúy ra mắt tiểu thuyết “Cửa hiệu giặt là”*
<http://vov.vn/van-hoa/van-hoc/nha-van-do-bich-thuy-ra-mat-tieu-thuyet-cuahieu-giat-la-317289.vov>
39. Thi Thi (2014), *Cảm ơn vì đã viết về Hà Nội*
<http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/sach/674736/cam-on-vi-da-viet-ve-ha-noi>
40. Lam Thu (2014), *Me Tư Hồng - Truyện người đàn bà phá tường thành Hà Nội*
<http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/diem-sach/me-tu-hong-chuyen-nguoidan-ba-pha-tuong-thanh-ha-noi-3113698.html>
41. Minh Thu (2014), *Ra mắt tiểu thuyết mới về đô thị của Đỗ Bích Thúy*
<http://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/ra-mat-tieu-thuyet-moi-ve-do-thi-cuadobich-thuy-n20140325100540939.htm>
42. Lê Hương Thủy, *Truyện ngắn đương đại về đề tài đô thị*
<http://tonvinhvanhoadoc.vn/van-hoc-viet-nam/phe-binh/5920-truyen-nganduong-dai-ve-de-tai-do-thi.html>
43. Nguyễn Thị Phương Thúy (2016), *Văn học đô thị: Khái niệm và đặc điểm*
<http://vanhaiphong.com/ly-luan-phe-binh/2790-2016-04-23-08-01-44.html>
44. Thi Thi (2014), *Cảm ơn vì đã viết về Hà Nội*
<http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/sach/674736/cam-on-vi-da-viet-ve-ha-noi>
45. Kỳ Thư, 2011, *Lịch sử Hà Nội qua cuộc đời một “cậu ấm”*

<http://www.tienphong.vn/van-nghe/lich-su-ha-noi-qua-cuoc-doi-mot-cau-am-794718.tpo>

46. Lê Hương Thủy, *Truyện ngắn đương đại về đề tài đô thị*

<http://tonvinhvanhoadoc.vn/van-hoc-viet-nam/phe-binh/5920-truyen-ngan-duong-dai-ve-de-tai-do-thi.html>

47. Congtien - Canbiet, 2014, *Hà Nội và những gánh hàng rong*

<http://tuoitre.vn/tin/can-biet/20140724/ha-noi-va-nhung-ganh-hang-rong/626029.html>